

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỔNG CỤC THỂ DỤC THỂ THAO
TRUNG TÂM THÔNG TIN THỂ DỤC THỂ THAO**

THÔNG TIN TỔNG HỢP

BẢN TIN NỘI BỘ PHỤC VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NGÀNH TDTT

Số 5 – Tháng 8, năm 2011

**Chuyên đề: KHÁI NIỆM DOPING, PHÒNG - CHỐNG SỬ DỤNG VÀ
CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN**

Hà Nội – Tháng 8/2011

Trung tâm Thông tin
Thể dục thể thao
36 Trần Phú – Ba Đình – Hà Nội
Tel: (043) 747 2958
Fax: (043) 747 1981
Email: banbientap@tdtt.gov.vn
Website: www.tdtt.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung
Giám đốc – Tổng Biên tập Trang tin
điện tử TĐTTVN
ĐÀM QUỐC CHÍNH

Ban biên tập
LÝ ĐỨC THÙY (Trưởng ban)
VŨ VÂN ANH
ĐOÀN ANH THU

Kỹ thuật – Trình bày
TRẦN PHƯƠNG NGỌC

Với sự cộng tác của
VŨ VÂN ANH
HÀ KIM TUYẾN
ĐÀM THANH XUÂN
TRẦN PHƯƠNG NGỌC
TRẦN THANH MAI
PHẠM THÁI DƯƠNG
TRẦN NHÃ NAM
BĂNG TÂM
NGÔ THỊNH HƯỜNG
ĐỖ TRẦN ĐÔNG
NGUYỄN NGỌC CHÂU

Mục lục

* * *

Định nghĩa, lịch sử và những sự kiện quan trọng.....	trang 3
Danh sách các nhóm chất và phương pháp cấm sử dụng trong luyện tập và thi đấu thể thao	trang 20
Quy trình xét nghiệm, kiểm tra Doping.....	trang 30
Tiêu chuẩn hoạt động của Trung tâm xét nghiệm Doping.....	trang 32
Một số thông tin mới về Doping và các phương pháp bị cấm sử dụng.....	trang 52
Chính sách chống Doping của một số quốc gia.....	trang 60
Trung Quốc.....	trang 60
Vương quốc Anh	trang 63
Hoa Kỳ	trang 65
Canada	trang 70
Nga.....	trang 72
Úc	trang 73
Singapore.....	trang 74
Indonesia.....	trang 77
Barbados.....	trang 79
Quy định phòng, chống Doping của một số Liên đoàn thể thao trên thế giới.....	trang 81

ĐỊNH NGHĨA, LỊCH SỬ VÀ NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

* * *

Doping bắt nguồn từ “*dop*” trong tiếng Hà Lan, được dùng để chỉ một loại đồ uống có cồn làm từ nho hay được các chiến binh Zulu sử dụng trước mỗi trận đấu (với mục đích để tăng cường sức mạnh). Cụm từ “*doping*” được chính thức sử dụng vào khoảng những năm đầu của thế kỷ 20, dành cho môn Đua ngựa.

Tương tự với cách thức như các VĐV từ thời Hy Lạp cổ đại dùng thực phẩm và một vài chất kích thích khác để tăng cường sức khỏe, thời gian đầu thế kỷ 19, cây mã tiền (chiết xuất ra chất strychnine có tác dụng trong việc kích thích thần kinh), caffeine, cocaine và các chất có cồn đã được các VĐV Xe đạp (cũng như một vài môn thể thao yêu cầu có sức bền) sử dụng. Thomas Hicks - người giành chiến thắng tại nội dung marathon TVH Olympic Saint Louis 1904, đã sử dụng rất nhiều trứng gà sống, strychnine, và rượu brandy trong suốt hành trình thi đấu.

Năm 1928, Liên đoàn Điền kinh Quốc tế (IAAF) là tổ chức thể thao quốc tế đầu tiên cấm sử dụng doping trong thi đấu. Theo sau IAAF, một loạt các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao khác cũng có quyết định cấm sử dụng doping, nhưng tại thời điểm này chưa có các bài kiểm tra doping được thực hiện. Sau cái chết của VĐV Xe đạp người Đan Mạch Knud Enemark Jensen tại TVH Olympic Rome 1960, các nhà lãnh đạo và quản lý thể thao mới trở về việc nên xây dựng quy trình kiểm tra doping dành cho các VĐV.

Vào năm 1968, sau khi Hội đồng Olympic Quốc tế (IOC) chính thức công bố Danh mục chất và phương pháp cấm trong thi đấu, tại TVH Olympic Mexico, các bài kiểm tra doping đã được đưa vào thực hiện.

Từ đó đến nay, Danh mục chất và phương pháp kiểm tra, xác định các chất Doping cấm sử dụng đã có nhiều thay đổi, với sự xuất hiện của các chất kích thích mới, các chất đồng hóa, phương pháp doping máu... Điều này cũng khiến các nhà quản lý phải nghiêm túc suy nghĩ, cũng như đưa ra những cách thức phối hợp, hoặc biện pháp để nâng cao ý thức trong việc phòng và chống doping của những bên có liên quan như các tổ chức, chính phủ, Liên đoàn, Hiệp hội, VĐV...

Doping được hiểu là việc vi phạm một trong các khoản được liệt kê dưới đây:

- Có sự xuất hiện của chất bị cấm sử dụng hoặc các sản phẩm chuyển hóa trong thành phần mẫu thử lấy từ VĐV;
- Sử dụng các chất và phương pháp bị cấm sử dụng trong luyện tập và thi đấu thể thao;
- Từ chối không tham gia kiểm tra xét nghiệm doping;
- Bị bỏ lỡ bài kiểm tra xét nghiệm doping;
- Làm giả hoặc có hiện tượng làm giả các mẫu thử của bất kỳ một bước kiểm tra nào trong quá trình xét nghiệm;
- Là chủ nhân sở hữu chất thử có kết quả dương tính với doping;
- Mua bán hoặc nghi ngờ có hành vi mua bán các chất và phương pháp bị cấm trong luyện tập và thi đấu thể thao;
- Kích động, tiếp tay, bao che hoặc nghi ngờ có các hành động trên để tạo điều kiện cho việc sử dụng các chất/ phương thức bị cấm một cách thuận tiện.

WADA là tên viết tắt của **Tổ chức chống Doping Thế giới**, một tổ chức quốc tế được thành lập vào năm 1999, với mục tiêu chính là tuyên truyền, phối hợp và giám sát các chương trình hoạt động trong việc không sử dụng doping (chất kích thích, chất bị cấm sử dụng) dưới mọi hình thức trong thi đấu thể thao.

Bộ luật chống Doping Thế giới là tập tài liệu cung cấp thông tin có liên quan đến việc chống Doping ở các quốc gia trên thế giới, cũng như tại các Liên đoàn, Hiệp hội. Bộ luật này đưa ra hệ thống chương trình hoạt động, quy trình làm việc dành cho các tổ chức nhà nước, tổ chức cộng đồng trong lĩnh vực thể thao, với mục tiêu giúp các VĐV (ở nhiều môn thể thao khác nhau) được hưởng những quyền lợi theo chính sách chung khi làm các bài kiểm tra doping.

Bộ luật chống Doping Thế giới được xây dựng và phát triển dựa trên những đóng góp và nghiên cứu kỹ lưỡng của các chuyên gia đến từ các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao, các tổ chức chống Doping trên thế giới, hệ thống các phòng thí nghiệm đạt chuẩn, chính phủ nhiều quốc gia, các VĐV và nhiều bên liên quan. Bộ luật được đưa ra bàn thảo và có sự đồng nhất thực hiện tại Hội nghị Chống Doping Thế giới lần thứ 2, tổ chức vào năm 2003, và chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2004. TVH Olympic Athens 2004 tổ chức tại Hy Lạp là sự kiện thể thao quốc tế đầu tiên Bộ luật được đưa ra triển khai.

ĐỊNH NGHĨA, LỊCH SỬ VÀ NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

Bộ luật Chống Doping Thế giới gồm các phần sau: Danh mục chất và phương pháp bị cấm trong luyện tập và thi đấu thể thao; Quy trình kiểm tra Doping; Các trường hợp sử dụng trong chữa bệnh; Phòng thí nghiệm; Thông tin VĐV và cá nhân.

Chương trình Chống Doping tại các TVH

Tại TVH Olympic Mùa đông Vancouver 2010, đã có 2000 mẫu thử bất kỳ được mang ra xét nghiệm. BTC của TVH Olympic Mùa đông Vancouver 2010 (VANOC) với trách nhiệm xây dựng chuỗi phòng thí nghiệm phục vụ TVH, đã chuẩn bị hệ thống cơ sở vật chất đạt chuẩn WADA cũng như đội ngũ chuyên viên nhiều kinh nghiệm làm việc trực tiếp dưới sự điều hành và giám sát của IOC.

Các trường hợp VĐV bị yêu cầu xét nghiệm doping gồm: các VĐV có thành tích đứng trong top 5 VĐV xuất sắc của môn thi đấu, hoặc các VĐV bị bốc thăm bất kỳ, hoặc các VĐV có tên trong danh sách phải kiểm tra. Điều này có nghĩa là các VĐV cần phải có mặt tại Trung tâm kiểm tra Doping của TVH tại đúng thời gian để thực hiện bài kiểm tra doping, dưới sự giám sát của các chuyên gia và chuyên viên về doping.

Bảng tổng kết về số lượng mẫu thử doping tại các kỳ TVH Olympic

Năm	Địa điểm tổ chức	Số lượng mẫu thử	Kết quả dương tính
1968	Mexico City	667	1
1972	Munich	2079	7
1976	Montreal	2054	11
1980	Matx-cơ-va	645	0
1984	Los Angeles	1507	12
1988	Xê-un	1598	10
1992	Barcelona	1848	5
1996	Atlanta	1923	2
2000	Sydney	2359	11
2004	Athens	3667	26*
2008	Bắc Kinh	4770	14+6**

ĐỊNH NGHĨA, LỊCH SỬ VÀ NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

Chú ý:

* Số liệu bao gồm kết quả dương tính từ mẫu thử của phòng thí nghiệm, cùng với một số các trường hợp vi phạm khác như đưa mẫu thử đến muộn giờ quy định, mẫu thử không đạt chuẩn, từ chối không kiểm tra.

** Tại TVH Olympic Bắc Kinh 2008, 6 trường hợp dương tính là mẫu thử với ngựa thi đấu, trong đó có 5 mẫu có kết quả dương tính sau khi thi đấu.

Bảng tổng kết về số lượng mẫu thử doping tại các kỳ TVH Mùa đông

Năm	Địa điểm tổ chức	Số lượng mẫu thử	Kết quả dương tính
1968	Grenoble	86	0
1972	Sapporo	211	1
1976	Innsbruck	390	2
1980	Lake Placid	440	0
1984	Sarajevo	424	1
1988	Calgary	492	1
1992	Albertville	522	0
1994	Lillehammer	529	0
1998	Nagano	621	0
2002	Thành phố Salt lake	700	7
2006	Turin	1200	7

Tuệ Minh biên dịch

NHỮNG TRƯỜNG HỢP NỔI BẬT TRONG LỊCH SỬ VỀ VIỆC SỬ DỤNG CHẤT KÍCH THÍCH

* * *

1. Các VĐV và chính phủ Đông Đức tài trợ gian lận

Đây là trường hợp sử dụng chất steroids nâng cao hiệu suất thi đấu trên hàng nghìn VĐV Đông Đức chỉ để chứng minh rằng họ mạnh hơn Tây Đức. Rất nhiều VĐV nghĩ rằng đơn giản họ chỉ uống vitamin.

Đằng sau những danh hiệu và huy chương, các VĐV này đã phải chịu những phản ứng phụ tiêu cực ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khoẻ như ung thư gan, huỷ hoại các cơ quan trong cơ thể, thay đổi hóc môn và thể trạng cũng như tâm lý...

Các VĐV Bơi Kornelia Ender, Barbara Krause và Carola Nitschke là 3 trong số rất nhiều các VĐV đã phát biểu ý kiến về scandal doping này. Ender, người đã đoạt được 4 HCV và 4 HCB tại TVH Olympic 1972 và 1976 cho biết cô bắt đầu được tiêm thuốc từ năm cô 13 tuổi. Krause, người đã 3 lần đạt HCV Olympic và 8 lần giữ kỷ lục thế giới đã bị loại khỏi kỳ TVH Olympic 1976 vì các bác sĩ đã tính nhầm liều lượng thuốc của cô và lo rằng cô sẽ có xét nghiệm dương tính với chất kích thích tại kỳ TVH đó. Nitschke cũng mới chỉ 13 tuổi khi các bác sĩ bắt đầu cho cô sử dụng thuốc uống có chất đồng hoá steroid có tên Turinabol và cô cũng bị tiêm hóc môn nam testosterone.....

Toà án Đức cuối cùng cũng điều tra rằng ông chủ thể thao Đông Đức Manfred Ewald và giám đốc y tế Manfred Hoepfner có lỗi cho sự việc này. Họ đã phải chịu mức án tù treo và nộp phạt.

Chính phủ Đức đã lập quỹ 2,18 triệu đô la Mỹ dành cho các VĐV đã bị lạm dụng sử dụng chất kích thích. Cho đến kỳ hạn tháng 3/2003 thì chỉ có 197 VĐV, ít hơn rất nhiều so với mong đợi, đã nộp hồ sơ. Mỗi VĐV chỉ nhận được ít hơn 10.000 đô la Mỹ tiền đền bù.

2. Đại hội Pan Am năm 1983

Thời đại mới cho việc kiểm tra chất kích thích bắt đầu tại kỳ Đại hội Pan Am năm 1983 tại Caracas, Venezuela. Một nhóm các nhà khoa học, đứng đầu là ông Manfred Donike của Đức đã phát triển phương pháp mới trong việc thử chất Steroid cho 2 sự kiện thể thao quốc tế lớn trong năm đó là Pan Games và Giải Vô địch Điền kinh.

VĐV Cử tạ người Canada, Guy Greavette đã trở thành tâm điểm của vụ scandal sử dụng chất kích thích trong thể thao. Anh cùng với đồng đội là Michel Viau đã bị tước huy chương và bị đình chỉ 2 năm sau khi có xét nghiệm dương tính với chất Steroid. Sau trường hợp của Greavette, đã có nhiều VĐV đến từ Mỹ bất ngờ rút lui khỏi giải đấu quay trở lại Mỹ và cũng nhiều VĐV đến từ các nước khác cũng rời khỏi Đại hội mà không có lí do.

Đã có tổng cộng 19 VĐV bị loại sau đợt kiểm tra chất kích thích trong Đại hội Pan Am năm 1983.

Sự nghiệp của Greavette cũng coi như chấm dứt mặc dù anh có tham gia trong vai trò HLV tự nguyện và Giám đốc điều hành của Hiệp hội Cử tạ.

3. Việc che giấu sai lầm của Điền kinh Hoa Kỳ

Đây được coi là sự che giấu cho việc sử dụng doping lớn nhất trong nền thể thao thế giới. Theo bản báo cáo của Tiến sĩ Wade Exum đã có 19 VĐV Hoa Kỳ giành được huy chương vẫn được cho phép tham gia thi đấu tại các kỳ TVH Olympic từ 1988 đến 2000 mặc dù trước đó họ đã không vượt qua được các đợt kiểm tra chất kích thích.

Theo bằng chứng của TS. Exum thì ngôi sao điền kinh Carl Lewis là một trong ba VĐV giành HCV tại TVH Olympic đã có phản ứng dương tính với chất kích thích bị cấm sử dụng trong những tháng trước kỳ TVH tổ chức tại Se-un năm 1988.

VĐV đạt huy chương trong 5 kỳ TVH Olympic cũng được kể tên trong bộ tài liệu hơn 30 nghìn trang do nguyên Trưởng ban Chống doping Ủy ban Olympic Mỹ phát hành. Đã có hơn 100 VĐV trong các môn thể thao khác nhau phản ứng dương tính với chất cấm sử dụng từ năm 1988 đến 2.000 nhưng lại được bỏ qua trong quá trình kháng cáo nội bộ.

Sau khi các chứng cứ đầu tiên được TS. Exum công bố năm 2001 thì các tổ chức thể thao, trong số đó có Ủy ban Olympic thế giới IOC, Liên đoàn Điền kinh thế giới IAAF và Cơ quan chống doping quốc tế đã gây áp lực cho Ủy ban Olympic Hoa Kỳ (USOC) buộc họ phải xem xét lại những gì họ đã thực hiện trong công tác kiểm tra doping.

Về phía USOC, họ đổ trách nhiệm việc kiểm tra doping là thuộc về Cơ quan chống doping Hoa Kỳ mới được thiết lập và cam đoan rằng việc bao che như thế này sẽ không bao giờ xảy ra nữa. Nhưng sự thật thì tại kỳ TVH Olympic Sydney năm 2000, VĐV Điền kinh Jerome Young vẫn được phê chuẩn tham gia thi đấu và giành HCV mặc dù anh có phản ứng dương tính với chất Steroid trong năm 1999.

4. Nỗi hổ thẹn của Canada : Ben Johnson

Johnson đã đem lại vẻ vang cho Canada khi anh lập kỷ lục thế giới với thời gian 9,79 giây ở nội dung chạy 100 mét vào ngày 27/9/1988 tại TVH Olympic Sê-un. Johnson đã giành được HCV sau khi dễ dàng đánh bại đối thủ Mỹ Carl Lewis.

Tuy nhiên Johnson đã có phản ứng dương tính với chất đồng hoá Steroid có tên Stanozolol. Johnson cho rằng xét nghiệm dương tính này xuất phát từ một loại đồ uống thảo dược mà anh uống vào đêm trước trận đấu nhưng điều này là vô căn cứ. Ngay sau đó Johnson đã bị tước HCV, kỷ lục thế giới cũng như bị cấm thi đấu trong 2 năm.

5. VĐV Bơi Ai-len Michelle Smith

Michelle Smith là niềm tự hào cho nền thể thao Ai-len khi cô giành được 3 HCV và 1 HCB tại kỳ TVH Olympic Atlanta 1996. Nhưng việc cô bất ngờ vươn lên top thế giới lại rất đáng ngờ.

Trong 2 kỳ TVH Olympic trước đó, kết quả tốt nhất của cô là xếp hạng thứ 17 trong nội dung 200 mét bơi ngửa. Năm 1993, cô xếp hạng thứ 90 thế giới ở nội dung 400m bơi hỗn hợp cá nhân. Nhưng sau đợt huấn luyện với chồng là Erik de Bruin, từng là VĐV ném đĩa người Hà Lan bị nghi ngờ trong xét nghiệm chất kích thích, cô đã leo lên thứ 17 thế giới ngày tại năm sau đây tại nội dung bơi hỗn hợp này.

Năm 1998, Smith đã có cuộc xét nghiệm chất kích thích và kết quả đã gây sốc khi mẫu mô hôi mà Smith cung cấp có chứa nồng độ cồn cao. Cuối cùng FINA đã làm sáng tỏ rằng mẫu thử này được cho thêm rượu whiskey và kết quả là Smith bị cấm thi đấu trong 4 năm.

6. Đội tuyển Bơi Trung Quốc

Rất nhiều VĐV trong đội tuyển Bơi quốc gia Trung Quốc đã dùng các chất bị cấm như dihydrotestosterone, chất đồng hoá Steroid, erythropoietin và hooc-môn tăng trưởng trong vòng 15 năm qua.

Trung Quốc đã giành được 4 HCV Bơi tại kỳ TVH Olympic Barcelona 1992 và 12 trong tổng số 16 HCV tại Giải vô địch thế giới trong năm 1994. Sự thành công bất ngờ trong môn Bơi của đội tuyển Trung Quốc đã gây ra mối nghi ngờ lớn về việc sử dụng chất kích thích. Kết quả là 11 trường hợp có phản ứng dương tính với chất dihydrotestosterone tại Đại hội Thể thao châu Á ASIAD 1994, 4 trường hợp trước Giải Vô địch thế giới 1998 và 1 trường hợp tìm thấy một lọ nhỏ chứa hooc-môn tăng trưởng trong hành lí của VĐV Bơi ếch Yuan Yuan.

Từ năm 1990, Trung Quốc đã có hơn 40 VĐV Bơi đã không qua kỳ xét nghiệm chất kích thích. Dưới áp lực từ phía FINA, Hiệp hội Bơi Trung Quốc và cơ quan chủ quản cam kết sẽ nghiêm khắc hơn trong quản lý doping và tăng cao hình phạt nếu có gian lận.

Trước kỳ TVH Olympic Sydney 2000, Trung Quốc đã loại 4 VĐV Bơi của đội tuyển vì có nghi ngờ trong kết quả xét nghiệm chất kích thích. Năm 2003, tuyển bơi nữ Trung Quốc đã giành được 7 huy chương tại Giải Vô địch các môn thể thao dưới nước tại Barcelona, trong đó có 3 HCV. Cho dù những VĐV này trong sạch hay không thì các VĐV trẻ cũng vẫn thi đấu dưới sự nghi hoặc trong nhiều năm vì sự gian lận của thể hệ VĐV trước.

7. Giải Tour de France

Mọi tay đua sẽ làm tất cả để chiến thắng tại giải đua danh giá và nổi tiếng về độ gian khổ này. Rải đỉnh hay mảnh vỡ thủy tinh là những điều mà họ đã làm để thành công nhưng đó mới chỉ là bắt đầu.

Những năm ở thập niên 60, nhiều tay đua đã sử dụng amphetamines và chất cần để giành chiến thắng. Bằng cách này, tay đua người Anh Tim Simpson đã mất mạng tại giải đua năm 1967.

Vụ bê bối Doping nghiêm trọng hơn là năm 1998, đội tuyển Đua xe Festina đã sử dụng một loại hooc-môn làm tăng lượng ô-xy trong máu giúp lượng sức bền, có tên khoa học là erythropoietin (EPO). Sau khi điều tra, 6 trong 9 tay đua của Festina thừa nhận đã dùng chất kích thích trong đó có Đội trưởng Đội Credit Agricole là Christophe Moreau phản ứng dương tính với chất đồng hoá Steroid.

Đầu năm 2002, tay đua người Ý Stefano Garzelli, Đội trưởng Đội Vini Caldirola có xét nghiệm dương tính với prohenecid, một loại chất trong thuốc lợi tiểu có thể cho kết quả sai trong xét nghiệm dùng chất kích thích. Tay đua người Tây Ban Nha Igor Gonzalez de Galdeano đã bị cấm thi đấu trong Giải Tour de France sau khi xét nghiệm doping năm 2002.

8. Bóng chày

Trường hợp của Mark McGwire, một tân binh của Giải Bóng chày Mỹ đã gây bất ngờ lớn khi thắng Roger Maris người giữ kỉ lục năm 1998. McGwire nói sự phát triển nhanh như thế là nhờ sự kết hợp giữa khổ luyện và thuốc tăng testosterone có tên androstenedione, còn gọi là andro. Chất andro đã gây tranh cãi lớn vì chất này bị Ủy ban Olympic quốc tế, Hiệp hội Bóng chày quốc gia và Hiệp hội Khúc côn cầu quốc gia cấm sử dụng nhưng lại không bị cấm ở giải đấu Major League Baseball.

Sau khi giải nghệ vào tháng 5/2002, VĐV Bóng chày Jose Canseco cho biết có đến 85% các VĐV sử dụng steroid và chính anh cũng đã dùng chất này. Báo Sport Illustrated phát hành bản báo cáo điều tra trong đó nguyên VĐV xuất sắc giải quốc gia Ken Caminiti nói rằng ít nhất một nửa số VĐV đã dùng steroid.

Tháng 11/2003, Major League Baseball tuyên bố có khoảng từ 5-7% trong tổng số 1438 mẫu xét nghiệm phản ứng dương tính với steroid. Gần đây nhất là vụ việc của San Francisco Giants liên kết với công ty cung cấp dinh dưỡng BALCO cũng được báo cáo là nơi sản xuất steroid.

9. Môn trượt tuyết và Doping

Ủy ban Olympic quốc tế đã bắt đầu cuộc điều tra sau khi phát hiện vật liệu truyền máu tại nơi cư trú của VĐV người Áo trong kỳ TVH. Sau 3 tháng điều tra, 2 VĐV bị loại và 2 đội bị cấm thi đấu trong 2 kỳ TVH Mùa Đông tiếp theo.

Đội tuyển quốc gia Áo khẳng định rằng dụng cụ này được dùng để điều trị bức xạ tia cực tím trong máu VĐV nhằm chữa trị và ngăn ngừa nhiễm lạnh và cảm cúm, không phải là để tăng thành tích trong thi đấu.

Tại Giải Vô địch thế giới ở Phần Lan, 6 VĐV của Phần Lan có phản ứng dương tính với chất làm tăng lượng huyết tương bị cấm có tên HES, gồm có các ngôi sao hàng đầu của Phần Lan là Jari Isometsa, Mika Myllylas, Janne Immonen và Harri Kirvesniemi.

Cũng tại TVH Mùa đông được tổ chức ở thành phố Salt Lake, 3 VĐV cũng có phản ứng dương tính với chất kích thích darbepoetin, chất làm tăng sản xuất hồng cầu giúp vận chuyển oxy đến các cơ.

10. Nandrolone và bổ sung dinh dưỡng

Đã có rất nhiều trường hợp các VĐV liên can đến chất Nandrolone ở nhiều môn thể thao đặc biệt là Điền kinh, Đua Xe đạp, Bóng đá và Quần vợt.

Tháng 1/ 2004, ngôi sao Quần vợt người Anh sinh ở Canada Greg Rusedski đã bị nằm trong danh sách khá dài các VĐV có phản ứng dương tính với nandrolone. Bản báo cáo này cũng đề cập rằng có 47 VĐV khác cũng phản ứng dương tính với chất bị cấm steroid.

Trần Đông biên dịch

NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG PHÒNG CHỐNG DOPING

* * *

WADA (Tổ chức chống Doping thế giới)

Trong vai trò đẩy mạnh phong trào, điều phối và giám sát cuộc chiến quốc tế chống lại Doping, WADA tham gia nhiều hoạt động chủ chốt bao gồm các nghiên cứu khoa học và khoa học xã hội, giáo dục, và giám sát việc thi hành luật.

Ủy ban Olympic quốc tế, Ủy ban Thể thao người khuyết tật quốc tế và các Liên đoàn quốc tế

Ủy ban Olympic quốc tế (viết tắt là IOC) và Ủy ban Thể thao người khuyết tật quốc tế (viết tắt là IPC) có trách nhiệm trong quá trình kiểm tra và lưu giữ kết quả bao gồm việc phê chuẩn cho các VĐV cam kết tuân thủ Bộ luật chống Doping tại TVH Olympic và TVH Paralympic. Hoạt động quy định của các Liên đoàn quốc tế (viết tắt là IFs) trong bộ luật bao gồm chỉ đạo kiểm tra Doping trong các cuộc thi cũng như các chương trình kiểm tra ngoài thi đấu; tiến hành các chương trình giáo dục và phê chuẩn cho các VĐV cam kết thực hiện luật chống Doping.

Chính phủ các quốc gia

Chính phủ các quốc gia đóng vai trò quan trọng trong chiến dịch chống lại Doping.

- Tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý Doping và hỗ trợ cho các chương trình thử Doping cấp quốc gia;
- Khuyến khích tổ chức chương trình “Luyện tập tích cực” trong việc dán nhãn mác, marketing và phân phối các sản phẩm có chứa các chất bị cấm;
- Ngăn cản nguồn hỗ trợ tài chính từ các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc hỗ trợ hoạt động sử dụng Doping;
- Chống lại các hoạt động sản xuất và buôn bán trái phép Doping;
- Khuyến khích thiết lập các bộ luật cho thể thao chuyên nghiệp và chống Doping;

- Tài trợ cho các nghiên cứu và các chương trình giáo dục chống Doping.

Hội đồng Olympic quốc gia, Hội đồng Thể thao người khuyết tật quốc gia, các Liên đoàn Thể thao quốc gia

Ủy ban Olympic quốc tế, Ủy ban Thể thao người khuyết tật quốc tế và các Liên đoàn Quốc tế quy định các Hội đồng Olympic quốc gia (NOCs), Hội đồng Thể thao người khuyết tật quốc gia (NPCs) và các Liên đoàn cấp quốc gia (NFs) phải thi hành nghiêm chỉnh các điều luật phòng chống Doping.

Tổ chức chống Doping quốc gia (NADOs), Tổ chức chống Doping khu vực (RADOs)

Tổ chức chống Doping quốc gia (NADOs) có trách nhiệm trong việc kiểm tra các VĐV quốc gia trong và ngoài giải đấu cũng như các VĐV đến từ các quốc gia khác tham gia thi đấu hoặc đào tạo trong lãnh thổ của mình; phân xử vi phạm luật chống Doping và tổ chức các hoạt động giáo dục chống Doping. WADA đang làm việc với các bên liên quan để tạo điều kiện cho các tổ chức chống Doping khu vực (RADOs) đẩy mạnh hiệu suất phong trào chống Doping trong khu vực đó.

Các tổ chức chống Doping khu vực (RADOs) và ***mục tiêu chính*** các hoạt động trong chương trình phát triển của WADA gồm:

- Hỗ trợ cho các quốc gia và các tổ chức phát triển chương trình chống Doping;
- Huy động đóng góp các nguồn lực cho phong trào chống Doping;
- Phát triển chương trình thử Doping trên khắp thế giới và đẩy mạnh phong trào phát triển lâu dài và giáo dục chống Doping;
- Đảm bảo tất cả các quốc gia và VĐV trên toàn thế giới trong tất cả các môn thể thao cam kết tham gia chống Doping.

Khái quát chương trình:

- Hiện tại có 15 tổ chức chống Doping khu vực được thành lập mang 122 đất nước tiến đến gần nhau hơn;
- Mỗi quốc gia thành viên sẽ có đại diện trong hội đồng RADO là một cá nhân được chỉ định bởi chính phủ và Ủy ban Olympic quốc gia của họ;

ĐỊNH NGHĨA, LỊCH SỬ VÀ NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

- Các đối tác chủ chốt bao gồm các tổ chức chống Doping quốc gia, các Liên đoàn quốc tế, các Hiệp hội châu lục của các Ủy ban Olympic quốc gia và các tổ chức liên chính phủ sẽ trợ giúp RADOs phát triển các chương trình bền vững về chống Doping;
- Các tổ chức chống Doping khu vực sẽ có các chuyên gia địa phương được đào tạo chuyên nghiệp trong các lĩnh vực sau: Quản lý kết quả, các hình thức kháng cáo, miễn sử dụng điều trị, giáo dục chống Doping, kiểm soát viên Doping (Doping control officers - DCOs)

Các phòng thí nghiệm

Cần có các phòng thí nghiệm đủ điều kiện để phân tích các mẫu thử Doping của bộ luật chống Doping dựa theo các tiêu chuẩn dành cho phòng thí nghiệm quốc tế và các tài liệu kỹ thuật liên quan.

Tòa án thể thao (CAS)

Toà án thể thao (CAS) là một tổ chức độc lập tạo điều kiện cho hoạt động hoà giải các tranh cãi trong thể thao thông qua sự phân xử và dàn xếp. WADA có quyền yêu cầu giúp đỡ của toà án thể thao trong các trường hợp liên quan đến Doping trong phạm vi quyền hạn của tổ chức đang thi hành bộ luật chống Doping.

Vai trò và trách nhiệm của các VĐV và các đối tượng khác

Vai trò và trách nhiệm của các VĐV

- Hiểu biết và tuân thủ các chính sách và các điều lệ trong bộ luật chống Doping;
- Sẵn sàng tham gia mẫu thử Doping;
- Chịu trách nhiệm cho những gì họ ăn và sử dụng nếu có chất Doping;
- Thông báo cho các nhân viên y tế của VĐV không sử dụng các chất và các phương pháp bị cấm và chịu trách nhiệm đảm bảo rằng tất cả các phương pháp trị liệu không vi phạm chính sách và điều lệ của Bộ luật chống Doping.

Vai trò và trách nhiệm của nhân viên hỗ trợ VĐV

- Hiểu biết và tuân thủ các chính sách và điều lệ bộ luật chống Doping;

- Hợp tác với chương trình thử Doping cho các VĐV;
- Tham gia nuôi dưỡng tinh thần chống Doping cho VĐV.

Trần Đông biên dịch

GIÁO DỤC, NGHIÊN CỨU TRONG CÔNG TÁC CHỐNG DOPING

* * *

A. Giáo dục

1. Nguyên lý cơ bản và mục tiêu chính

Nguyên lý cơ bản của chương trình thông tin và giáo dục cho nền thể thao không Doping là để duy trì tinh thần thể thao. Mục tiêu chính cho chương trình này là ngăn ngừa Doping. Cụ thể là phòng chống việc sử dụng chất và phương pháp bị cấm có chủ đích hay không có chủ đích của VĐV.

Tất cả các bên đã ký trong ý nghĩa và giới hạn trách nhiệm và trong sự cộng tác với nhau sẽ lên kế hoạch, thực hiện kế hoạch, đánh giá và giám sát chương trình thông tin và giáo dục cho nền thể thao không Doping.

2. Chương trình và các hoạt động

Các chương trình này sẽ cung cấp cho các VĐV và các đối tượng khác thông tin chính xác được cập nhật thường xuyên về các vấn đề sau:

- Các chất và phương pháp trong danh sách cấm;
- Các vi phạm điều lệ chống Doping;
- Hậu quả của việc sử dụng Doping bao gồm sự phê chuẩn, các vấn đề về sức khoẻ và xã hội;
- Thủ tục kiểm soát Doping;

- Quyền và trách nhiệm của VĐV và nhân viên hỗ trợ VĐV;
- Sự miễn sử dụng điều trị;
- Quản lý rủi ro trong công tác bổ sung dinh dưỡng;
- Tác hại của Doping tới tinh thần thể thao.

Chương trình sẽ đẩy mạnh tinh thần thể thao để thiết lập một môi trường thể thao sạch không có Doping và nâng cao tầm ảnh hưởng tích cực lâu dài tới các VĐV và các đối tượng khác. Các chương trình cũng sẽ tiếp cận trực tiếp thế hệ trẻ, phù hợp với lứa tuổi và môi trường hoạt động, trong trường học hay các CLB thể thao, các bậc phụ huynh hay các VĐV trưởng thành, các quan chức thể thao hay HLV, nhân viên y tế. Phương tiện truyền thông rất quan trọng trong việc cộng tác để hỗ trợ và truyền bá thông tin.

Nhân viên hỗ trợ VĐV nên giáo dục và khuyến bảo các VĐV trong việc thực hiện đúng chính sách và điều lệ bộ luật chống Doping.

Tất cả các bên đã ký sẽ đẩy mạnh và hỗ trợ tham gia của các VĐV và nhân viên hỗ trợ VĐV vào chương trình giáo dục trong nền thể thao không Doping.

3. Bộ luật về tư cách đạo đức chuyên nghiệp

Tất cả các bên đã ký sẽ phối hợp với nhau và với chính phủ khuyến khích các cơ quan, tổ chức chuyên nghiệp có thẩm quyền để phát triển và thi hành bộ luật về tư cách đạo đức đến thể thao và trong công tác chống sử dụng Doping cũng như điều lệ phê chuẩn phải phù hợp với bộ luật.

4. Điều phối và hợp tác

WADA sẽ là nơi cung cấp các tư liệu giáo dục và thông tin hoặc các chương trình được WADA và các tổ chức chống Doping phát triển. Các bên đã ký, VĐV và các đối tượng khác cũng sẽ hợp tác với nhau và với chính phủ trong công cuộc giáo dục và phổ biến thông tin chống Doping để chia sẻ kinh nghiệm, đảm bảo cho sự thành công của chương trình, ngăn ngừa sử dụng chất kích thích trong thi đấu thể thao.

B. Các nghiên cứu

1. Mục đích và mục tiêu của nghiên cứu chống Doping

Nghiên cứu chống Doping là đóng góp quan trọng cho sự phát triển và quá trình tiến hành các chương trình kiểm soát Doping một cách hiệu quả cũng như các chương trình giáo dục và thông tin cho nền thể thao không Doping. Tất cả các bên đã ký sẽ hợp tác với nhau và với chính phủ để khuyến khích và đẩy mạnh các nghiên cứu này cũng như đưa ra các hình thức đánh giá thích hợp đảm bảo phù hợp với nguyên lý bộ luật.

2. Các hình thức nghiên cứu

Các nghiên cứu liên quan đến công tác chống Doping bao gồm các nghiên cứu về logic xã hội, hành vi, pháp lý và đạo đức cũng như các điều tra nghiên cứu về y tế, phân tích và logic thể chất. Cũng nên tiến hành các nghiên cứu về việc sử dụng các chất và phương pháp mới cũng như các sáng chế và đánh giá sự hiệu quả của các chương trình huấn luyện logic thể chất và tâm lý mang tính khoa học, phù hợp với nguyên lý bộ luật và tính liêm chính con người.

3. Điều phối nghiên cứu và sẽ chia kết quả

Điều phối nghiên cứu về chống Doping thông qua WADA rất được khuyến khích. Các báo cáo về nghiên cứu chống Doping phải được cung cấp cho WADA và các tổ chức thích hợp để chia sẻ thông tin với các bên đã ký, VĐV và các đối tượng khác.

4. Tiến hành nghiên cứu

Nghiên cứu chống Doping sẽ phải tuân theo các hình thức đạo đức được quốc tế công nhận.

5. Nguyên tắc nghiên cứu về việc sử dụng các chất và các phương pháp bị cấm

Các kết quả nghiên cứu nên tránh tiến hành thông qua việc sử dụng các chất và các phương pháp bị cấm trực tiếp trên VĐV.

6. Việc lạm dụng các kết quả

Nên tiến hành các phương pháp ngăn ngừa thích hợp để các kết quả của nghiên cứu chống Doping không bị lạm dụng và được áp dụng vào việc sử dụng Doping.

Nguyễn Lam biên dịch

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CHẤT VÀ PHƯƠNG PHÁP DOPING BỊ
CẤM SỬ DỤNG TRONG LUYỆN TẬP VÀ THI ĐẤU THỂ THAO
THEO QUI ĐỊNH CỦA TỔ CHỨC CHỐNG DOPING THẾ GIỚI
(WADA) 2011**

* * *

Danh mục các chất kích thích bị cấm sử dụng mới nhất do Tổ chức Chống Doping thế giới (WADA) công bố sẽ chính thức có hiệu lực bắt đầu từ ngày 1/1/2011.

Ngoài các chất bị cấm như S1, S2.1 đến S2.5, S4.4, S6.a và các phương pháp cấm sử dụng như: M1, M2, M3; tất cả các chất bị cấm khác đều được coi là “Chất cấm quy định đặc biệt”.

<p>CÁC CHẤT VÀ PHƯƠNG PHÁP BỊ CẤM (trong luyện tập và thi đấu thể thao)</p>
--

CÁC CHẤT BỊ CẤM

S0. CHẤT CHƯA ĐƯỢC PHÊ CHUẨN THÀNH DOPING

Tất cả các chất/dược phẩm chưa được nói đến trong Danh sách này, cũng như chưa thông qua thử nghiệm lâm sàng (sử dụng trên cơ thể người) gọi chung là S0 và đều bị nghiêm cấm sử dụng trong mọi trường hợp.

S1. CÁC CHẤT ĐỒNG HÓA: Tất cả các chất đồng hóa đều bị cấm

1. Hooc-môn kích thích sự đồng hóa (ASS)

a. ASS ngoại sinh bao gồm:

1-androstendiol (5α -androst-1-ene- 3β , 17β -diol); **1-androstendione** (5α -androst-1-ene- $3,17$ -dione); **bolandiol** (19-norandrostenediol); **bolasterone**; **boldenone**; **boldione** (androsta-1,4-diene- $3,17$ -dione); **calusterone**; **clostebol**; **danazol** (17α -ethynyl- 17β -

DANH SÁCH CÁC NHÓM CHẤT VÀ PHƯƠNG PHÁP DOPING CẨM SỬ DỤNG

hydroxyandrost-4-eno[2,3-d]isoxazole); **dehydrochlormethyltestosterone** (4-chloro-17 β -hydroxy-17 α -methylandrosta-1,4-dien-3-one); **desoxymethyltestosterone** (17 α -methyl-5 α -androst-2-en-17 β -ol); **drostanolone**; **ethylestrenol** (19-nor-17 α -pregn-4-en-17-ol); **fluoxymesterone**; **formebolone**; **furazabol** (17 β -hydroxy-17 α -methyl-5 α -androstan[2,3-c]-furazan); **gestrinone**; **4-hydroxytestosterone** (4,17 β -dihydroxyandrost-4-en-3-one); **mestanolone**; **mesterolone**; **metenolone**; **methandienone** (17 β -hydroxy-17 α -methylandrosta-1,4-dien-3-one); **methandriol**; **methasterone** (2 α , 17 α -dimethyl-5 α -androstane-3-one-17 β -ol); **methyldienolone** (17 β -hydroxy-17 α -methylestra-4,9-dien-3-one); **methyl-1-testosterone** (17 β -hydroxy-17 α -methyl-5 α -androst-1-en-3-one); **methylnortestosterone** (17 β -hydroxy-17 α -methylestr-4-en-3-one); **methyltestosterone**; **metribolone** (methyltrienolone, 17 β -hydroxy-17 α -methylestra-4,9,11-trien-3-one); **mibolone**; **nandrolone**; **19-norandrostenedione** (estr-4-ene-3,17-dione); **norboletone**; **norclostebol**; **norethandrolone**; **oxabolone**; **oxandrolone**; **oxymesterone**; **oxymetholone**; **prostanazol** (17 β -hydroxy-5 α -androstan[3,2-c] pyrazole); **quinbolone**; **stanozolol**; **stenbolone**; **1-testosterone** (17 β -hydroxy-5 α -androst-1-en-3-one); **tetrahydrogestrinone** (18 α -homo-pregna-4,9,11-trien-17 β -ol-3-one); **trenbolone**; và các chất khác có cấu trúc hóa học tương tự hoặc có những ảnh hưởng sinh học tương tự.

b. ASS nội sinh bao gồm:

androstenediol (androst-5-ene-3 β ,17 β -diol); **androstenedione** (androst-4-ene-3,17-dione); **dihydrotestosterone** (17 β -hydroxy-5 α -androstan-3-one) ; **prasterone** (dehydroepiandrosterone, DHEA);

testosterone – và các chất chuyển hóa và đồng phân sau đây: **5 α -androstane-3 α ,17 α -diol**; **5 α -androstane-3 α ,17 β -diol**; **5 α -androstane-3 β ,17 α -diol**; **5 α -androstane-3 β ,17 β -diol**; **androst-4-ene-3 α ,17 α -diol**; **androst-4-ene-3 α ,17 β -diol**; **androst-4-ene-3 β ,17 α -diol**; **androst-5-ene-3 α ,17 α -diol**; **androst-5-ene-3 α ,17 β -diol**; **androst-5-ene-3 β ,17 α -diol**; **4-androstenediol** (androst-4-ene-3 β ,17 β -diol); **5-androstenedione** (androst-5-ene-3,17-dione); **epi-dihydrotestosterone**; **epitestosterone**; **3 α -hydroxy-5 α -androstan-17-one**; **3 β -hydroxy-5 α -androstan-17-one**; **19-norandrosterone**; **19-noretiocholanolone**.

2. Các tác nhân khác (bao gồm nhưng không bị giới hạn)

Clenbuterol, Selective androgen receptor modulators (SARMs), tibolone, zeranol, zilpaterol

S2. CÁC HOÓC-MÔN PEPTIDE, CÁC YẾU TỐ KÍCH THÍCH SINH TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN VÀ MỘT SỐ CÁC CHẤT LIÊN QUAN : Các chất sau đây và các chất liên quan của chúng là bị cấm:

- 1. Các tác nhân kích thích – tạo hồng cầu, như: Erythropoietin (EPO), Darbepoetin (dEPO), Chất tạo ổn định hàm lượng oxy trong máu (hypoxia-inducible factor stabilizers - HIF), Methoxy polyethylene glycol-epoetin beta(CERA), peginesatide (Hematide);**
- 2. Chất đệm Gonadotrophin (CG) và Hoóc-môn Luteinizing (LH) trong nam giới;**
- 3. Insulins;**
- 4. Corticotrophins;**
- 5. Hoóc-môn sinh trưởng (GH); Insulin kích thích sinh trưởng (IGF-1); Các nhân tố sinh trưởng từ sợi nguyên bào Fibroblast (FGFs); Các nhân tố sinh trưởng tế bào gan Hepatocyte (HGF); Các nhân tố tăng trưởng cơ học Mechano (MGFs); Nhân tố sinh trưởng xuất phát từ tiểu cầu (PDGF); Nhân tố sinh trưởng thuộc màng trong mạch máu Vascular – Endothelial (VEGF).**

Bất kì nhân tố sinh trưởng khác tác động đến quá trình tổng hợp hay phân rã protein trong cơ, gân hoặc dây chằng, sự phân bố mạch, sử dụng năng lượng, khả năng phục hồi hay chuyển hóa chất xơ trong cơ thể, hay các chất có cấu trúc hóa học tương tự hoặc ảnh hưởng sinh học tương tự.

S3. BETA-2 AGONIST

Tất cả các chất beta-2 agonist (bao gồm cả các đồng phân liên quan) đều bị cấm, ngoại trừ việc sử dụng **salbutamol (tối đa 1600 microgram trong 24 giờ)** bằng cách hít vào theo đúng tiêu chuẩn liều lượng được quy định bởi Tiêu chuẩn quốc tế.

Nồng độ salbutamol trong nước tiểu vượt quá 1000ng/ml sẽ được coi như việc sử dụng salbutamol không có tác dụng để chữa bệnh và kết quả thu được sẽ được xem như là

bằng chứng chống lại VĐV khi có một cuộc kiểm tra doping học nghiên cứu tác dụng lý hóa đối với cơ thể được diễn ra.

S4. HOOC-MÔN ĐỐI KHÁNG VÀ CÁC DẠNG TƯƠNG ỨNG

Các chất sau đây là bị cấm

1. **Các chất ức chế Aromatase** gồm: **aminogluethimide; anastrozole; androsta-1,4,6-triene-3,17-dione** (androstatrienedione); **4-androstene-3,6,17 trione** (6-oxo); **exemestane; formestane; letrozole; testolactone.**
2. **Các chất điều phối estrogen lựa chọn (SERMs)** gồm: **raloxifene, tamoxifen,** và **toremifene** (không giới hạn)
3. **Các chất chống estrogen khác** (bao gồm nhưng không giới hạn): **clomiphene, cyclofenil, fulvestrant.**
4. **Các tác nhân biến đổi chức năng myostatin** gồm các **chất ức chế myostatin.**

S5. THUỐC LỢI TIỂU VÀ CÁC TÁC NHÂN ẦN KHÁC

Các tác nhân bị cấm gồm:

Các thuốc gây lợi tiểu, desmopessin, các chất giãn huyết tương (ví dụ glycerol; chất dẫn tĩnh mạch của **albumin, dextran, tinh bột hydroxyethyl, mannitol**), **probenecid** và **các chất có ảnh hưởng sinh học tương tự**

Thuốc lợi tiểu bao gồm:

Acetazolamide, amiloride, bumetanide, canrenone, chlorthalidone, axit etacrynic, furosemide, indapamide, metolazone, spironolactone, thiazides (ví dụ **bendroflumethiazide, chlorothiazide, hydrochlorothiazide**), **triamterene,** và **các chất có cấu trúc hóa học tương tự hoặc ảnh hưởng sinh học tương tự** (ngoại trừ **drosperinone, pamabrom, dorzolamide** và **brinzolamide** – có trong thuốc bôi sẽ không bị cấm).

Trong danh sách các chất cấm sử dụng trong luyện tập và thi đấu thể thao, cũng có một vài các chất (ở hàm lượng nhất định) được phép sử dụng như **salbultamol, morphine,**

cathine, ephedrine, methylephedrine và pseudoephedrine, với mục đích là các chất lợi tiểu sử dụng trong công tác chữa bệnh.

MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP BỊ CẤM SỬ DỤNG

M1. Làm tăng lượng ôxy trao đổi

Một số phương pháp sau đây bị cấm áp dụng

1. Doping máu: Doping máu là các kỹ thuật được sử dụng để tăng lượng tế bào hồng cầu vận chuyển ôxy của con người từ đó tăng cường khả năng vận động của các VĐV.
2. Phương pháp vận chuyển ôxy nhân tạo, bao gồm sử dụng perfluorochemicals, efaproxiral, RSR13 và haemoglobin đã qua sửa đổi. Bỏ sung ôxy không bị cấm.

M2. Các thao tác hoá học và vật lý

Một số phương pháp sau đây bị cấm áp dụng

1. Trong quá trình xét nghiệm Doping, nghiêm cấm hành vi thay đổi hoặc có ý đồ thay đổi cải tạo tính hoàn chỉnh và tính hữu hiệu của mẫu xét nghiệm, bao gồm: thay đổi mẫu nước tiểu, ống xét nghiệm (VD proteases).
2. Phương pháp truyền tĩnh mạch, nhưng ngoại trừ trường hợp đang tiến hành điều trị hợp pháp hoặc trong quá trình kiểm tra lâm sàng.
3. Lặp đi lặp lại nhiều lần việc lấy máu, sửa đổi rồi truyền ngược lại hệ thống tuần hoàn.

M3. Kích thích Gen

Các kỹ thuật chuyển đổi gen để giúp VĐV nâng cao thành tích, bị cấm áp dụng là:

1. Sự trao đổi và cung cấp thêm các axit nucleic hoặc chuỗi các axit nucleic vào cơ thể VĐV.
2. Sự chuyển đổi một số tế bào hoặc yếu tố di truyền vào trong cơ thể VĐV
3. Sử dụng các tác nhân dược lý hoặc sinh lý để tăng khả năng phát huy tối đa của gen.

**MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP VÀ CÁC CHẤT BỊ CẤM SỬ DỤNG
TRONG THI ĐẤU THỂ THAO**

Bên cạnh Danh sách các chất được liệt kê trong danh mục S1 đến S5 và các phương pháp bị cấm áp dụng được liệt kê trong danh mục từ M1 đến M3, các chất sau đây bị cấm sử dụng trong quá trình thi đấu.

CÁC CHẤT CẤM SỬ DỤNG

S6. Danh sách các chất kích thích

a. Các chất không cụ thể gồm: **adrafinil; amfepramone; amiphenazole; amphetamine; amphetaminil; benfluorex; benzphetamine; benzylpiperazin; bromantan; clobenzorex; cocaine; cropropamide; crotetamide; dimethylamphetamine; etilamphetamine; famprofazone; fencamine; fenetylline; fenfluramine; fenproporex; furfenorex; mefenorex; mephentermine; mesocarb; methamphetamine(*d*-); p-methylamphetamine; methylenedioxyamphetamine; methylenedioxymethamphetamine; methylhexanamine (hay còn gọi là dimethylpentylamine); modafinil; norfenfluramine; phendimetrazine; phenmetrazine; phentermine; 4-phenylpiracetam (carphedon); prenylamine; prolintane.**

b. Các chất cụ thể gồm: **adrenaline**; cathine***; ephedrine****; etamivan; etilefrine; fenbutrazate; fencamfamin; heptaminol; isometheptene; levmetamphetamine; meclofenoxate; methylephedrine****; methylphenidate; nikethamide; norfenefrine; octopamine; oxilofrine; parahydroxyamphetamine; pemoline; pentetrazol; phenpromethamine; propylhexedrine; pseudoephedrine*****; selegiline; sibutramine; strychnine; tuaminoheptane** và một vài chất khác có cấu trúc hoá học hoặc sinh học tương ứng.

Chú ý:

** **Adrenaline**: trong một số trường hợp được dùng chung với thuốc gây tê không bị cấm sử dụng.

DANH SÁCH CÁC NHÓM CHẤT VÀ PHƯƠNG PHÁP DOPING CẤM SỬ DỤNG

*** **Cathine**: hàm lượng có trong nước tiểu lớn hơn 5 microgram/ml là vi phạm quy định.

**** Mỗi chất **Ephedrine** và **Methylephedrine** khi hàm lượng có trong nước tiểu lớn hơn 10 microgram/ml là vi phạm quy định.

***** **Pseudoephedrine** hàm lượng có trong nước tiểu lớn hơn 150 microgram/ml là vi phạm quy định.

S7. Danh sách các chất gây nghiện

Danh sách các chất bị cấm gồm: **buprenorphine; dextromoramide; diamorphine (heroin); fentanyl** và các **chiết xuất; hydromorphone; methadone; morphine; oxycodone; oxymorphone; pentazocine; pethidine.**

S8. Danh sách các chất gây ảo giác và hưng phấn

Gồm các chất có nguồn gốc từ thiên nhiên như tinh dầu cây dầu gai, thuốc lá chế từ cây dầu gai, cần sa... hoặc **Δ^9 -tetrahydrocannabinol (THC)** chiết xuất tự nhiên và nhân tạo.

S9. Danh sách các chất gây tác dụng lên tuyến thượng thận

Tất cả các chất gây tác dụng lên tuyến thượng thận đều bị cấm sử dụng, qua hình thức uống trực tiếp, hoặc tiêm tĩnh mạch, tiêm trực tràng.

<h2 style="text-align: center;">DANH SÁCH CÁC CHẤT BỊ CẤM SỬ DỤNG TRONG CÁC MÔN THỂ THAO PHỔ BIẾN</h2>

P1. Các chất có cồn

Rượu (ethanol) là chất bị cấm duy nhất trong thời gian VĐV đang tiến hành thi đấu, áp dụng với các môn thể thao sau đây. (Phát hiện sẽ được tiến hành qua việc phân tích hơi thở hoặc máu. Các mẫu thử bị coi là vi phạm khi vượt qua ngưỡng 0,1g/l).

- Các môn thể thao trên không (FAI - Hiệp hội các môn Thể thao trên không Quốc tế)
- Bắn cung (FITA - Hiệp hội Bắn cung Quốc tế)

- Đua ô tô (FIA - Hiệp hội Thể thao Xe hơi Quốc tế)
- Karate (WKF - Hiệp hội Karatedo Thế giới)
- Đua mô tô (FIM - Hiệp hội Thể thao Motor Quốc tế)
- Bowling 9 ki và 10 ki (FIQ - Hiệp hội Bowling Quốc tế)
- Đua xuồng máy (UIM - Liên minh Thuyền motor Quốc tế)

P2. Các biệt dược thuộc nhóm Beta-blockers

Trừ một số trường hợp đặc biệt, beta-blockers bị cấm sử dụng trong khi VĐV thi đấu, áp dụng với các môn thể thao sau đây.

- Các môn thể thao trên không (FAI - Hiệp hội các môn Thể thao trên không Quốc tế)
- Bắn cung (FITA - Hiệp hội Bắn cung Quốc tế) – bị cấm sử dụng trước và sau khi thi đấu
- Đua ô tô (FIA - Hiệp hội Thể thao Xe hơi Quốc tế)
- Billiards và Snooker (WCBS - Liên minh Bowling Thế giới)
- Trượt băng (FIBT)
- Bi sắt (CMSB - Liên minh Billiards Thế giới)
- Môn chơi bài bridge (FMB - Hiệp hội Bài Bridge Quốc tế)
- Môn curling (Trò chơi ném đá trên tuyết của Scotland) (WCF - Hiệp hội Curling Thế giới)
- Phi tiêu (WDF - Hiệp hội Phi tiêu Thế giới)
- Đánh Golf (IGF - Hiệp hội Golf Quốc tế)
- Đua xe máy (FIM - Hiệp hội Thể thao Motor Quốc tế)
- Năm môn phối hợp hiện đại (UIPM)
- Bowling 9 ki và 10 ki (FIQ - Hiệp hội Bowling Quốc tế)
- Đua xuồng máy (UIM - Liên minh Thuyền motor Quốc tế)
- Bơi thuyền (ISAF)
- Bắn súng (ISSF, IPC) – bị cấm sử dụng trước và sau khi thi đấu
- Trượt tuyết, Trượt ván trên tuyết (FIS - Hiệp hội Trượt tuyết Quốc tế)
- Đấu vật (FILA)

Beta-blockers bao gồm, nhưng không giới hạn các chất sau đây:

Acebutolol, alprenolol, atenolol, betaxolol, bisoprolol, bunolol, carteolol, carvedilol, celiprolol, esmolol, labetalol, levobunolol, metipranolol, metoprolol, nadolol, oxprenolol, pindolol, propranolol, sotalol, timolol.

Tuệ Minh biên dịch

PHÂN LOẠI VÀ TÁC ĐỘNG CỦA MỘT SỐ CHẤT DOPING TRÊN CƠ THỂ CON NGƯỜI

* * *

Nhóm chất kích thích – Stimulants: tác động lên hệ thần kinh trung tâm, có tác dụng giảm căng thẳng, mệt mỏi

Nhóm chất gây nghiện – Cannabinoids: tăng khả năng tập trung, đặc biệt là trong các một thi đấu đồng đội

Các hocmon peptit và chất tương tự – Peptide hormones and similar substances: tác động lên tuyến giáp, được sử dụng với mục đích tăng thành tích thi đấu, tăng tốc độ chuyển hóa, giảm stress và ức chế thần kinh.

Nhóm chất lợi tiểu – Diuretics: giảm lượng nước trong người VĐV, có tác dụng chính lớn với mục đích ép cân

Nhóm các chất gây tác dụng lên tuyến thượng thận – Glucocorticosteroids: tác động lên tuyến thượng thận, tăng khả năng hoạt động, tốc độ chuyển hóa...

Nhóm các chất kích thích Aromatase – Aromatase inhibitors: Kích thích tổ sinh dục nam (bị cấm sử dụng cho các VĐV nam)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CHẤT VÀ PHƯƠNG PHÁP DOPING CẤM SỬ DỤNG

Nhóm chất dịu đau ma túy – Narcotics: tác động lên hệ thần kinh trung ương, được sử dụng với mục đích giảm đau do các tổn thương về cơ, bắp mang lại

Nhóm chất chặn beta – Beta-2 agonists: làm giảm nhịp đập của tim, giảm chấn động, thường được sử dụng trong các môn thể thao như Bắn súng, Lặn...

Nhóm các chất hấp thụ Androgen có chọn lọc – Selective androgen receptor modulators or SARMS: tác động trực tiếp lên hệ thống cơ

Nhóm các chất kích thích Myostatin – Myostatin inhibitors: Myostatin được biết đến như một protein đặc biệt có các tác động trực tiếp lên hệ thống cơ, bắp

Nhóm steroid đồng hoá – Anabolic steroids: tăng khả năng, sức dẻo dai của hệ thống cơ, nhanh chóng phục hồi chấn thương sau luyện tập

Tuệ Minh biên dịch

CÁC BƯỚC ĐỂ TIẾN HÀNH XÉT NGHIỆM MẪU THỬ DOPING

* * *

Việc kiểm tra Doping là do tổ chức thể thao các cấp cử nhân viên kiểm tra chuyên môn đối với VĐV vào các thời điểm trước và sau khi thi đấu (thậm chí ngay trong thời gian thi đấu) để xác định VĐV có dùng các chất hoặc phương pháp nằm trong danh mục bị cấm hay không. Hiện nay trên thế giới, kiểm tra Doping có hai hình thức lấy mẫu là: kiểm tra mẫu nước tiểu và kiểm tra mẫu máu.

Cho đến nay, kiểm tra mẫu nước tiểu vẫn là hình thức chủ yếu, còn kiểm tra mẫu máu chỉ coi là biện pháp hỗ trợ, dùng để đối phó với những chất và phương pháp khó bị kiểm tra qua mẫu nước tiểu.

Trình tự kiểm tra Doping bằng phương pháp kiểm tra mẫu nước tiểu chủ yếu bao gồm các bước sau:

- 1. Lựa chọn VĐV:** Cá nhân sẽ được lựa chọn một cách ngẫu nhiên, tại thời gian bất kỳ.
- 2. Thông báo:** Chuyên viên kiểm tra Doping (Doping Control Officer - DCO) sẽ thông báo tới VĐV được chọn về việc kiểm tra các mẫu thử, cũng như quyền lợi và trách nhiệm của VĐV trong trường hợp này. Ngoài ra, người đại diện hoặc quản lý của VĐV có quyền được có mặt khi việc tiến hành kiểm tra lấy mẫu thử diễn ra. Đối với các VĐV khuyết tật, VĐV tuổi vị thành niên, cơ quan quản lý (bên thứ ba) cũng sẽ được thông báo và được hiện diện.
- 3. Gửi báo cáo tới Trung tâm kiểm tra Doping:** Trong các trường hợp có hợp báo hoặc đang trong giai đoạn hoàn thiện chương trình luyện tập, DCO được quyền hoãn chưa yêu cầu VĐV phải đến làm kiểm tra doping. Tuy nhiên, VĐV này cần thông báo trước về vấn đề gặp phải, cũng như sẽ bị giám sát bởi DCO cho đến khi mẫu thử được thu thập.
- 4. Dụng cụ lấy mẫu kiểm tra:** Dụng cụ lấy mẫu kiểm tra khi đưa sẽ do VĐV toàn quyền quyết định. VĐV cần chắc chắn dụng cụ còn nguyên vẹn, chưa được sử dụng, các số hiệu và ký hiệu của nhà sản xuất đều khớp.

QUY TRÌNH XÉT NGHIỆM KIỂM TRA DOPING

5. Quy trình lấy mẫu kiểm tra: Chỉ có VĐV và DCO (cùng giới) được phép có mặt ở trong phòng lấy mẫu kiểm tra.

6. Thể tích mẫu kiểm tra nước tiểu: Thể tích tối thiểu của mỗi mẫu thử nước tiểu đạt chuẩn để kiểm tra là 90mL.

7. Bộ dụng cụ đựng mẫu kiểm tra: VĐV được quyền chọn bộ dụng cụ đựng mẫu kiểm tra có đánh số thứ tự rõ ràng (bộ sản phẩm phải được đảm bảo còn nguyên vẹn, chưa được sử dụng, các số hiệu và ký hiệu của nhà sản xuất đều khớp).

8. Chia mẫu kiểm tra: VĐV cần chia mẫu kiểm tra ra 2 bình, được đánh ký tự lần lượt là A và B. Đổ 30mL vào bình B, và tất cả chỗ mẫu kiểm tra còn lại vào bình A.

9. Niêm phong mẫu kiểm tra

10. Đo tỷ trọng mẫu kiểm tra: Trong trường hợp mẫu kiểm tra có tỷ trọng không đạt chuẩn, VĐV sẽ được yêu cầu lấy một mẫu thử khác.

11. Điền thông tin cá nhân vào Đơn kiểm tra Doping

12. Chuyển mẫu kiểm tra về phòng thí nghiệm: Mẫu kiểm tra trong bình A sẽ được mang đi xét nghiệm, trong khi mẫu kiểm tra trong bình B sẽ được lưu trữ tiện cho công tác đối chiếu.

Quy trình lấy mẫu thử máu cũng tương tự như quy trình lấy mẫu thử nước tiểu.

Phuong Ngọc (tổng hợp)

CÁC TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG CỦA MỘT TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM DOPING

* * *

Bài này sẽ đưa ra những yêu cầu cụ thể mà một Trung tâm xét nghiệm doping được WADA cấp giấy chứng nhận phải đảm bảo trong quá trình xây dựng và hoạt động:

1. Những yêu cầu của WADA để một Trung tâm xét nghiệm doping có đủ tiêu chuẩn quốc tế:

Một trung tâm xét nghiệm doping muốn có chứng nhận là Trung tâm xét nghiệm do WADA quản lý trước tiên phải hoàn thành các văn bản, mẫu biểu bao gồm những thông tin cần thiết có chữ ký của Giám đốc trung tâm gửi đến WADA để xét duyệt.

WADA sẽ dựa trên những thông tin căn bản này cũng như xem xét các chương trình chống doping, vị trí, nguồn tài chính của Trung tâm đó để xét duyệt việc có đồng ý cho Trung tâm xét nghiệm doping đó được cấp giấy chứng nhận của WADA hay không. Nếu việc xét duyệt thành công, Trung tâm xét nghiệm phải cung cấp cho WADA một văn bản của tổ chức chống doping của quốc gia hoặc Ủy ban Olympic của quốc gia đó để chứng thực và đảm bảo các yêu cầu sau:

- Đảm bảo cung cấp đủ tài chính hàng năm (tối thiểu trong 3 năm);
- Đảm bảo trong vòng 2 năm kể từ khi được công nhận phải xét nghiệm tối thiểu 3.000 mẫu;
- Đảm bảo những điều kiện và trang thiết bị phân tích cần thiết;
- Cung cấp đủ các thông tin như các văn bản, nguồn tài chính, các hoạt động nghiên cứu trong quá trình hoạt động của Trung tâm xét nghiệm doping.

Ngoài ra, phải hoàn thành một bảng câu hỏi của WADA trong vòng 8 tuần về các thông tin như: danh sách, trình độ của nhân viên; cơ sở vật chất, điều kiện làm việc; trang thiết bị, danh sách các nhà tài trợ cũng như kế hoạch của Trung tâm trong việc đảm bảo 3.000 mẫu thử trong vòng 2 năm.

TIEU CHUẨN HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM DOPING

Sau khi hoàn tất các thủ tục, WADA sẽ tiến hành chuyển khảo sát trong vòng 2 – 3 ngày và sẽ đưa ra ý kiến quyết định cuối cùng trong vòng 12 tuần sau chuyển khảo sát. Trung tâm xét nghiệm sẽ phải nộp cho WADA một khoản lệ phí, khoản lệ phí này sẽ do WADA yêu cầu. Trước khi chính thức trở thành Trung tâm xét nghiệm doping được WADA công nhận, Trung tâm phải hoàn thành các bài kiểm tra của WADA với ít nhất 10 mẫu thử dưới sự giám sát của các thành viên của WADA. Đồng thời, các Trung tâm phải xây dựng một kế hoạch nghiên cứu và phát triển trong khoảng thời gian 3 năm bao gồm cả ngân sách. Ngân sách dùng cho việc nghiên cứu phải chiếm ít nhất 7% nguồn ngân sách hàng năm.

Nếu vượt qua tất cả các điều khoản của WADA, Trung tâm xét nghiệm doping đó sẽ được cấp giấy chứng nhận của WADA và chính thức được WADA đưa vào danh sách các Trung tâm xét nghiệm doping của WADA trên trang web của WADA. Tuy nhiên, sau khi được cấp giấy chứng nhận, Trung tâm xét nghiệm doping vẫn phải duy trì những điều khoản của WADA, hàng năm WADA sẽ tiến hành kiểm tra các điều khoản bao gồm: tiêu chuẩn ISO/IEC 17025, kết quả tham gia vào Đề án của WADA, các tài liệu nghiên cứu, số lượng mẫu thử, các hoạt động, trang thiết bị,...

2. Những yêu cầu để được tham gia xét nghiệm tại các sự kiện thể thao lớn.

Thông thường, Ban tổ chức các sự kiện thể thao lớn sẽ xem xét địa điểm các Trung tâm xét nghiệm doping đạt chuẩn WADA, nếu trung tâm nào có địa điểm gần địa điểm thi đấu thì sẽ vận chuyển mẫu xét nghiệm đến Trung tâm đó. Do vậy để đáp ứng việc xét nghiệm cho các sự kiện thể thao lớn, các Trung tâm xét nghiệm phải đảm bảo các điều kiện trang thiết bị cần thiết cho việc phân tích mẫu xét nghiệm. Giám đốc Trung tâm xét nghiệm doping đạt chuẩn WADA sẽ phải chịu trách nhiệm đảm bảo việc xét nghiệm an toàn, chính xác. Trong trường hợp, mẫu thử phải chuyển ra khỏi địa phận của Trung tâm xét nghiệm thì phải có sự đồng ý thỏa thuận giữa Ban tổ chức và Trung tâm xét nghiệm.

Để đáp ứng đủ yêu cầu tham gia xét nghiệm cho các sự kiện thể thao lớn, Trung tâm xét nghiệm doping phải cung cấp đầy đủ những thông tin cho WADA ít nhất 1 tháng trước khi sự kiện diễn ra. Những thông tin bao gồm:

TIEU CHUẨN HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM DOPING

- Hợp đồng ký kết giữa Trung tâm xét nghiệm và Ban tổ chức sự kiện bao gồm cả lịch trình và số lượng mẫu thử;
- Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trung tâm thí nghiệm, chức danh cũng như nhiệm vụ của các nhân viên của Trung tâm;
- Kế hoạch đào tạo với các nhân viên, nhà nghiên cứu khoa học mới của Trung tâm;
- Danh sách trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho việc xét nghiệm;
- Một bản tóm tắt quy trình xét nghiệm bao gồm cả kết quả phân tích;
- Phương pháp báo cáo kết quả.

Nếu có bất kỳ sự thay đổi nào xảy ra trước khi bắt đầu quy trình xét nghiệm cho các sự kiện thể thao phải ngay lập tức báo cáo cho WADA.

Để đảm bảo sự chính xác WADA có thể trực tiếp thực hiện quy trình phân tích các mẫu thử. Các mẫu thử sẽ được thực hiện bằng cùng 1 phương pháp mà Trung tâm thực hiện. WADA cũng có thể cử người giám sát quy trình phân tích mẫu thử tại Trung tâm xét nghiệm doping ở các sự kiện thể thao lớn. Giám đốc Trung tâm xét nghiệm và các nhân viên phải đảm bảo những điều kiện đầy đủ và hợp tác với các giám sát viên.

Trong trường hợp mẫu thử là dương tính, ngay lập tức Trung tâm xét nghiệm doping phải tiến hành phân tích xem thuộc chất cấm và phương pháp cấm nào. Trung tâm phải hoàn thành các khâu trong vòng 12 giờ kể từ khi có kết quả thông báo dương tính. Kết quả phân tích sẽ phải gửi về WADA trong vòng 24 giờ trừ những trường hợp yêu cầu đặc biệt khác.

Trong trường hợp mẫu thử là âm tính, Trung tâm xét nghiệm doping sẽ hoàn thành mọi công đoạn còn lại trong vòng 24 giờ và thông báo kết quả tới WADA trong vòng 48 giờ, trừ khi có thoả thuận khác bằng văn bản.

Vân Anh biên dịch

**DANH SÁCH CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHUẨN CỦA TỔ
CHỨC CHỐNG DOPING THẾ GIỚI (WADA)**

* * *

A. Các phòng thí nghiệm khu vực Châu Á

1. Bắc Kinh, Trung Quốc

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping Quốc gia – Cơ quan
Giám đốc - GS. YouXuan Xu chống Doping Trung Quốc
Địa chỉ: số 1 Đường An Ding, CN Beijing 100029, Trung
Quốc
Điện thoại: (86.10) 64 98 05 26
Fax: (86.10) 64 91 21 36
E-mail: xucdcc@yahoo.com.cn

2. New Delhi, Ấn Độ

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping Quốc gia – Khu Liên
Giám đốc phụ trách Khoa học hợp CGO
- TS. Shila Jain Địa chỉ: gần Tòa nhà MTNL, Đường Lodhi, New Delhi –
110003, Ấn Độ
Điện thoại: 91 11 2436 5530
Fax: 91 11 2436 8850
E-mail: ndtlindia@nic.in

3. Tokyo, Nhật Bản

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm của Hiệp hội Y-Hóa học Mitsubishi
Giám đốc Shinji Kageyama Địa chỉ: 3-30-1 Shimura, Itabashi-ku, Tokyo 174 - 8555
Nhật Bản
Điện thoại: (81.3) 5994 2351 Fax: (81.3) 5994 2990
E-mail: Kageyama.Shinji@mk.medience.co.jp

4. Almaty, Kazakhstan

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping của Bộ Thể thao và
Giám đốc – GS. TS. Talgat Du lịch Kazakhstan
Talbayev Địa chỉ: 41 Phố Timiryazeva, Almaty, 050040,
Kazakhstan
Tel: (7 727) 376 2552
Fax: (7 727) 376 2552
E-mail: aadl@antidoping.kz

5. Seoul, Hàn Quốc

Phụ trách chính: Trung tâm Chống doping – Học viện Khoa học và Kỹ
Giám đốc – TS. Oh-Seung thuật Hàn Quốc
Kwon Địa chỉ: Hwarangno 14-gil 5
Seongbuk-gu, Seoul 136-791,
Hàn Quốc
Tel.: (82.2) 958 51 84
Fax: (82.2) 958 66 77
E-mail: oskwon@kist.re.kr

6. Penang, Malaysia

Phụ trách chính: Trung tâm Kiểm tra Doping Penang
Giám đốc – TS. Aishah Trường Đại học Sains Malaysia
A.Latiff Địa chỉ: MY - 11800 Minden, Penang
Malaysia
Tel.: (60.4) 659 56 05
Fax : (60.4) 656 98 69
E-mail: aishah@dccusm.com

7. Bangkok, Thái Lan

Phụ trách chính: Trung tâm Chống Doping – Trường Đại học Mahidol
Giám đốc – TS. Tongtavuch Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Khoa Sinh học

Anukarahanonta
Quận Rachathewe, Đường Rama 6
TH - Bangkok 10400
Thái Lan
Tel.: (662) 3547147 / (662) 3547148
Fax: (662) 3547150
E-mail: sctan@mahidol.ac.th

B. Các phòng thí nghiệm khu vực Châu Phi

1. Bloemfontein, Nam Phi

Phụ trách chính
Giám đốc – TS. Pieter J. van der Merwe
Phòng thí nghiệm chống Doping Nam Phi
Địa chỉ: Khoa Dược học, Đại học Free State
P.O. Box 339 (G6)
ZA - 9300 Bloemfontein
Cộng hòa Nam Phi
Tel.: (27.51) 401 31 82
Fax: (27.51) 401 31 71
E-mail : VanDerMerwePJ@ufs.ac.za

2. Tunis, Tunisia

Phụ trách chính:
Giám đốc – TS. Mohamed Hédi Loueslati
Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping quốc gia
Địa chỉ: 11, bis rue Jebel Lakhdar
1006 Bab Saadoun
TN - Tunis
Tunisia
Tel.: (216.71) 570 117 / 577 643
Fax: (216.71) 571 015
E-mail: mh.loueslati@fmt.rnu.tn

C. Các phòng thí nghiệm khu vực Châu Âu

1. Seibersdorf, Áo

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping Seibersdorf Labor
Giám đốc – TS. Gunter GmbH
Gmeiner Địa chỉ: A - 2444 Seibersdorf, Áo
Tel.: (43) 50550 3539
Fax: (43) 50550 3566
E-mail: guenter.gmeiner@seibersdorf-laboratories.at

2. Ghent, Bỉ

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping Đại học Universiteit
GS. TS. P. Van Eenoo Gent-UGent
Địa chỉ: Technologiepark 30
B-9052 Zwijnaarde, Bỉ
Tel.: (32.9) 331 32 90
Fax: (32.9) 331 32 99
E-mail: Peter.VanEenoo@ugent.be

3. Praha, Cộng hòa Séc

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping, Trường Đại học
TS. R. Slechtova General University Hospital Praha
Địa chỉ: Khoa chống Doping, Trường Đại học General
University Hospital Praha
Nehvizdska 8
CZ - 198 00 Prague 9
Cộng hòa Séc
Tel./fax: (420) 281862332
(420) 281861733
E-mail: odk@vfn.cz

4. Helsinki, Phần Lan

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping United Medix
Giám đốc phụ trách khoa học Địa chỉ: Höyläämötie 14
– TS. Tiia Kuuranne FI - 00380 Helsinki
Phần Lan
Tel.: (358.9) 50 60 5441
Fax: (358.9) 50 60 54 20
E-mail: tiia.kuuranne@medix.fi

5. Paris, Pháp

Phụ trách chính Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping
Giám đốc – TS. Françoise Địa chỉ: 143 avenue Roger Salengro
Lasne F- 92290 Châtenay-Malabry
France
Tel.: (33.1) 46 60 28 69
Fax: (33.1) 46 60 30 17
E-mail: analyses@afl.fr

6. Cologne, Đức

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping – Trường Đại học
Giám đốc – GS. Wilhelm Cologne
Schänzer Địa chỉ: Am Sportpark Müngersdorf 6
DE - 50933 Köln
Đức
Tel.: (49.221) 498 24 920
Fax: (49.221) 497 32 36
E-mail : schaenzer@biochem.dshs-koeln.de

7. Kreischa, Đức

Phụ trách chính: Học viện Chống Doping và nghiên cứu các ứng dụng về
Giám đốc – TS. Detlef Thieme Sinh-hóa trong thể thao (IDAS)

Địa chỉ: Dresden
Dresdner Strasse 12
DE - 01731 Kreischa b. Dresden
Đức
Tel.: (49.35206) 2060
Fax: (49. 35206) 20620
E-mail: detlef.thieme@idas-kreischa.de

8. London, Vương quốc Anh

Phụ trách chính: Trung tâm kiểm tra và chống Doping – Học viện Centre
Giám đốc – GS. David Cowan King's London
Địa chỉ: Tòa nhà The Franklin-Wilkins
150 Phố Stamford
GB - London SE1 9NH
Vương quốc Anh
Tel.: (44.20) 7848 4848
Fax: (44.20) 7848 4980
E-mail : david.cowan@kcl.ac.uk

9. Athens, Hy Lạp

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping Athens
Giám đốc – TS. Costas Georgakopoulos Địa chỉ: OAKA, Kifissias 37,
15123 Maroussi
Hy Lạp
Tel.: (30.210) 683 4567
Fax: (30.210) 683 40 21
E-mail: oaka@ath.forthnet.gr

10. Roma, Ý

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping Federazione Medico
Giám đốc phụ trách Khoa học Sportiva Italiana (FMSI)

– TS. Francesco Botrè
Địa chỉ: Largo Giulio Onesti 1
IT - 00197 Roma RM
Italy
Tel.: (39.06) 36859600
Fax: (39.06) 807 89 71
E-mail: francesco.botre@uniroma1.it

11. Oslo, Nauy

Phụ trách chính
Giám đốc – GS. TS. P.
Hemmersbach
Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping Nauy
Địa chỉ: Khoa Dược-Lý học, Trường Đại học Y khoa
Oslo
Trondheimsveien 235
NO - 0586 Oslo
Nauy
Tel: (47) 22 89 43 68 / 22 89 40 07
Fax: (47) 22 89 41 51
E-mail: peter.hemmersbach@farmasi.uio.no
dopinganalyse@h-lab.no

12. Lisbon, Bồ Đào Nha

Phụ trách chính:
TS. Michael Sekera
Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping (Laboratório de
Análises de Dopagem Autoridade Antidopagem de
Portugal - ADOP)
Địa chỉ: Av. Professor Egas Moniz
(Estádio Universitário)
PT - 1600-190 Lisboa
Bồ Đào Nha
Tel.: (351.21) 795 40 00
Fax: (351.21) 793 59 49
E-mail: lad@idesporto.pt

13. Warsaw, Ba Lan

Phụ trách chính Khoa nghiên cứu và chống Doping thuộc Học viện Thể
dục thể thao quốc gia
Giám đốc – TS. Dorota Kwiatkowska Địa chỉ: Trylogii 2/16
01-982 Warsaw
Ba Lan
Tel.: (48.22) 834 94 05
Fax: (48.22) 864 91 32
E-mail: anty doping.dep@insp.waw.pl
dorota.kwiatkowska@insp.waw.pl

14. Bucharest, Rumani

Phụ trách chính: Trung tâm Kiểm tra Doping quốc gia Rumani
Giám đốc – TS. Ileana Vajjala Địa chỉ: Khoa nghiên cứu và kiểm tra Doping
37-39, Basarabia Blvd.,
Quận 2,
022103, Bucharest
Rumani
Tel. +40 (21) 3115541
Fax: +40 (21) 3184703
E-mail: i.vajjala@anad.gov.ro

15. Matx-cơ-va, Nga

Phụ trách chính: Trung tâm kiểm tra Doping Matx-cơ-va
Giám đốc – TS. Grigory Rodchenkov Địa chỉ: Elizavetinsky pereulok, 10
RU - 105005 Matx-cơ-va
Nga
Tel.: (74.99) 261 99 43
Fax: (74.99) 267 73 20
E-mail: grodchenkov@yahoo.com

16. Barcelona, Tây Ban Nha

Phụ trách chính: Trung tâm nghiên cứu Sinh hóa – Học viện Y khoa
Giám đốc – GS. Jordi Segura (IMIM)
Địa chỉ: c/ Doctor Aiguader, 88
ES - 08003 Barcelona
Tây Ban Nha
Tel.: (34.93) 316 04 00
Fax: (34.93) 316 04 10
E-mail: jsegura@imim.es

17. Madrid, Tây Ban Nha

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping (Laboratorio de
Giám đốc – TS. Jesus Muñoz- Control de Dopaje de la Agencia Estatal Antidopaje)
Guerra
Địa chỉ: c/ El Greco, s/n
ES - 28040 Madrid
Tây Ban Nha
Tel.: (34.91) 589 6888
Fax: (34.91) 543 72 90
E-mail: jmunoz@AEA.GOB.ES

18. Stockholm, Thụy Điển

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping, Bệnh viện Đại học
Giám đốc phụ trách Khoa học Karolinska
– TS. Mats Garle
Địa chỉ: C2-66
S-141 86 Stockholm
Thụy Điển
Tel.: (46.8) 58 58 10 75
Fax: (46.8) 58 5810 76
E-mail: dopinglab@karolinska.se
mats.garle@karolinska.se

19. Lausanne, Thụy Sĩ

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping – Trung tâm kiểm tra
Giám đốc – Ts. Martial Saugy – Bệnh viện Đại học Université de Lausanne
Địa chỉ: Chemin des Croisettes 22
1066 Epalinges
Tel.: (42.21) 314 73 30
Fax: (42.21) 314 73 33 / 70 95
E-mail: LAD.Central@chuv.ch / Martial.Saugy@chuv.ch

20. Ankara, Thổ Nhĩ Kỳ

Phụ trách chính Trung tâm kiểm tra Doping – Trường Đại học Hacettepe
Giám đốc chính – GS. TS. Địa chỉ: TR - 06100 Ankara
Nursabah Elif basci Thổ Nhĩ Kỳ
Tel.: (90.312) 310 67 76 / (90.312) 305 21 56
Fax: (90.312) 305 20 62
E-mail: nbasci@hacettepe.edu.tr

D. Các phòng thí nghiệm thuộc khu vực Châu Mỹ

1. Rio De Janeiro, Brazil

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping
Giám đốc – GS. TS. Francisco Địa chỉ: Centro de Tecnologia-Bloco A
Radler De Aquino Neto Sala 607
Ilha do Fundão-Cidade Universitária
RJ - 21949-900 Rio de Janeiro
Brazil
Tel.: (55.21) 2562 7130 - 2562 7134
Fax: (55.21) 2260 3967 - 2562 7489
E-mail: ladetec@iq.ufrj.br

2. Montreal, Canada

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping – Học viện Armand-
Giám đốc – TS. Christiane Frappier
Ayotte Địa chỉ: 531, boulevard des Prairies
Laval (Québec) H7V 1B7
Canada
T.: (450) 686-5442
F.: (450) 686-5614
E-mail: christiane.ayotte@iaf.inrs.ca

3. Bogota, Colombia

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping quốc gia
Giám đốc – TS. Gloria Gallo Địa chỉ: Calle 63 No. 47-06
Isaza CO – 7652 Bogotá D.C.
Colombia
T.: (57.1) 608 33 16
F.: (57.1) 250 42 02
E-mail: ggallo@coldeportes.gov.co
gigal2003@yahoo.es

4. Havana, Cuba

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping – Học viện Thể dục
Giám đốc – TS. M. Jose thể thao quốc gia
Granda Fraga Địa chỉ: Calle 100 esquina a Aldabo. Boyeros
Ciudad de la Habana,
Cuba CP 10800
Tel.: (537) 643 76 49 / (537) 643 76 79
Fax: (537) 643 76 83
E-mail: antidop@inder.cu

5. Los Angeles, Hoa Kỳ

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping (UCLA)
Giám đốc – GS. Anthony W. Butch Địa chỉ: 2122 Granville Avenue
US - Los Angeles, CA 90025
Hoa Kỳ
Tel.: (1.310) 825 2635
Fax: (1.310) 206 9077
Email: abutch@mednet.ucla.edu

6. Salt Lake City, Hoa Kỳ

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm kiểm tra Doping và nghiên cứu các ứng dụng của dược học tới thể thao (SMRTL)
Quyền Giám đốc - Bà Kim M. Monti Địa chỉ: 560 Arapeen Way, Suite 150
Salt Lake City, Utah 84108
Hoa Kỳ
T.: (801) 994-9454 / (866) 404-6561
F.: (801) 994-9455
E-mail: kmonti@smrtl.org

E. Các phòng thí nghiệm khu vực Châu Đại dương

1. Sydney, Úc

Phụ trách chính: Phòng thí nghiệm kiểm tra các chất kích thích và doping
Giám đốc – TS. Catrin Goebel sử dụng trong thể thao Sydney (ASDTL) – Viện Đo lường quốc gia
Địa chỉ: 1 Suakin Street
AU - Sydney, NSW 2073
Úc
Tel.: (61.2) 94 49 01 11
Fax: (61.2) 94 49 80 80
E-mail: catrin.goebel@measurement.gov.au

**CHI PHÍ THỰC TẾ KIỂM TRA DOPING VÀ LƯU TRỮ MẪU THỬ
CỦA TỔ CHỨC CHỐNG DOPING THẾ GIỚI (WADA)**

* * *

1. Chi phí tại các phòng thí nghiệm

Phép phân tích	Giá trung bình	Chi phí cao phụ thuộc vào yếu tố
Mẫu thử A	267 đô-la	-
Mẫu thử A (thực tế)	330 đô-la	-
Mẫu thử B	465 đô-la	-
Mẫu thử B (thực tế)	574 đô-la	-
EPO (thuốc kích thích tạo hồng cầu)	424 đô-la	Dụng cụ, trang thiết bị
IRMS (Isotope ratio mass spectrometry – Phép đo tỷ lệ đồng vị khối)	375 đô-la	Khấu hao trang thiết bị và dụng cụ
HSMS (High sensitive mass spectrometry – Phép đo nhạy cảm của khối phổ)	-	Khấu hao trang thiết bị
Xác định hồng cầu	21 đô-la	Khấu hao trang thiết bị

Tổng quát

Trên thực tế, chi phí phải trả cho các đợt kiểm tra mẫu thử A hoặc B đều cao hơn rất nhiều so với chi phí được ghi trong giấy tờ. Điều này chứng tỏ rằng chi phí để thực hiện các cuộc kiểm tra đều được tài trợ từ các nguồn kinh phí của các tổ chức lớn như Chính phủ, hệ thống các trường Đại học, Bệnh viện...

Các chi phí dành cho kiểm tra đặc biệt: Theo báo cáo, chi phí dành cho các cuộc kiểm tra đặc biệt hầu hết được chi trả cho việc chuẩn bị trang thiết bị, khấu hao vật dụng (chiếm 35%). Chi phí dành cho việc kiểm tra mức độ máu trên thực tế rất rẻ, chỉ khoảng 3-38 đô-la, còn chi phí dành cho truyền chất đồng đẳng hoặc tạo hồng cầu nhân tạo sẽ tương đối cao (vào khoảng 342 đô-la).

TIEU CHUẨN HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM DOPING

Chi phí dành cho kiểm tra phép đo đồng vị tỷ lệ khối

Chi phí thực hiện các bài kiểm tra trên vào khoảng 50.000 đô-la/năm, bao gồm cả chi phí khấu hao trang thiết bị (250.000 đô-la/ 8 năm), bảo hiểm hợp đồng (20.000 đô-la/năm).

Chi phí dành cho việc lưu trữ mẫu thử 4-8 năm

Một khoản chi vào khoảng 670.000 đô-la dành cho mỗi phòng thí nghiệm trong việc lưu trữ mẫu thử từ 4-8 năm, bên cạnh đó, các phòng thí nghiệm còn phải chi một khoản kinh phí 100.000 đô-la cho việc bảo dưỡng, cung cấp năng lượng, kiểm soát nhiệt độ thích hợp... Ngoài ra, chi phí dành cho việc xây dựng kho lưu trữ mẫu thử cũng tương đối cao, vào khoảng 1,15 triệu đô-la cho 45.000 mẫu thử trong 8 năm.

Các khoản chi	4 năm	8 năm
Số lượng mẫu thử lưu trữ	28.500 đô-la	58.000 đô-la
Chi phí xây dựng	132.000 đô-la	214.000 đô-la
Chi phí hàng năm	50.000 đô-la	66.000 đô-la

2. Chi phí thực hiện các xét nghiệm để cấp Giấy phép sử dụng các chất điều trị miễn giảm (TUE)

Tổng quát

Kể từ khi các VĐV người khuyết tật (NKT) được xét vào trường hợp các cá nhân cần sử dụng đến Giấy phép dùng các chất điều trị miễn giảm (TUE) một cách thường xuyên, thì việc cân nhắc kết quả kiểm tra cần phải được xem xét kỹ lưỡng và cẩn thận hơn.

Thông số	Liên đoàn Thế giới	Các tổ chức chống Doping quốc gia
Số lượng các chất Điều trị miễn giảm giản lược (ATUE – Abbreviated Therapeutic use exemption)	182	539
Thời gian làm việc của nhân viên dành cho công việc	0,42 FTE (FTE – Full time equivalent – 1 đơn vị thời gian làm việc chuẩn của nhân viên)	0,84 FTE

TIEU CHUẨN HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM DOPING

Thời gian hỗ trợ của nhân viên dành cho công việc	0,3 FTE	0,56 FTE
Tổng chi phí hàng năm trung bình (chưa bao gồm chi phí cho nhân viên)	4.250 đô-la	10.500 đô-la

Thông số	Liên đoàn Thế giới	Các tổ chức chống Doping quốc gia
Số lượng các chất Điều trị miễn giảm (TUE)	21	68
Thời gian làm việc của nhân viên dành cho công việc	0,25 FTE	0,35 FTE
Số giờ dành cho từng trường hợp TUE	1,6 giờ	2,6 giờ
Tổng chi phí hàng năm trung bình (chưa bao gồm chi phí cho nhân viên)	4.800 đô-la	6.800 đô-la

3. Chi phí thực hiện bài kiểm tra dành cho VĐV

Thông số	Liên đoàn Thế giới	Các tổ chức chống Doping quốc gia
Số lượng VĐV tham gia	417	1156
Thời gian làm việc của nhân viên	0,72 FTE	1,88 FTE
Chi phí hành chính (chưa bao gồm chi phí dành cho nhân viên)	7.100 đô-la	12.500 đô-la
Chi phí đào tạo (chưa bao gồm chi phí dành cho nhân viên)	3.800 đô-la	6.800 đô-la

4. Chương trình kiểm tra

Tổng quát

TIEU CHUẨN HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM DOPING

Trung bình, 37% số lượng nhân viên của các Liên đoàn Thế giới và 58% số lượng nhân viên của các tổ chức chống Doping quốc gia sẽ tham gia vào việc thu thập mẫu thử và quản lý kết quả.

Thu thập và tiến hành với các mẫu thử

Thông số	Liên đoàn Quốc tế	Các tổ chức chống Doping quốc gia
Số lượng mẫu thử nước tiểu	528	1938
Số lượng mẫu thử máu	325	44
Thời gian làm việc của nhân viên dành cho công tác quản lý mẫu thử nước tiểu	0,42 FTE	1,58 FTE
Thời gian làm việc của nhân viên trong việc quản lý số liệu (đối với mẫu thử nước tiểu)	0,22 FTE	0,84 FTE
Tổng thời gian dành cho các mẫu thử nước tiểu	0,68 FTE	3,51 FTE
Tổng thời gian dành cho các mẫu thử máu	0,13 FTE	0,23 FTE
Chi phí dành cho kiểm tra (nước tiểu và máu) chưa bao gồm chi phí dành cho nhân viên	140.000 đô-la	963.000 đô-la

Quản lý kết quả

Thông số	Liên đoàn Quốc tế	Các tổ chức chống Doping quốc gia
Số lượng các mẫu thử không đảm bảo (AAFs – Adverse analytical finding)	31	40
Thời gian làm việc của nhân viên dành cho việc quản lý kết quả (đối với mẫu thử nước tiểu)	0,69 FTE	0,89 FTE

TIEU CHUẨN HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM DOPING

Thời gian làm việc của nhân viên dành cho việc quản lý kết quả (đối với mẫu thử máu)	0,18 FTE	0,01 FTE
Tổng chi phí dành cho quản lý kết quả, chưa bao gồm chi phí cho nhân viên (đối với mẫu thử nước tiểu)	15.800 đô-la	88.700 đô-la
Tổng chi phí dành cho quản lý kết quả, chưa bao gồm chi phí cho nhân viên (đối với mẫu thử máu)	1.400 đô-la	750 đô-la

5. Danh sách chất cấm

Tổng quát

Trên thực tế, bản Danh sách các chất/ phương thức bị cấm trong luyện tập và thi đấu thể thao là nguồn tài liệu chính giúp các Liên đoàn, tổ chức quốc tế có thể dựa vào nguồn thông tin ở đây để đào tạo nhân viên, cũng như hỗ trợ đội ngũ nhân sự của tổ chức mình trong việc nghiên cứu, tìm hiểu về các chất/ phương thức bị cấm.

Chi phí để thực hiện bao gồm:

Thông số	Liên đoàn Quốc tế	Các tổ chức chống Doping quốc gia
Thời gian dành cho nhân viên trong việc đào tạo và giáo dục	0,8 FTE	1,22 FTE
Chi phí giáo dục (chưa bao gồm chi phí phải trả cho nhân viên)	6.800 đô-la	44.000 đô-la

Phuong Ngọc tổng hợp

NHỮNG SUY NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ DOPING

* * *

Con người không ngừng hỏi: Tại sao VĐV lại bất chấp mạo hiểm đề sử dụng Doping? Điều này không cần phải nói cũng hiểu rằng ở tất cả các giải thi đấu, việc VĐV sử dụng Doping đều xuất phát từ nguyên nhân giống nhau thuộc về bản chất, đó là họ đều hy vọng dựa vào Doping để cải thiện và nâng cao thành tích thể thao, nhằm giành được chiến thắng trong thi đấu.

Thông thường, khi thắng lợi trong thi đấu chưa vượt quá phạm trù thể thao, nghĩa là nó chỉ là 1 tấm huy chương vàng mang tính tượng trưng và có hàm lượng vàng không cao hoặc là 1 danh hiệu quán quân của 1 nội dung nào đó thì sự theo đuổi thắng lợi của VĐV có lẽ chỉ là vì mục đích muốn thực hiện tham vọng cá nhân và chứng minh năng lực thể thao của mình mà thôi. Nhưng nếu một khi thắng lợi trong thi đấu thể thao chịu sự khống chế bởi 1 lực lượng thần bí nào đó và bị biến dạng để được nâng lên 1 tầm cao mới thành vinh dự quốc gia với khoản tiền thưởng khổng lồ thì lúc này VĐV sẽ khó mà kháng cự nổi áp lực đạo đức và sự cám dỗ về vật chất.

Không thể phủ nhận rằng thể thao thành tích cao ngày nay mang trong mình 1 đặc trưng của sự chính trị hóa và thương mại hóa. Từ những năm 50 của thế kỷ XX, 1 số quốc gia trên thế giới đã sử dụng và coi Doping như 1 loại “vũ khí chiến lược” để dùng trên các đấu trường Olympic và quốc tế như là sự “cạnh tranh hòa bình” để chứng minh tính ưu việt của chế độ chính trị. Nhiều năm qua, sự quan tâm chú ý nhiệt tình của các cơ quan thông tấn xã, thông tin đại chúng và sự đầu tư tài trợ lớn của các công ty tập đoàn đa quốc gia cũng đã góp phần làm tăng nhanh sự thương mại hóa của thể thao thành tích cao. Giành chiến thắng ở sân chơi Olympic và các đấu trường lớn trên quốc tế sẽ khiến VĐV đó nhanh chóng nổi tiếng với thu nhập thì ào ào dồn về, làm các VĐV khó kháng cự lại được với sự cám dỗ nặng ký của vật chất và danh dự, điều này sẽ làm cho 1 số VĐV lấy sức khỏe bản thân ra để đánh cược làm cái giá phải trả cho việc mạo hiểm sử dụng Doping.

MỘT SỐ THÔNG TIN MỚI VỀ DOPING VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP BỊ CẤM SỬ DỤNG

Điều đáng nói ở đây là: sau sự kết thúc cục diện chiến tranh lạnh của cuộc đối đầu giữa hai phe, Liên Xô cũ tan rã, lúc này các giải thi đấu thể thao lớn trên thế giới và TVH Olympic được xem như là 1 sự cạnh tranh mang tính dân tộc và hình thức đối kháng chính trị có xu hướng tan rã và loãng đi của thời kỳ hòa bình.

Trong khi đó thể thao thành tích cao ngày càng thương mại hóa nghiêm trọng, và đã trở thành nguyên nhân chủ yếu điều khiển VĐV sử dụng Doping.

Người lãnh đạo kiệt xuất của phong trào Olympic – nguyên Chủ tịch Ủy ban Olympic quốc tế - ông Juan Antonio Samaranch đã đưa ra “định nghĩa chết người” nhưng rất nổi tiếng về bản chất của Doping như sau:

“Dùng Doping là dối trá, cũng là đi vào cõi chết. Nó tạo ra cái chết về mặt sinh lý – thông qua việc sử dụng không đúng cách các phương pháp thủ thuật thao tác dẫn đến làm thay đổi nghiêm trọng tác dụng sinh lý của cơ thể bình thường. Tạo ra cái chết về cơ thể, giống như 1 số sự kiện mang tính bi kịch trong vài năm gần đây. Dẫn đến cái chết về mặt tinh thần và lý trí, đồng nghĩa với việc tiến hành dối trá và giấu giếm năng lực của bản thân, thừa nhận sự bất lực cũng như không cố gắng tiến bộ về phương diện nhìn nhận và vượt qua chính mình. Còn cả cái chết về mặt đạo đức – cự tuyệt tiếp nhận tiêu chí chuẩn mực mà cả xã hội loài người đã công nhận.”

Phải nói thẳng, việc VĐV sử dụng Doping trong thể thao thành tích cao ngày nay đã trở thành 1 khối u ung thư, đây là điều không thể tránh khỏi đã giăng 1 lớp phủ đen tối lên phong trào Olympic. Mục đích cốt yếu của phong trào Olympic là thông qua tổ chức các hoạt động thể thao phù hợp với tinh thần Olympic, và cùng hòa hợp với sự giáo dục văn hóa, cường điệu tác dụng giáo dục của thần tượng, làm cho con người, đặc biệt là thanh thiếu niên đạt được sự phát triển tốt về mặt tố chất sức khỏe và tinh thần đạo đức, từ đó tạo dựng nên 1 thế giới hòa bình và tốt đẹp hơn.

Nhưng, một loạt các trường hợp sử dụng Doping trái phép trong các kỳ TVH Olympic đang dần đi ngược lại với tinh thần Olympic. Các VĐV Olympic nổi tiếng được giới trẻ hiện nay coi như thần tượng lại không ngần ngại hy sinh nhân cách bản thân, lợi dụng việc sử dụng Doping để hòng đạt được những thắng lợi đã không còn đáng để chiêm ngưỡng nữa, thì đây còn gọi gì là thi đấu thể thao? Sự thực trước mắt đã phơi bày:

Doping và thể thao thành tích cao đã kết nên mối duyên nợ không thể giải hòa, hoạt động thể thao đã xuất hiện nguy cơ nguy hiểm, nếu con người vẫn tiếp tục không thể không chế con ác quỷ Doping thì đến cuối cùng nó sẽ làm thay đổi tính chất của thi đấu thể thao, đưa thi đấu thể thao đến ngõ cụt, hơn nữa là đem đến cho phong trào Olympic sự đả kích nặng nề.

Thanh Xuân biên dịch

WADA VÀ TỔ CHỨC HẢI QUAN THẾ GIỚI CÙNG PHỐI HỢP CHỐNG DOPING

* * *

Theo nguồn tin của Tổ chức Phòng chống Doping thế giới (WADA), ngày 24/6 vừa qua Tổ chức Phòng chống Doping thế giới (WADA) cùng với Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) đã ký kết 1 bản Thỏa thuận hợp tác (MOU) tại Brussels – Bỉ. Nội dung chính của MOU là hai bên sẽ cùng nhau nỗ lực chống lại hành vi sử dụng Doping trong hoạt động thể thao một cách nghiêm ngặt.

Theo như bản MOU, 2 bên sẽ cùng nhau tăng cường hợp tác và quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề về sử dụng Doping; buôn bán các chất kích thích; thu thập tư liệu thông tin, lưu trữ và trao đổi, tổ chức cuộc thảo luận về thông tin và cảnh báo liên tịch giữa các tổ chức trong phạm vi quản lý của mỗi bên. Ngoài ra, bản MOU còn thể hiện sự hỗ trợ liên quan đến các biện pháp phòng chống Doping quốc gia và quốc tế trong “Công ước quốc tế về phản đối sử dụng Doping trong các hoạt động thể thao” của Tổ chức UNESCO. Cho đến thời điểm này, đã có 159 nước thành viên thuộc Tổ chức UNESCO đồng ý thông qua và ủng hộ cho “Công ước quốc tế về phòng chống Doping”.

Tổng Giám đốc Tổ chức Phòng chống Doping thế giới – ông David Howman đưa ra nhận định: “việc ký kết bản MOU lần này là một bước ngoặt quan trọng trong tiến trình phát

MỘT SỐ THÔNG TIN MỚI VỀ DOPING VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP BỊ CẤM SỬ DỤNG

triển của Tổ chức phòng chống Doping thế giới, nó sẽ giúp chúng tôi mở rộng các kênh thông tin tình báo, theo đuổi có hiệu quả nguồn gốc tội phạm của các trường hợp liên quan đến Doping, xử lý thật nặng các cá nhân và tổ chức cung cấp thuốc cấm phi pháp cho giới thể thao.”

“Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Tổ chức Hải quan thế giới đã cam kết gia nhập vào cuộc đấu tranh phòng chống sử dụng Doping trong hoạt động thể dục thể thao.” Ông Howman tiếp lời: “sự hợp tác song phương này phát ra một tín hiệu vô cùng mạnh, đó là cả thế giới đang ngày càng đoàn kết, phản đối các loại độc phẩm và thuốc cấm dưới mọi hình thức, điều này không chỉ vì lợi ích của hoạt động thi đấu thể thao mà đồng thời cũng vì lợi ích và sức khỏe của toàn xã hội.”

Đáng chú ý hơn là: sự hợp tác song phương này sẽ thúc đẩy hoạt động lập pháp liên quan ở trong nước của tất cả các nước thành viên của Tổ chức Hải quan thế giới, cung cấp các điều kiện pháp luật có lợi cho các quan chức hải quan trong việc điều tra và xử lý. Tổng thư ký Tổ chức Hải quan thế giới, ông Kunio Mikuriya cho rằng: “Tổ chức Hải quan thế giới cam kết với các đối tác hợp tác quốc tế sẽ cùng nỗ lực, đấu tranh chống lại tất cả các hình thức giao dịch phi pháp, trong đó bao gồm tất cả các chất được phẩm bị cấm, giả mạo và chưa qua được phép sản xuất. Việc ký kết bản MOU này đã đặt một nền tảng quan trọng cho việc hợp tác trong tương lai giữa Tổ chức phòng chống Doping thế giới và Tổ chức Hải quan thế giới, xây dựng một môi trường lành mạnh hơn cho thể thao quốc tế, và bảo vệ xã hội chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Tổ chức Hải quan thế giới.”

Thanh Xuân biên dịch

HOA KỲ VÀ ÚC CẢNH BÁO VĐV VỀ VIỆC CÁC CHẤT DINH DƯỠNG BỔ SUNG CÓ CHỨA METHYLHEXANEAMINE

* * *

Tổ chức chống Doping Hoa Kỳ (United States Sports Anti-Doping Authority - USADA) và Tổ chức chống Doping Úc (Australian Sports Anti-Doping Authority - ASADA) đã đưa ra lời cảnh báo với các VĐV nên cẩn trọng trong việc sử dụng các sản phẩm bổ sung dinh dưỡng bởi có chứa methylhexaneamine. Lời cảnh báo được đưa ra khi trên thế giới xuất hiện nhiều trường hợp các VĐV có xét nghiệm dương tính với chất Methylhexaneamine.

Đây là loại chất nằm trong nhóm chất kích thích S6 trong danh mục các chất bị cấm và bị cấm trong thi đấu. Án phạt cho những trường hợp có xét nghiệm dương tính với Methylhexaneamine có thể lên tới 2 năm.

Theo nghiên cứu của các chuyên gia, 2 năm qua, chất Methylhexaneamine đã được sử dụng nhiều hơn trong các sản phẩm bổ sung dinh dưỡng và năng lượng. Từ đó đến nay, Methylhexaneamine đã trở thành cụm từ được nhắc tới khá nhiều trong một số báo cáo về các trường hợp có xét nghiệm dương tính, điển hình là các VĐV Ấn Độ, Nigeria và VĐV Bơi của Mỹ.

Cũng bởi chất này, năm 2010, các VĐV của Jamaica là Yohan Blake, Marvin Anderson, Allodin Fothergill và Lansford Spence đã bị đình chỉ thi đấu 3 tháng khi có xét nghiệm dương tính tại Giải vô địch Điền kinh quốc gia.

Trước thực trạng đó, Mỹ và Úc kêu gọi các VĐV hãy cẩn trọng hơn nữa trong việc sử dụng các sản phẩm bổ sung dinh dưỡng và năng lượng.

Các VĐV phải nhận thức được rằng họ phải có trách nhiệm đối với bất kỳ chất nào được tìm thấy trong cơ thể của họ. Các VĐV nên lưu ý nếu sản phẩm đó có các thành phần như sau:

Thành phần		
Methylhexaneamine	Forthan	2-hexanamine, 4-methyl-
Methylhexanamine	Floradrene	2-hexanamine, 4-methyl-(9CI)
DMAA	4-methyl-2-hexanamine	1,3-dimethylamylamine
Geranamine	4-Methylhexan-2-amine	1,3-dimethylpentylamine
Forthane	2-amino-4-methylhexane	Pentylamine, 1, 3-dimethyl-

Vân Anh biên dịch

DOPING GIEN: THỦ ĐOẠN MỚI TRONG THỂ THAO

* * *

Cơ quan chống Doping thế giới (WADA) đã tuyên bố doping gien - kỹ thuật chuyển đổi gien để giúp VĐV tăng thành tích- chắc chắn sẽ xảy ra. Do vậy, ngay từ bây giờ cần tìm kiếm những phương pháp xét nghiệm để phát hiện thủ đoạn gian lận tinh vi này.

WADA - cơ quan chịu trách nhiệm chống dùng các chất kích thích trong thể thao - đã kêu gọi tổ chức một cuộc họp tại Thụy Điển vào ngày 4-5/12. Với sự tham gia của khoảng 40 nhà khoa học, cuộc họp thảo luận những tiến bộ trong điều trị bệnh tật của liệu pháp gien cũng như mặt tối của nó - chuyển gien để tăng thành tích của VĐV.

Ông Dick Pound, Chủ tịch WADA, cho biết: ""Chỉ có mù mới không thấy rằng thể hệ doping tiếp theo sẽ là doping gien"". Tuy nhiên, ông tin rằng doping gien chưa xảy ra mặc dù chẳng ai có thể chắc chắn về điều đó.

Arne Ljungqvist, Chủ tịch uỷ ban nghiên cứu, y học và sức khoẻ của WADA, cho biết những người muốn sử dụng doping gien hy vọng rằng thủ đoạn này không thể dò được. Hiện có khoảng 10.000 phòng thí nghiệm khắp thế giới đang nghiên cứu liệu pháp gien để trị bệnh. Chẳng có gì chắc chắn rằng một vài phòng thí nghiệm này không tham gia giúp VĐV tăng thành tích. Người ốm nặng có thể chịu những rủi ro của liệu pháp gien.

MỘT SỐ THÔNG TIN MỚI VỀ DOPING VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP BỊ CẤM SỬ DỤNG

Tuy nhiên, đối với những VĐV khoẻ mạnh, doping gien hoàn toàn không thể chấp nhận được.

Doping gien

Thông qua kỹ thuật chuyển đổi gien, chẳng hạn VĐV có thể yêu cầu bác sĩ tiêm ADN của động vật vào cơ thể để trở nên nhanh nhẹn và sung sức hơn so với bình thường. ""Không cần tập tạ và chạy 10km để xây dựng sức bền. Chuyển đổi gien sẽ thay thế và làm những chuyện ấy trở nên tầm thường và lỗi thời. Nó có thể biến một người không có chút tố chất thể thao nào thành nhà vô địch."" - Peter Weyand, giáo viên môn nghiên cứu cơ và chuyển động của người tại ĐH Rice, giải thích.

Các VĐV tầm cỡ thế giới ngày nay vốn là những người có bộ gien đặc biệt, tạo cho họ khả năng bẩm sinh giỏi hơn người khác. Những khả năng đó được mài dũa bằng luyện tập vất vả. Tuy nhiên, theo Weyand, ngành công nghệ chuyển đổi gien có thể cải thiện khả năng của VĐV lên 100, 200, 500 và thậm chí 1.000 lần. Chẳng hạn mượn cơ co nhanh của chuột có thể làm con người chạy siêu nhanh. "Quả là đáng sợ khi khả năng này xảy ra." - ông nói.

Lo ngại khả năng này có thể xảy ra, WADA đã tuyên bố dùng gien để nâng cao thành tích hay doping gien là bất hợp pháp. WADA cho biết đã tới lúc kiểm soát vấn đề này và hối thúc các nhà khoa học tìm cách phát hiện doping gien.

Tăng sức bền và sức mạnh

Giới thể thao bắt đầu quan tâm mạnh tới doping gien kể từ tháng 3/2004 khi H. Lee Sweeney thuộc ĐH Pennsylvania (Mỹ) phát hiện cơ của chuột biến đổi gien đã tăng trưởng 50%. Những con chuột này được bổ sung một gien kích thích tăng trưởng. Khi kỹ thuật được kết hợp với luyện tập, sức mạnh của chuột bị biến đổi gien theo cách tương tự tăng 35%. Kể từ khi công bố kết quả nghiên cứu, Sweeney đã nhận được rất nhiều yêu cầu xin thông tin từ các... huấn luyện viên cũng như VĐV.

Mặc dù vài năm nữa, Sweeney mới thử nghiệm ở người song nghiên cứu trên cho thấy những người khác có thể tiến hành công việc để hưởng lợi. Nhà đạo đức sinh học Andy Miah là người đã xuất bản cuốn sách VĐV chuyển đổi gien: Đạo đức y sinh, doping gien

MỘT SỐ THÔNG TIN MỚI VỀ DOPING VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP BỊ CẤM SỬ DỤNG

và thể thao vào tháng 8/2004. Ông cho biết: ""Hiện đã tồn tại công nghệ để VĐV sử dụng. Họ có nguy cơ lớn khi làm điều đó song họ vẫn có thể thử".

Tuy nhiên, do các liệu pháp gien có nhiều tiềm năng chữa bệnh cho người nên Miah kêu gọi WADA không nên chỉ coi chúng là một dạng doping mới, bất hợp pháp. Chẳng hạn, liệu pháp gien có thể được sử dụng để chữa cơ bị thương của VĐV. Liệu mục đích sử dụng này sẽ là bất hợp pháp?

Mặt trái của doping gien

Dĩ nhiên, hiện chưa có phương pháp xét nghiệm doping gien. Có thể tìm ra ADN lạ bằng cách lấy mẫu mô của VĐV. Tuy nhiên, hành động này có thể gây tâm lý không tốt cho VĐV trước khi thi đấu, ảnh hưởng tới thành tích của họ.

Giới khoa học hoàn toàn chưa biết tác dụng phụ của doping gien. Mọi dự đoán đều mù mù khi VĐV bắt đầu nhờ cậy tới kỹ thuật chuyển đổi gien... về mặt chức năng hệ thống, chức năng cơ quan và các ảnh hưởng dài hạn. Weyand nói: "Nếu bạn bổ sung cơ siêu nhanh, liệu bạn có thể thay đổi chức năng sao cho dây chằng và xương cốt có thể nâng đỡ chúng? Xương và dây chằng của bạn có thể bị đứt. Doping gien có thể có tác động tiêu cực tới sức khoẻ hay không, chúng ta thực sự không biết".

Tuy nhiên, lợi ích sẽ làm một số VĐV mờ mắt. Sức mạnh và tốc độ không phải là những khả năng duy nhất có thể được kích thích. Các tế bào máu đỏ có thể được tăng cường để mang nhiều oxy hơn, tạo ra cuộc cách mạng trong các môn thể thao sức bền như đua xe, trượt tuyết và chạy đường dài. Kỹ thuật này còn giúp VĐV ít cảm nhận sự đau đớn, cho phép họ thúc đẩy bản thân mạnh hơn và thách thức đạo đức của thể thao.

GS John Hoberman thuộc ĐH Texas, người nghiên cứu lịch sử doping trong thể thao, nói: "Đây là một tình huống đáng sợ. Hợp pháp hoá chuyển đổi gien trong thể thao sẽ dẫn tới sự hỗn loạn. Nó sẽ biến thể thao thành một loại rạp xiếc với những cuộc trình diễn kỳ dị".

Nhóm biên soạn tổng hợp

**BÁO CÁO 10 NĂM CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DOPING CỦA
TRUNG QUỐC**

* * *

Tổng cục Thể dục thể thao Trung Quốc và Ủy ban Olympic Trung Quốc đã đưa ra bản báo cáo tổng kết các vấn đề về phòng chống Doping có tựa đề là “10 năm công tác phòng chống Doping Trung Quốc”. Tóm tắt bản báo cáo tổng kết như sau:

10 năm cuối của thế kỷ XX là quãng thời gian mà Tổ chức phòng chống Doping thế giới đạt được sự tiến bộ rất lớn. Đây cũng là 10 năm đánh dấu mốc khởi đầu và không ngừng hoàn thiện về thể chế và hệ thống phòng chống Doping của Trung Quốc, từ đó đạt được những thành tích nổi bật như ngày hôm nay.

Mùa xuân năm 1989, ngành thể thao Trung Quốc chính thức đưa ra lời kêu gọi với phương châm “nghiêm cấm sử dụng, kiểm tra chặt chẽ nghiêm ngặt, xử lý nghiêm khắc” đối với các vấn đề liên quan đến Doping. Đồng thời cũng cho ban hành “Quy định tạm thời về các chất cấm sử dụng trong thi đấu thể thao thành tích cao trên phạm vi toàn quốc”. Phương châm 3 nghiêm đã bao quát được lập trường cơ bản của Chính phủ Trung Quốc và ngành thể thao Trung Quốc trong vấn đề Doping, điều này hoàn toàn nhất quán với nguyên tắc, lập trường và chính sách của Tổ chức phòng chống Doping thế giới. Tháng 12 cùng năm đó, Trung tâm kiểm tra giám định Doping Trung Quốc đã thông qua cuộc kiểm tra tư cách của Ủy ban Olympic quốc tế và chính thức được đưa vào hoạt động. Cuộc đấu tranh phòng chống Doping của Trung Quốc cũng được triển khai 1 cách toàn diện từ đây.

Trong 10 năm qua, Trung Quốc luôn luôn kiên trì với phương châm 3 nghiêm, và đã đạt được những thành tựu và hiệu quả rõ rệt trong các lĩnh vực xây dựng pháp luật, thể chế quản lý, chế độ kiểm tra giám sát, xử phạt và giáo dục, nghiên cứu khoa học về phòng chống Doping. Nguyên Chủ tịch Ủy ban Olympic quốc tế - ông Juan Antonio Samaranch từng tuyên bố: Trung Quốc là 1 trong những nước làm công tác phòng chống Doping tốt nhất trên thế giới.

CHÍNH SÁCH CHỐNG DOPING CỦA CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

Hệ thống thể chế pháp luật phòng chống Doping ngày càng được hoàn thiện hơn. Ngày 01/10/1995 bắt đầu thực thi “Pháp luật thể thao nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”, trong đó có quy định rõ ràng: “người tổ chức, VĐV, huấn luyện viên và trọng tài của các giải thi đấu thể thao phải chấp hành và tuân thủ đạo đức thể thao ..., nghiêm cấm sử dụng các chất cấm và phương pháp bị cấm, nếu sử dụng các chất cấm và phương pháp bị cấm ... thì sẽ bị xử phạt theo quy định.” Trong thời gian 10 năm, các cơ quan chủ quản thể thao đã lần lượt soạn thảo và đưa ra 30 văn kiện mang tính quy phạm pháp luật, bao gồm cả kiểm tra, xử phạt, quản lý sản phẩm dinh dưỡng vận động và giám sát hành chính trong lĩnh vực Doping, tất cả cấu thành nội dung trọng tâm của hệ thống thể chế quản lý phòng chống Doping Trung Quốc.

Thể chế quản lý phòng chống Doping ngày càng hoàn thiện hơn. Trong đó khung cơ bản là do Chính phủ lãnh đạo chỉ đạo, điều hành, giám sát; Ủy ban Olympic Trung Quốc phụ trách thực thi tổ chức; các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao trên toàn quốc chịu trách nhiệm phụ trách phần liên quan; tất cả cung cấp cho công tác phòng chống Doping sự bảo đảm về mặt tổ chức và được triển khai có lợi nhất.

Cơ cấu kiểm tra được kiện toàn hơn, xây dựng kế hoạch kiểm tra và thực thi nó 1 cách nghiêm ngặt, gia tăng trên diện rộng số lượng kiểm tra mỗi năm, không ngừng tăng cường kiểm tra Doping ngoài giải thi đấu.

Phòng kiểm tra Doping thuộc Hiệp hội phòng chống Doping - Ủy ban Olympic Trung Quốc là tổ chức chấp hành các kế hoạch kiểm tra Doping trên toàn quốc. Dưới sự lãnh đạo của tổ chức này đã xây dựng và đào tạo 1 đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác về kiểm tra Doping gồm những người làm việc với nghiệp vụ y học, những người nghiên cứu khoa học, những giáo viên thể thao và các tình nguyện viên; đồng thời dần hoàn thiện những chế độ bồi dưỡng đào tạo tương ứng, các chế độ kiểm tra sát hạch và các chế độ quản lý liên quan.

Từ những năm 1989, Trung tâm kiểm tra giám định Doping Trung Quốc đã liên tục 11 lần thông qua kỳ kiểm tra cuối năm của Ủy ban Olympic quốc tế để được chứng nhận là phòng thí nghiệm loại A. Năm 1990 đã tiến hành kiểm tra tổng cộng 165 trường hợp Doping, năm 1999 đạt mức 3505 trường hợp, các cuộc kiểm tra xoay quanh khoảng hơn 40 môn thể thao, quy mô thuộc diện hàng đầu trên thế giới.

CHÍNH SÁCH CHỐNG DOPING CỦA CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

Bên cạnh đó thì các hình phạt cho những trường hợp sử dụng chất cấm cũng ngày càng nặng hơn. Trong 10 năm qua, ở trong nước đã đưa ra hình thức xử phạt nghiêm khắc đối với 122 VĐV có kết quả dương tính với xét nghiệm kiểm tra Doping, 4 VĐV được xác định là gian lận hoặc cố ý gây hại đến VĐV khác và những người và đơn vị có liên quan.

Công tác phòng chống Doping của Trung Quốc luôn kiên trì “lấy dự phòng làm chủ, lấy giáo dục làm cốt lõi”, giáo dục toàn thể những người làm công tác thể thao có nhận thức đúng đắn về tác hại của Doping, “thà không có HCV chứ nhất quyết không dùng Doping”, xây dựng sự tự giác mang tính phòng thủ kiên cường trong phòng chống Doping. Trong những năm gần đây còn tổ chức các cuộc nghiên cứu liên quan đến vấn đề phòng chống Doping, với mục đích không ngừng nâng cao trình độ công tác phòng chống Doping và cung cấp cho các đơn vị, tổ chức liên quan những tài liệu làm cơ sở tham khảo quan trọng.

Trung Quốc đã từng nhiều lần cử người tham dự các cuộc họp, hội nghị quốc tế về phòng chống Doping, đã cam kết sẽ thực hiện đúng những nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, đồng thời cũng cùng với các quốc gia khác ký kết các thỏa thuận giao lưu hợp tác song phương, triển khai các hoạt động giao lưu, tích cực đẩy mạnh công tác phòng chống Doping. Tỷ lệ các mẫu xét nghiệm có kết quả dương tính với Doping của các cuộc kiểm tra trong nước của Trung Quốc giảm dần theo từng năm, với con số là 1.6% vào thời kỳ đầu thập niên 90 thì đến nay đã giảm xuống chỉ còn 0.6%, so với con số trung bình cùng kỳ trên quốc tế là ít hơn rõ rệt. Điều này chứng tỏ rằng công tác phòng chống Doping của Trung Quốc đã đạt được sự tiến triển và thành quả xuất sắc.

Tuy nhiên, đấu tranh phòng chống Doping sẽ không đơn giản và nhanh chóng như vậy, mà giống như các quốc gia khác trên thế giới thì việc đấu tranh phòng chống Doping của Trung Quốc cũng sẽ là trường kỳ, khó khăn, vất vả và phức tạp. Là 1 nước đang phát triển, Trung Quốc còn rất nhiều vấn đề cần giải quyết trong lĩnh vực phòng chống Doping. Chính phủ và ngành thể thao Trung Quốc có đủ tự tin, quyết tâm, năng lực để tiếp tục cuộc đấu tranh không ngừng này, nhằm bảo vệ cho sức khỏe thể chất và tâm hồn VĐV, bảo vệ đạo đức thể thao, phát huy tinh thần Olympic, cống hiến nhiều hơn nữa cho sự nghiệp thể thao.

Thanh Xuân biên dịch

**CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ, NGHIÊN CỨU VÀ GIÁO DỤC TRONG
CÔNG TÁC CHỐNG DOPING CỦA VƯƠNG QUỐC ANH**

* * *

Chính phủ Vương quốc Anh và các tổ chức quản lý thể thao quốc gia cho rằng việc không sử dụng Doping trong thi đấu thể thao là hoàn toàn đúng đắn, đồng thời cũng bày tỏ thái độ muốn xây dựng một nền thể thao trong sạch, công bằng. Do đó, họ tăng cường sự phối hợp giữa Chính phủ và các tổ chức chuyên trách về chống Doping trong thể thao trong nước và quốc tế (ví dụ như Tổ chức chống Doping Vương quốc Anh, Tổ chức chống sử dụng Doping Thế giới - WADA), kết hợp với các điều khoản, quy định được nêu trong Bộ luật chống Doping Thế giới, trong quy định của các Liên đoàn, Hiệp hội, sẽ mang đến những đóng góp tích cực cho sự lớn mạnh của phong trào thể thao quốc gia.

Mục tiêu chính của Chính sách chống Doping của Vương quốc Anh gồm:

- Giúp VĐV, các bên liên quan có những nhận thức và kiến thức tổng quát về những bất cập do Doping có thể mang đến, cũng như những tác động xấu ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe VĐV, hình ảnh quốc gia, cũng như vị trí trên bản đồ thể thao thế giới;
- Xây dựng hệ thống điều khoản, điều luật phù hợp với nội dung của Bộ luật chống Doping Thế giới. Bên cạnh đây nỗ lực tăng cường các hoạt động giữa các tổ chức trong nước và quốc tế để việc thực hiện các điều khoản, điều luật có tính tích cực và hiệu quả hơn.

Chính sách nghiên cứu và giáo dục chống sử dụng Doping của Vương quốc Anh gồm:

- Lên kế hoạch, đánh giá các chương trình giảng dạy, để từ đây xây dựng được chương trình đào tạo phù hợp nhất về chống sử dụng Doping trong thể thao, hướng đến một nền thể thao trong sạch, công bằng. Nội dung các chương trình cần tập trung hướng đến những đối tượng ở nhiều độ tuổi (thể thao cho mọi người), trường học, CLB, phụ huynh, VĐV, quan chức, lãnh đạo, chuyên viên, chuyên gia y tế và cả giới truyền thông báo chí;

CHÍNH SÁCH CHỐNG DOPING CỦA CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

- Khuyến khích, thúc đẩy các hoạt động, chương trình đào tạo với chủ đề chính “một nền thể thao trong sạch, công bằng” do các cơ quan chính phủ, các Liên đoàn, Hiệp hội tổ chức;
- Phối hợp cùng các bên liên quan trong việc cung cấp thông tin, nội dung phù hợp của các chương trình giáo dục về chống Doping để tăng thêm kinh nghiệm, tính hiệu quả, tính thiết thực của các chương trình;
- Khuyến khích và thúc đẩy các hoạt động trong nghiên cứu;
- Tạo điều kiện làm việc tốt nhất, phối hợp nhịp nhàng cùng các tổ chức chuyên nghiệp quốc tế trong việc phòng chống Doping.

Bên cạnh những chính sách chung về việc chống sử dụng Doping, Vương quốc Anh cũng xây dựng kỹ lưỡng và chi tiết hơn một số các chính sách khác, phù hợp với sự phát triển của từng đối tượng, từng Liên đoàn và Hiệp hội thể thao khác nhau. Dưới đây là nội dung tóm tắt về Chính sách phát triển, nghiên cứu và giáo dục chống sử dụng Doping dành cho nhóm thanh thiếu niên, và Chính sách chống sử dụng Doping được Liên đoàn Điền kinh Vương quốc Anh áp dụng.

Chính sách phát triển, nghiên cứu và giáo dục chống sử dụng Doping dành cho nhóm thanh thiếu niên

Mục tiêu chính của Chính sách này là xây dựng các hoạt động phối hợp cùng các tổ chức chuyên môn như WADA, UKAD (Tổ chức chống Doping Vương quốc Anh) để giúp các đối tượng thanh thiếu niên có những cái nhìn sâu sắc và đúng đắn hơn về quy trình kiểm tra Doping, cũng như những kiến thức, hiểu biết về Doping khi ở lứa tuổi còn rất nhỏ.

Bên cạnh đấy, Chính sách cũng vạch ra trách nhiệm và nghĩa vụ của những tổ chức, cá nhân liên quan trong việc ngăn chặn mọi hành động có liên quan đến lạm dụng sử dụng Doping cho đối tượng thanh thiếu niên, tăng cường kiến thức để bảo vệ nhóm đối tượng này, tránh gặp phải những tình huống đáng tiếc hoặc nghiêm trọng.

Chính sách chống Doping của Liên đoàn Điền kinh Vương quốc Anh

Liên đoàn Điền kinh Vương quốc Anh nhận ra được tầm quan trọng của việc thực hiện và phát triển các chương trình giáo dục chống Doping ở rất nhiều khía cạnh, như ở khía cạnh

CHÍNH SÁCH CHỐNG DOPING CỦA CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

về y-sinh học, về luật pháp, về giáo dục cũng như ở khía cạnh hỗ trợ đội ngũ VĐV hiệu quả hơn.

Mục tiêu chính của Chính sách là thu hút được nhóm chuyên gia có kinh nghiệm lâu năm trong việc tuyên truyền, giáo dục các kiến thức về Doping và phòng chống Doping, kết hợp với việc xây dựng các diễn đàn, các buổi thảo luận (trong các buổi thảo luận, các buổi giáo dục này, VĐV và các vấn đề có liên quan sẽ được coi là trọng tâm) để từ đây các ý kiến được trao đổi, bày tỏ thẳng thắn, mang tinh thần đóng góp, những vướng mắc được tháo gỡ, các câu hỏi được trình bày rõ ràng.

Ngoài ra Liên đoàn còn cho thành lập Ban quản lý và hỗ trợ chính sách (PST), với đội ngũ tư vấn là các chuyên gia đầu ngành trong nhiều lĩnh vực như y tế, giáo dục, các VĐV đã từng tham gia thi đấu Olympic, các đại diện đến từ nhiều tổ chức khác nhau trong hệ thống UKAD, cùng nhau hợp tác trong việc tuyên truyền và giáo dục việc chống sử dụng Doping một cách có hiệu quả và mang tính thiết thực nhất.

Phuong Ngọc (tổng hợp)

HOA KỲ VỚI KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG DOPING 2012

* * *

Với những thành công đã đạt được trong 8 năm (2000 – 2008), Hoa Kỳ đã đầu tư khoảng 10 triệu đô-la cho việc nghiên cứu trong công tác chống Doping và tiến hành xét nghiệm 55.000 mẫu thử bao gồm xét nghiệm EPO và HGH, Hoa Kỳ đã xây dựng chương trình chống doping trong 4 năm tiếp theo từ 2009 – 2012. Theo đó, chương trình chống doping này sẽ tập trung vào các mục tiêu sau:

Mục tiêu thứ nhất: Tăng cường hợp tác quốc tế để tăng cường hơn nữa công tác bảo vệ các VĐV cũng như những nỗ lực trong công tác phòng chống doping; Tăng cường các chính sách có hiệu quả trong công tác phòng chống doping; Tăng cường mối quan hệ hợp

CHÍNH SÁCH CHỐNG DOPING CỦA CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

tác với các tổ chức khác trong nỗ lực chống doping; Cung cấp nhiều sản phẩm và dịch vụ cho các tổ chức chống doping của Hoa Kỳ;

Mục tiêu thứ 2: Tăng cường công tác nghiên cứu phòng, chống doping; hỗ trợ nhiều nguồn kinh phí cho công tác nghiên cứu; nâng cao trình độ chuyên môn của Tổ chức chống doping Hoa Kỳ (United States Anti-Doping Authority - USADA) trong việc phân tích và thực hành;

Mục tiêu thứ 3: Xây dựng đội ngũ nhân viên của USADA một cách chuyên nghiệp phục vụ tốt nhất cho các VĐV; Nâng cao hiệu quả của các phương pháp và quy trình xét nghiệm đạt chuẩn quốc tế; Phát triển quy trình quản lý có hiệu quả trong việc điều trị miễn giảm (TUEs);

Mục tiêu 4: Cung cấp hệ thống giáo dục đến các VĐV, HLV và lực lượng VĐV kế cận; Phát triển hệ thống mạng lưới các VĐV chuyên nghiệp cũng như các chuyên gia (HLV, bác sỹ, nhà khoa học, ...); Tạo nền tảng cơ bản để phát triển các chương trình giáo dục cho giới trẻ.

HOA KỲ VỚI KẾ HOẠCH CHỐNG DOPING 2012

* * *

Hoa Kỳ đã đăng tải các số liệu thống kê kết quả kiểm tra doping trong quý đầu tiên năm 2011 trên trang web của mình. Tổng cộng có 1.519 mẫu thử doping đã được thực hiện trong Quý I/2011. Trong số những mẫu thử này có 550 mẫu thử được thực hiện trong khi các VĐV đang tham gia thi đấu và 969 mẫu thử được thực hiện khi các VĐV không tham gia thi đấu (Out of competition - OOC). Các mẫu thử OOC được tiến hành kiểm tra tại nhà ở của VĐV, các trung tâm huấn luyện hoặc ở một số địa điểm khác. Việc thực hiện kiểm tra này không được thông báo trước cho các VĐV, tuy nhiên, một số mẫu thử OOC được thực hiện trong quá trình tập huấn của các VĐV.

CHÍNH SÁCH CHỐNG DOPING CỦA CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

Để xem chi tiết kết quả kiểm tra doping cho từng VĐV và từng bộ môn, truy cập trang web <http://www.usada.org/stats/>

Số lượng các mẫu thử Hoa Kỳ tiến hành trong từng năm:

2011

	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng số
Đang thi đấu	550				550
Không thi đấu	969				969
Tổng số	1519				1519

2010

	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng số
Đang thi đấu	436	1,023	799	432	2690
Không thi đấu	1434	1539	1135	1233	5341
Tổng số	1870	2562	1934	1665	8031

2009

	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng số
Đang thi đấu	506	1113	776	440	2835
Không thi đấu	1381	1468	1311	1585	5745
Tổng số	1887	2581	2087	2025	8580

2008

	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng số
Đang thi đấu	753	1207	562	431	2953
Không thi đấu	1368	1521	1352	1339	5580
Tổng số	2121	2728	1914	1770	8533

CHÍNH SÁCH CHỐNG DOPING CỦA CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

2007

	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng số
Đang thi đấu	747	1,420	676	507	3,350
Không thi đấu	1,282	1,676	1,270	770	4,998
Tổng số	2,029	3,096	1,946	1,277	8,348

2006

	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng số
Đang thi đấu	875	1053	977	507	3412
Không thi đấu	1399	1207	1186	1215	5007
Tổng số	2274	2260	2163	1722	8419

2005

	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng số
Đang thi đấu	646	357	603	551	3157
Không thi đấu	1142	1379	1298	1161	4980
Tổng số	1788	2736	1901	1712	8137

2004

	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng số
Đang thi đấu	825	1284	768	398	3275
Không thi đấu	1024	1675	954	746	4399
Tổng số	1849	2959	1722	1144	7674

2003

	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng số
Đang thi đấu	732	1777	810	477	3796
Không thi đấu	1289	590	549	898	3326

CHÍNH SÁCH CHỐNG DOPING CỦA CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

Tổng số	2021	2367	1359	1375	7122
----------------	------	------	------	------	------

2002

	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng số
Đang thi đấu	676	1285	938	419	3318
Không thi đấu	631	574	573	568	2346
Tổng số	1307	1859	1511	987	5664

2001

	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng số
Đang thi đấu	921	1307	470	618	3316
Không thi đấu	156	295	428	543	1422
Tổng số	1077	1602	898	1161	4738

2000

	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng số
Đang thi đấu	0	0	0	261	261
Không thi đấu	0	0	0	164	164
Tổng số	0	0	0	425	425

Vân Anh biên dịch

CHÍNH SÁCH CHỐNG DOPING CỦA CANADA TRONG NĂM 2011

* * *

Với mong muốn xây dựng nền thể thao không có Doping, Canada đã xây dựng chính sách chống Doping trong thể thao năm 2011 (CPADS 2011). Chính sách này sẽ đề cập tới những vấn đề để bảo vệ tính toàn vẹn và giá trị của thể thao, bảo vệ sức khỏe của các cá nhân từ việc không sử dụng chất kích thích.

Với sự giúp sức của các cơ quan chính phủ từ trung ương đến địa phương cùng với các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia, chính sách chống Doping sẽ được đưa vào áp dụng tại tất cả các chương trình, hoạt động thể thao cấp trung ương cũng như địa phương. Các chuyên gia trong lĩnh vực thể thao cho rằng, với sự hợp tác chặt chẽ của các cơ quan chính phủ, tổ chức phi chính phủ, các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia, chắc chắn chính sách chống Doping của Canada trong năm 2011 sẽ mang lại những kết quả cao trong nỗ lực chống Doping. Theo chính sách này, nhiệm vụ của các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia từ trung ương đến địa phương phải đảm bảo các nhiệm vụ sau đây:

Các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia:

- Tham gia phối hợp với các tổ chức chống Doping quốc tế;
- Phối hợp với chính quyền cấp tỉnh và địa phương trong chương trình chống Doping;
- Điều hành và phối hợp với các bộ phận khác của Liên đoàn để giải quyết các vấn đề liên quan đến phòng chống Doping;
- Điều hành và quản lý sử dụng các biện pháp tài chính để xây dựng một nền thể thao không chất kích thích;
- Hợp tác với các tổ chức thể thao để thúc đẩy hơn nữa việc phòng, chống Doping trong thể thao.

Các cơ quan cấp tỉnh/ địa phương:

- Điều hành và quản lý sử dụng các biện pháp tài trợ đặc biệt trong vấn đề giáo dục chống Doping;

CHÍNH SÁCH CHỐNG DOPING CỦA CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

- Phối hợp với các Liên đoàn và các chi nhánh thể thao ở cấp tỉnh/ địa phương trong nỗ lực chống Doping;
- Điều hành và phối hợp với các bộ phận khác ở các cơ quan cấp tỉnh/địa phương để giải quyết các vấn đề liên quan đến chống Doping;
- Khuyến khích các cộng đồng thể thao để tham gia hợp tác trong việc thúc đẩy và làm việc hướng tới một nền thể thao không chất kích thích.

Đồng thời, để hướng tới một nền thể thao không chất kích thích, Chính phủ Canada cũng đặt ra các mục tiêu đối với hệ thống thể thao nước nhà:

- Các cá nhân, tổ chức phải hiểu rõ những quy định và phải có trách nhiệm trong công tác chống Doping;
- Các tổ chức thể thao phải xây dựng chính sách, điều luật cũng như những quy tắc trong công tác chống Doping;
- Tất cả các thành viên phải tích cực tham gia trong các chương trình phòng, chống Doping trong thể thao.

Để thực hiện các nhiệm vụ trên, Canada đã xây dựng 3 chiến lược quan trọng trong việc phòng, chống Doping:

- ***Chiến lược điều hành:*** nâng cao vai trò của công tác phòng chống Doping trong thể thao và tăng cường sự hợp tác, hỗ trợ của các cơ quan chính phủ trong chương trình chống Doping quốc gia;
- ***Xây dựng nhận thức:*** với các cá nhân và tổ chức, đưa vào các chương trình giáo dục cũng như quảng bá trong các chương trình chống Doping;
- ***Tăng cường tài trợ:*** Tăng cường các nguồn tài trợ trực tiếp và gián tiếp hỗ trợ cho các vấn đề về đạo đức, xây dựng nền thể thao không chất kích thích, tăng cường cam kết chống Doping trong tất cả các lĩnh vực trong thể thao của Canada.

Canada cũng sẽ thực hiện các đánh giá thường xuyên, tối thiểu là 5 năm, để đảm bảo chính sách này đang đi theo đúng tiêu chí đề ra của Chính phủ.

Vân Anh biên dịch

NGA TĂNG CƯỜNG BỔ SUNG CÁC ĐIỀU LUẬT CHỐNG DOPING

* * *

Mới đây, để tăng cường hơn nữa công tác phòng chống Doping trong năm 2011 và đặc biệt chuẩn bị cho Thế vận hội mùa đông 2014, Nga vừa đưa ra điều luật bổ sung mới. Theo đó, các VĐV Nga sẽ phải cung cấp các mẫu xét nghiệm Doping cũng như phải ký thoả thuận nghiêm chỉnh chấp hành các quy định chống Doping trước khi ký kết hợp đồng lao động.

Trong khi đó, người sử dụng lao động phải có nghĩa vụ thông báo cho các VĐV về các quy định chống Doping của Nga và quốc tế. Các VĐV sẽ phải đối mặt với việc bị sa thải nếu họ vi phạm các quy định trên. Ngoài ra, Nga hiện cũng đã đưa ra một loạt các dự án nhằm đẩy mạnh hơn nữa các chương trình chống Doping, bao gồm cả việc xây dựng các hệ thống kiểm soát Doping cấp quốc gia. Thủ tướng Nga Vladimir Putin cũng đã đưa ra những cảnh báo sẽ đưa ra những hình phạt nặng hơn cho các trường hợp dính Doping.

Tổng thống Nga Dmitry Medvedev: đẩy lùi Doping ra khỏi đất nước

Tổng thống Nga Dmitry Medvedev đưa ra lời kêu gọi hãy tăng cường hơn nữa công tác phòng chống Doping. Tổng thống nhấn mạnh: "Trước hết, chúng ta cần phải đánh giá lại tình hình sau đó đưa ra các biện pháp cần thiết để ngăn chặn triệt để nhưng bê bối dính líu đến Doping. Thậm chí chúng ta có thể đưa ra những điều luật mới nếu cần thiết." Ngay đầu năm nay, Liên đoàn trượt tuyết Nga cũng đã phải ra quyết định cấm thi đấu 2 năm đối với VĐV Alena Sidko, HCĐ TVH Olympic Mùa đông 2006, đồng thời loại VĐV này ra khỏi danh sách đội tuyển quốc gia sau khi cô có kết quả thử nghiệm dương tính tại giải thi trượt tuyết tổ chức ở Nga. Vừa mới đây, Chủ tịch Ủy ban Olympic quốc tế Jacques Rogge cũng bày tỏ lo ngại với Tổng thống Medvedev về các vấn đề Doping ở Nga khi tổ chức Thế vận hội mùa đông 2014. Chủ tịch hy vọng Chính phủ Nga và Tổ chức chống Doping của Nga sẽ có những động thái tác động giải quyết các vấn đề Doping để hướng tới một TVH Olympic Mùa đông không có bất kỳ trường hợp nào có xét nghiệm dương tính với chất kích thích.

Vân Anh biên dịch

**CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ, NGHIÊN CỨU VÀ GIÁO DỤC TRONG
CÔNG TÁC CHỐNG SỬ DỤNG DOPING CỦA ÚC**

* * *

Chính sách Giáo dục về công tác chống sử dụng Doping của Úc được Cơ quan phụ trách công tác chống Doping của Úc (Australian Sports Anti-Doping Authority - ASADA) xây dựng, tập trung vào một số các đối tượng chính sau:

- Các cá nhân: như đội ngũ VĐV, HLV, chuyên viên y tế, gia đình, nhà trường, học sinh, sinh viên và cộng đồng.
- Các tổ chức quy mô nhỏ: các tổ chức thể thao, các CLB, hệ thống trường học, lớp, các đội tuyển...
- Các tổ chức có quy mô mang tính chuyên nghiệp: các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia, các trường Đại học, Học viện đào tạo chuyên sâu về thể thao và giáo dục thể chất, hệ thống giáo dục toàn bang và quốc gia...

Mục tiêu chính của Chương trình Giáo dục là tăng cường lượng kiến thức có hiệu quả tới các nhóm đối tượng để từ đây nâng cao nhận thức về công tác chống Doping cũng như hướng tới một nền thể thao Úc chuyên nghiệp trong sạch và công bằng.

Theo Chương trình, tất cả các cá nhân, tổ chức là những đối tượng có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến thể thao đều được có cơ hội tiếp cận với lượng thông tin và kiến thức do Chương trình cung cấp. Bên cạnh đó, phương thức giảng dạy và cách tiếp cận linh hoạt sẽ giúp truyền tải được hầu hết các nội dung, cũng như giải đáp được phần nào những nhu cầu.

Chương trình Giáo dục của Úc được xây dựng với các bước sau:

- **Phân tích:** trong bước này, các ý kiến, nhu cầu cần được bổ sung lượng thông tin về phòng chống Doping sẽ được thu thập, để từ đây Cơ quan phụ trách công tác chống sử dụng Doping của Úc (ASADA) sẽ xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp với nguồn tài chính, nhân lực và trình độ.

CHÍNH SÁCH CHỐNG DOPING CỦA CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

- **Thiết kế chương trình và Phát triển:** Ngay khi nội dung chương trình được thiết kế, đồng thời mục tiêu khóa học, nội dung đào tạo đã hoàn thiện, ASADA sẽ chuẩn bị những trang thiết bị vật chất, tài liệu phù hợp.
- **Đưa chương trình vào thực tế:** Các phương thức giáo dục hiệu quả và đa dạng sẽ giúp truyền tải nhanh lượng kiến thức cần thiết.
- **Đánh giá và Báo cáo:** Chất lượng của Chương trình Giáo dục sẽ thu được tại bước này.

Nhã Nam (tổng hợp)

CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ, NGHIÊN CỨU VÀ GIÁO DỤC TRONG CÔNG TÁC CHỐNG DOPING CỦA SINGAPORE

* * *

Tổ chức chuyên trách các hoạt động chống Doping quốc gia (Anti-Doping Singapore - ADS) được chính phủ Singapore thành lập với mục tiêu chính là loại bỏ hoàn toàn việc sử dụng Doping trong luyện tập và thi đấu thể thao tại quốc đảo này. Dựa trên nội dung trong Bộ luật chống Doping Thế giới, chính sách quản lý, nghiên cứu và giáo dục trong công tác chống Doping của Singapore đã được ban hành, với mục đích chính là “đảm bảo cho một nền thể thao Singapore trong sạch, không Doping”.

Để nền thể thao phát triển, đồng thời để xây dựng được hình ảnh một quốc gia có vị trí cao trong làng thể thao thế giới, việc khuyến khích và thúc đẩy các hoạt động thể thao trong xã hội là một việc không thể thiếu. Bên cạnh sự đầu tư vào các Liên đoàn, Hiệp hội quốc gia, Chính phủ Singapore cũng giành một phần sự quan tâm tới việc chống gian lận trong thể thao, đặc biệt là chống sử dụng Doping trong luyện tập và thi đấu. Doping được xem như là một hình thức gian lận đi ngược lại các giá trị cao đẹp của thể thao truyền

CHÍNH SÁCH CHỐNG DOPING CỦA CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

thống, cũng như tinh thần của thể thao Olympic, gây ra những ảnh hưởng xấu tới quy trình phát triển của nền thể thao quốc gia.

Mục tiêu của Chính sách quản lý, giáo dục chống Doping của Singapore được tập trung nhấn mạnh vào một vài điểm sau:

- Làm việc dựa trên nội dung, điều khoản, quy định và danh sách các chất cấm được nêu trong Bộ luật chống Doping Thế giới;
- Đảm bảo cho một nền thể thao trong sạch, không Doping;
- Thực hiện các hoạt động, tuyên truyền ngăn chặn việc sử dụng Doping, đưa ra được các ảnh hưởng xấu của Doping, xây dựng các chương trình giáo dục dành cho đội ngũ nhân lực trực tiếp và gián tiếp làm việc trong ngành thể thao, nghiên cứu ra các phương pháp mới trong việc chống sử dụng Doping...;
- Đưa ra trách nhiệm và quyền lợi rõ ràng của các bên liên quan, cũng như các hình thức xử phạt nếu vi phạm;
- Đảm bảo cho Chính sách chống Doping được tuân thủ và thực hiện trên toàn đất nước.

Chương trình giáo dục chống Doping được thực hiện dựa trên nguyên tắc tất cả các chương trình đào tạo, nội dung thông tin đều hướng về một tiêu chung là “Không Doping trong thể thao”, xây dựng một môi trường thể thao trong sạch, khuyến khích những hoạt động mang tính chất tích cực của các bên tham gia. Nhóm đối tượng được Chương trình giáo dục hướng đến là đội ngũ VĐV, đội ngũ quản lý, giám sát các công tác chuẩn bị trong thể thao, cho họ hiểu những bất cập cũng như các tác động xấu khi có những hành động liên quan đến Doping.

ADS sẽ kết hợp cùng với các Liên đoàn, Hiệp hội Thể thao quốc gia Singapore (NSAs) sẽ lên kế hoạch xây dựng, phát triển các chương trình đào tạo, cũng như quản lý nội dung thông tin được đưa ra tại các Chương trình, đảm bảo cung cấp đầy đủ những vấn đề chính như: Danh mục các chất và phương pháp cấm sử dụng trong luyện tập và thi đấu thể thao; Tác động của Doping tới sức khỏe; Quy trình lấy và kiểm tra mẫu thử Doping; Quyền lợi và trách nhiệm của VĐV.

CHÍNH SÁCH CHỐNG DOPING CỦA CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

Trong Chính sách quản lý, nghiên cứu và giáo dục chống Doping của Singapore phải cần có sự tham gia của đội ngũ các VĐV. Để tham gia vào công tác này, các VĐV phải có những yếu tố sau:

- Nắm rõ những kiến thức căn bản về luật, chính sách Doping do các tổ chức chuyên môn cung cấp;
- Luôn có thái độ hợp tác khi được yêu cầu lấy mẫu thử;
- Có trách nhiệm và luôn cân nhắc trước mọi hành động của cá nhân trong việc tìm hiểu và phòng chống Doping;
- Không sử dụng Doping;
- Phối hợp với ADS và các cơ quan, tổ chức trong việc bổ sung kiến thức về chống Doping, tham gia các chương trình giáo dục, đào tạo quốc gia, quốc tế;
- Ủng hộ tích cực các giá trị truyền thống của thể thao, thúc đẩy sự phát triển của “thể thao trong sạch”, “thể thao không Doping”.

Nghĩa vụ và trách nhiệm của đội ngũ các nhà quản lý, các tổ chức hỗ trợ cho hoạt động thể thao của quốc gia:

- Nắm rõ những quy định, điều luật, điều khoản, danh mục các chất và phương pháp cấm... được liệt kê trong Bộ luật chống Doping Thế giới, để áp dụng phù hợp cho công tác tổ chức, giám sát và hỗ trợ quá trình luyện tập;
- Phối hợp với ADS, NSAs trong việc hoàn thiện các chương trình giáo dục, các chương trình đào tạo với nội dung chống sử dụng Doping trên quy mô trong nước và quốc tế;
- Tạo những ảnh hưởng tích cực tới quy trình xây dựng và phát triển nền thể thao trong sạch, nền thể thao đảm bảo các giá trị truyền thống.

Tuệ Minh (tổng hợp)

CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ, NGHIÊN CỨU VÀ GIÁO DỤC TRONG CÔNG TÁC CHỐNG DOPING CỦA INDONESIA

* * *

Cơ quan chống Doping của Indonesia (LADI) là một tổ chức chính phủ được thành lập năm 2004, chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng chiến lược phát triển thể thao trong sạch, công bằng, không sử dụng Doping. Theo điều khoản số 3/2005 được ghi trong Bộ luật Thể thao của Indonesia, Doping bị cấm xuất hiện trong mọi hoạt động của thể thao, cũng như các chương trình kiểm tra, giám sát việc chống sử dụng Doping đều do chính phủ và nhà nước chỉ đạo.

Các hoạt động của LADI gồm:

- Hệ thống hóa các chương trình chính sách và hiện thực hóa chương trình giáo dục chống sử dụng Doping tại các sự kiện thể thao ở Indonesia;
- Tăng cường sự phát triển của Bộ luật chống Doping Thế giới tại quốc gia này, đồng thời kết hợp với những điều khoản tương tự được liệt kê trong Bộ luật Thể thao Indonesia về chống Doping;
- Tăng cường các tiết học, chương trình hội thảo về doping tới đội ngũ VĐV và các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Đào tạo, cấp chứng chỉ với các cá nhân, tổ chức đạt chuẩn sau khi tham gia chương trình;
- Theo dõi sát sao, cập nhật liên tục mọi hoạt động và các sự kiện thể thao cũng như các sự kiện về doping trên thế giới;
- Tiến hành kiểm tra mẫu thử Doping của các VĐV ngoài lúc thi đấu;
- Theo dõi quá trình kiểm tra Doping và tổng hợp kết quả xét nghiệm trong lúc thi đấu;
- Khuyến khích các hoạt động nằm trong chương trình phòng chống Doping thế giới.

So với sự phát triển của các quốc gia khác về công tác chống Doping, Indonesia vẫn là một nước còn nhiều khó khăn, nhất là trong vấn đề cập nhật cơ sở dữ liệu, nguồn thông tin về các chất và phương pháp bị cấm sử dụng trong luyện tập và thi đấu cho đội ngũ VĐV từ nghiệp dư cho đến chuyên nghiệp. Do đó, sẽ dẫn đến một vấn đề nhức nhối là

CHÍNH SÁCH CHỐNG DOPING CỦA CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

các VĐV thường không có thói quen nhận thức về các chất và phương pháp bị cấm hay không bị cấm, không nắm rõ danh mục các chất được sử dụng, cũng như có thói quen sử dụng không điều độ các chất kích thích (như rượu, cà-phê...). Chương trình Giáo dục Doping được chính phủ Indonesia xây dựng và thực hiện với mục tiêu giải quyết các vấn đề nêu trên, đồng thời hướng đến một nền thể thao trong sạch, công bằng.

Chương trình Giáo dục được đưa ra với các bước sau:

- Lên kế hoạch: các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn, nhóm đối tượng tập trung, nhóm môn thể thao tập trung, nguồn thông tin cung cấp...
- Thực hiện và phát triển
- Đánh giá sơ bộ và rút kinh nghiệm

**** Lên kế hoạch***

Chương trình Giáo dục được xây dựng tập trung vào các nhóm đối tượng thường xuyên có tác động qua lại với thể thao như: đội ngũ VĐV, đội ngũ HLV, đội ngũ chuyên viên, y tế, chăm sóc, các tổ chức thể thao, hệ thống giáo dục, gia đình và cộng đồng. Các môn thể thao được chú trọng bao gồm các môn thể thao thành tích cao, các môn thể thao mang tính chất giải trí, thư giãn và giáo dục thể chất.

Xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trong đó gồm các vấn đề cần thực hiện như:

- Thiết kế website để tiện lợi cho những người có nhu cầu dễ dàng hơn trong việc tra cứu và tìm hiểu thông tin;
- Đào tạo các khóa ngắn hạn về quy trình lấy mẫu thử và kiểm tra Doping theo tiêu chuẩn quốc tế;
- Xây dựng các chương trình về Doping và chống Doping giảng dạy trong hệ thống trường học;
- Thu thập nguồn thông tin, dữ liệu về Doping và chống Doping từ nhiều nguồn tin cậy trên thế giới.

Kế hoạch dài hạn được thực hiện với nhiệm vụ chính là hoàn thiện các mục tiêu sau:

CHÍNH SÁCH CHỐNG DOPING CỦA CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

- Nâng cao kiến thức, tạo dựng thái độ đúng đắn, tăng cường sự hiểu biết của các cá nhân, tổ chức về vấn đề Doping;
- Xây dựng một nền thể thao không Doping;
- Nâng cao sức khỏe của VĐV.

*** Để hiện thực hóa các kế hoạch trên, hàng năm LADI có thực hiện các hoạt động cụ thể như:**

- Tạo cơ hội để thông tin luôn được đến với người có nhu cầu: xuất bản sách, tạp chí, tờ rơi, tổ chức hội thảo;
- Đào tạo được đội ngũ nhân lực có kinh nghiệm và trình độ;
- Cập nhật thông tin và phân bố thông tin một cách hiệu quả.

*** Đánh giá các hành động làm được:** dựa trên kết quả thu được sau từng khoảng thời gian xác định với mục tiêu ban đầu đặt ra, đồng thời có sự điều chỉnh cho phù hợp với từng tiêu chuẩn.

Nhã Nam (tổng hợp)

CHÍNH SÁCH CÔNG TÁC CHỐNG SỬ DỤNG DOPING TRONG THỂ THAO CỦA BARBADOS

*** * ***

Mục tiêu chính của Chính sách chống sử dụng Doping trong thể thao của Barbados là xây dựng hoàn chỉnh, hiệu quả chương trình giáo dục tới đội ngũ các VĐV và những tổ chức, cá nhân thường tham gia trực tiếp tới hoạt động thể thao về những tác hại của Doping, danh mục các chất và phương pháp cấm sử dụng trong luyện tập và thi đấu thể thao, ngăn chặn những nhóm đối tượng trên tiếp xúc với Doping, cũng như hướng họ tới một nền thể thao trong sạch, công bằng.

CHÍNH SÁCH CHỐNG DOPING CỦA CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

Bên cạnh đó, Chính sách chống sử dụng Doping trong thể thao của Barbados cũng nhắc đến các hình thức xử phạt dành cho VĐV, HLV và các bên liên quan khi họ vi phạm những lỗi có liên quan đến sử dụng Doping.

Đối với đội ngũ VĐV:

- Vi phạm lần đầu: 4 năm không được tham gia thi đấu thể thao và không được hưởng các chế độ đãi ngộ trong khoảng thời gian bị chịu kỷ luật;
- Vi phạm lần tiếp theo: không được phép tham gia thi đấu thể thao cũng như không được hưởng các chế độ đãi ngộ.

Đối với các cá nhân khác:

- Vi phạm lần đầu: 4 năm không được tham gia các hoạt động trong lĩnh vực thể thao và không được hưởng các chế độ đãi ngộ trong khoảng thời gian bị chịu kỷ luật;
- Vi phạm lần tiếp theo: không được phép tham gia các hoạt động trong lĩnh vực thể thao cũng như không được hưởng các chế độ đãi ngộ.

Đối với các tổ chức chính phủ, các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao:

- Đối với các tổ chức chính phủ, các Liên đoàn, Hiệp hội Thể thao quốc gia, phát hiện có vi phạm sẽ bị rút tên ra khỏi danh sách các tổ chức chống Doping quốc gia (NADC), cho đến khi tổ chức này có những hoạt động, chương trình mang tính xây dựng, đóng góp cho chương trình chống Doping.
- Các tổ chức vi phạm sẽ bị yêu cầu đóng một khoản phí bồi thường do NADC quy định.

Phuong Ngọc (tổng hợp)

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA CÔNG TÁC CHỐNG DOPING CỦA LIÊN ĐOÀN ĐIỀN KINH QUỐC TẾ (IAAF)

* * *

Quy định 34: Danh mục các chất/ phương pháp bị cấm sử dụng trong luyện tập và thi đấu

Điều 1. Sử dụng các tài liệu về Luật chống Doping cùng Danh mục các chất và phương pháp cấm do Tổ chức chống Doping Thế giới (WADA) cung cấp.

Điều 2. Danh mục các chất và phương pháp cấm sử dụng sẽ được IAAF công bố chính thức trên trang web của Liên đoàn (www.iaaf.org). IAAF sẽ phát Danh mục các chất và phương pháp cấm sử dụng này cho mỗi Liên đoàn thành viên. Và các Liên đoàn thành viên phải đảm bảo được là các cá nhân cũng như các đơn vị thành viên nhận được Danh mục.

Điều 3. Nếu không được cung cấp thêm một Danh mục cấm hay một bản chỉnh lý khác, Danh mục đó và những bản chỉnh lý đã có sẽ được áp dụng cùng với Luật chống Doping 3 tháng sau khi được xuất bản bởi Ủy ban chống Doping Quốc tế mà không cần có thêm bất cứ động thái nào từ phía IAAF.

Điều 4. Trong Danh mục các chất và phương pháp cấm sử dụng đã liệt kê tất cả các chất cũng như phương thức VĐV không được phép sử dụng trong lúc luyện tập, trong khi thi đấu và sau khi trận đấu kết thúc vì những tác động của các chất này lên kết quả của trận đấu.

Điều 5. Ngoại trừ những chất thuộc nhóm có chứa tác nhân gây đồng hóa hay kích thích, những chất kích thích hooc-môn và chất điều chuyển đã được liệt kê trong Danh sách các chất/ phương thức bị cấm sử dụng, thì tất cả các chất bị cấm khác đều thuộc nhóm “Chất đặc biệt” vì mục đích áp dụng dành cho Quy định 40 (Hình thức xử phạt dành cho các cá nhân vi phạm). Những phương pháp cấm sẽ không được liệt kê là những “Chất đặc biệt”.

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

Điều 6. Trong sự kiện WADA mở rộng Danh mục các chất và phương pháp cấm sử dụng bằng cách thêm vào một dòng những chất bị cấm mới, Ban chấp hành WADA sẽ quyết định xem liệu có chất nào hay tất cả các chất bị cấm thuộc dòng mới được liệt kê vào danh mục “Chất đặc biệt” theo Điều 5. ở trên.

Điều 7. Quyết định của WADA về những chất bị cấm và những phương pháp cấm được ghi trong Danh sách, và sự phân loại các chất theo các nhóm trong Danh sách là cuối cùng và không thể bị nghi ngờ hay thắc mắc bởi một VĐV hay bất cứ người nào khác dựa trên một tranh cãi rằng một chất hay một phương pháp không phải là tác nhân biến đổi hay không phải là nguyên nhân chính giúp tăng thành tích thi đấu, gây ra những tổn hại về sức khỏe hoặc vi phạm tinh thần thể thao.

Điều 8. WADA đã áp dụng một quy trình tiêu chuẩn quốc tế trong việc cấp Giấy phép Sử dụng điều trị miễn giảm (TUE).

Điều 9. Những VĐV được chứng nhận cần được chăm sóc y tế đặc biệt và cần phải sử dụng những chất/ phương pháp bị cấm, sẽ phải xin Giấy phép Sử dụng điều trị miễn giảm (TUE) trước và trong quá trình giải đấu diễn ra. Giấy phép TUEs chỉ cấp cho những VĐV đưa ra được bằng chứng rõ ràng, giấy chứng nhận y tế cụ thể, cũng như giấy công nhận tác động của việc sử dụng thuốc/ phương pháp đầy không làm ảnh hưởng đến kết quả, thành tích của trận đấu.

a. VĐV tiêu chuẩn quốc tế phải đăng ký TUEs do IAAF cấp trước khi giải đấu quốc tế chính thức diễn ra (mặc dù VĐV này đã có TUEs do Liên đoàn quốc gia cấp).

b. Các VĐV cấp quốc gia có thể đăng ký TUEs do Liên đoàn quốc gia, các tổ chức thể thao được Liên đoàn quốc gia ủy quyền cấp Giấy phép TUEs.

c. WADA có quyền kiểm tra và xác thực lại tính chính xác của việc cấp Giấy phép TUEs cho các VĐV (quốc gia và quốc tế). Trong trường hợp một số VĐV không xin được TUEs, WADA có thể cân nhắc lại trường hợp này, và thay đổi lại quyết định.

d. Trong quá trình kiểm tra, có sự xuất hiện của một chất bị cấm hay những chất chuyển hóa hay các dấu hiệu của nó, việc dùng hoặc cố tình dùng một chất hoặc một phương pháp bị cấm việc sở hữu những chất hay những phương pháp bị hay việc quản lý một

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

chất hoặc một phương pháp bị cấm phù hợp với những điều khoản của một Biệt lệ Sử dụng điều trị có tính áp dụng và được cho là tuân theo Tiêu chuẩn quốc tế về Những trường hợp đặc cách được phép sử dụng trong điều trị, thì sẽ không bị coi là vi phạm Luật chống Doping.

Quy Định 40: Các hình thức xử phạt cá nhân

Điều 1. Không công nhận kết quả thi đấu nếu xảy ra sự vi phạm các điều luật chống sử dụng Doping

Một hành vi vi phạm điều luật chống Doping xảy ra trong quá trình thi đấu hoặc có liên quan đến một cuộc thi, dựa theo quyết định của BTC cuộc thi, có thể dẫn đến việc không công nhận kết quả thi đấu cá nhân của VĐV đó dành được trong cuộc thi cùng với tất cả những hình phạt đi kèm bao gồm cả tước huy chương, điểm thưởng và giải thưởng.

Nếu VĐV chứng minh được không có lỗi hoặc vi phạm do sơ suất, kết quả thi đấu cá nhân của VĐV đó trong các sự kiện khác sẽ được công nhận nếu kết quả thi đấu trong các sự kiện khác (không phải là sự kiện có xảy ra vi phạm luật chống Doping) dường như không chịu ảnh hưởng bởi hành vi vi phạm Doping của VĐV đó.

Điều 2. Không đủ tư cách hoặc bị tước quyền thi đấu do có dấu hiệu, hoặc sử dụng/ cố gắng sử dụng, hoặc sở hữu các chất/ phương thức bị cấm

Trong trường hợp có dấu hiệu, hoặc sử dụng/ cố gắng sử dụng, hoặc sở hữu các chất/ phương thức bị cấm được liệt kê trong Danh mục các chất và phương pháp cấm của WADA thì hình thức xử phạt cho lần vi phạm đầu tiên là bị tước quyền thi đấu trong 2 năm .

Điều 3. Không đủ tư cách hoặc bị tước quyền thi đấu do các vi phạm Quy tắc chống Doping khác

Hình thức xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy tắc chống Doping khác so với các ý được nêu trong Quy định 40 – Điều 2 sẽ như sau:

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

- Đối với các vi phạm có liên quan đến hành vi từ chối hoặc chậm nộp mẫu thử, hoặc làm giả mạo mẫu thử: tước quyền tham gia thi đấu 2 năm;
- Đối với các vi phạm có liên quan đến hành vi buôn bán/ cố tình buôn bán, hoặc tàng trữ/ cố tình tàng trữ chất/ phương thức cấm sử dụng: tước quyền tham gia thi đấu 4 năm. Trong trường hợp vi phạm này xảy ra đối với VĐV dưới tuổi vị thành niên, và nguyên nhân được tạo ra bởi trợ lý/ người quản lý của VĐV này, thì người trợ lý sẽ phải chịu mức phạt đến hết cuộc đời.
- Đối với vi phạm có liên quan đến hành vi bỏ kiểm tra hoặc không thu xếp được thời gian thực hiện bài kiểm tra: tước quyền tham gia thi đấu tối thiểu là 1 năm và tối đa là 2 năm (tùy theo mức độ vi phạm của VĐV).

Điều 4: Xóa bỏ hoặc Giảm Thời gian phạt của VĐV trong việc sử dụng những Chất xác định trong những tình huống đặc biệt

Trong trường hợp VĐV hoặc một cá nhân khác có thể chứng minh được lý do vì sao mà một chất đặc biệt nào đó được đưa vào cơ thể mình hoặc làm thế nào mà VĐV này lại sở hữu chất đặc biệt đó, hoặc chất đặc biệt đó không được dùng nhằm mục đích nâng cao thành tích thi đấu của VĐV, thời gian chịu phạt cấm thi đấu theo sẽ được thay thế như sau:

Lần vi phạm đầu tiên: Ở mức độ nhẹ nhất, VĐV sẽ bị khiển trách và không bị cấm thi đấu tại các cuộc thi trong thời gian sau đó và ở mức tối đa sẽ là 2 năm cấm thi đấu.

Để có thể xin loại trừ hoặc miễn giảm thời gian bị phạt tước quyền thi đấu, VĐV hoặc một cá nhân khác phải có bằng chứng chứng minh, thêm vào đó là trình bày với Ban điều trần nhằm đạt được sự nhất trí của Ban điều trần về việc VĐV đó không có ý định nâng cao thành tích thi đấu thể thao hoặc chỉ giả vờ sử dụng chất đặc biệt giúp nâng cao thành tích thi đấu. Mức độ vi phạm của VĐV hoặc của một người khác sẽ là tiêu chí để Ban điều trần có thể dựa vào đây để xem xét, chứ không có tính quyết định trong việc giảm thời gian tước quyền thi đấu.

Điều 5. Xóa bỏ hoặc Giảm Thời gian phạt của VĐV căn cứ vào những tình huống không mong muốn.

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

a. *Không có lỗi hoặc do sơ suất*: Nếu một VĐV chứng minh được họ không phạm lỗi hoặc vi phạm do sơ suất, án phạt cấm thi đấu sẽ được gỡ bỏ. Khi một Chất bị cấm hoặc Chất chuyển hóa hoặc dấu hiệu của chất đậy bị phát hiện trong mẫu máu, VĐV này cũng phải chứng minh được làm thế nào mà chất đó có trong máu của họ, có như thế mới không bị phạt cấm thi đấu.

b. *Không có lỗi đáng kể hoặc do sơ suất*: Nếu một VĐV hoặc một cá nhân khác chứng minh được họ không mắc lỗi đáng kể hoặc chỉ do sơ suất, sau đó án phạt cấm thi đấu có thể giảm xuống, nhưng thời gian bị phạt sau khi được giảm xuống không thể ít hơn một nửa thời gian của án phạt đang được thi hành. Nếu án phạt đang được áp dụng là bị cấm thi đấu đến hết đời, án phạt sau khi được giảm xuống không thể ít hơn 8 năm. Khi một Chất bị cấm hoặc dấu hiệu hoặc chất chuyển hóa của chất đậy được phát hiện trong mẫu thử, VĐV cũng phải chứng minh được làm thế nào mà chất đó lại có trong máu của mình để thời gian bị cấm thi đấu có thể được giảm xuống.

c. *Đóng góp quan trọng trong việc phát hiện và chứng minh các hành vi vi phạm Luật chống Doping*: Trước khi đưa ra quyết định cuối cùng hoặc trước khi hết thời gian kháng cáo, Ban điều hành của IAAF hoặc Ban điều trần có thể tạm hoãn một phần án phạt cấm thi đấu cho một cá nhân nếu VĐV này hay một người khác cung cấp cho hoặc IAAF, hoặc Liên đoàn quốc gia, hoặc một cơ quan hình sự, những thông tin có liên quan đến hành vi vi phạm Luật chống Doping của một người khác, hoặc dẫn đến việc một cơ quan hình sự hoặc một tổ chức thể thao chuyên nghiệp phát hiện ra những hành vi phạm tội hình sự hoặc vi phạm các quy tắc nghề nghiệp của người khác.

Sau khi đưa ra quyết định cuối cùng hoặc hết thời gian kháng cáo, IAAF chỉ có thể đình chỉ một phần án phạt cấm thi đấu đang được áp dụng với sự chấp thuận của WADA. Mức độ mà án phạt cấm thi đấu kia được áp dụng dựa trên mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm Luật chống Doping được gây ra bởi VĐV hoặc một người khác và sự tin cậy, mức độ ảnh hưởng của nguồn thông tin VĐV này cung cấp có thể giúp cải thiện hơn tình trạng sử dụng Doping trong thể thao. Hình thức xử phạt sẽ được giảm xuống không quá 3/4 thời gian bị cấm thi đấu đối với án phạt đang được tiến hành.

Nếu thời gian bị phạt cấm thi đấu đang được thi hành là đến hết đời thì thời gian không thể bị đình chỉ thực hiện án phạt sẽ không thể ít hơn 8 năm.

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

d. Thừa nhận vi phạm Luật chống Doping khi không thể đưa ra bằng chứng khác

Trong trường hợp một VĐV hoặc một người khác tự nguyện thừa nhận đã vi phạm một quy tắc chống Doping và trong trường hợp việc thừa nhận đó là bằng chứng duy nhất đáng tin cậy của việc vi phạm quy tắc chống Doping tại đúng thời điểm mà VĐV đó thừa nhận, thì thời gian phạt cấm thi đấu có thể sẽ được giảm – những không dưới một nửa án phạt đã được đưa ra.

e. Khi VĐV hay một cá nhân khác có thể chứng minh được quyền giảm nhẹ án phạt theo hơn một ý được liệt kê trong Điều này

Trước khi áp dụng bất kỳ án giảm hoặc đình chỉ nào theo các Quy định 40 – Điều 5b, Điều 5c, Điều 5d, thời gian bị cấm thi đấu sẽ được xác định theo các Quy định 40 – Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 6. Nếu VĐV nào hay cá nhân nào có thể chứng minh được quyền giảm hoặc hoãn thời gian bị cấm thi đấu theo 2 hay nhiều hơn các Quy định 40 – Điều 5b, Điều 5c, Điều 5d, thì sau đó thời gian bị cấm thi đấu cũng có thể được giảm xuống hoặc tạm hoãn, nhưng không dưới một phần tư thời gian thực hiện án phạt đang được thi hành.

Điều 6: Tình tiết tăng nặng có thể dẫn tới việc tăng thời gian phạt cấm thi đấu.

Nếu IAAF hoặc Liên đoàn thành viên chứng minh được rằng một cá nhân có hành vi vi phạm Luật chống Doping có xuất hiện những tình tiết nghiêm trọng hơn có thể áp dụng một án phạt cấm thi đấu nghiêm khắc hơn so với hình thức xử phạt tiêu chuẩn, do đó thời gian phạt cấm thi đấu có thể được áp dụng tăng lên tối đa là 4 năm, trừ trường hợp VĐV hoặc cá nhân đó có thể chứng minh một cách hợp lý trước Ban điều trần rằng họ không có ý vi phạm các quy tắc chống Doping.

VĐV hoặc cá nhân khác có thể tránh việc áp dụng Điều này bằng cách thừa nhận hành vi vi phạm quy tắc chống Doping như được khẳng định ngay sau khi được đối chiếu với hệ thống hành vi vi phạm quy tắc chống Doping được IAAF hoặc Liên đoàn thành viên đưa ra.

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

Điều 7: Vi phạm nhiều lần

a. Vi phạm lần 2

Chú giải:

- RS: Giám hình phạt đối với Chất xác định
- FFMT: Thất bại trong việc Nộp hồ sơ và/ hoặc bỏ lỡ buổi kiểm tra
- NSF: Giảm nhẹ hình phạt do không có lỗi đáng kể hoặc do sơ suất
- St: Hình phạt tiêu chuẩn theo
- AS: Tăng án phạt
- TRA: Buôn bán hoặc Cố tình buôn bán và Tàng trữ hoặc Cố tình Tàng trữ

Đối với VĐV hoặc cá nhân lần đầu tiên có hành vi vi phạm quy tắc chống Doping, thời gian nhận án phạt cấm thi đấu được trình bày trong các Quy định 40 – Điều 2, Điều 3, riêng với các trường hợp vi phạm Doping lần thứ 2, thời gian nhận án phạt cấm thi đấu được đưa ra theo bảng dưới đây:

Vi phạm lần 2 \ Vi phạm lần 1	RS	FFMT	NSF	ST	AS
RS	1-4 năm	2-4 năm	2-4 năm	4-6 năm	8-10 năm
FFMT	1-4 năm	4-8 năm	4-8 năm	6-8 năm	10 năm- cuối đời
NSF	1-4 năm	4-8 năm	4-8 năm	6-8 năm	10 năm- cuối đời
ST	2-4 năm	6-8 năm	6-8 năm	8 năm- cuối đời	Cả đời
AS	4-5 năm	10 năm- cuối đời	10 năm- cuối đời	Cả đời	Cả đời
TRA	8 năm- hết đời	Cả đời	Cả đời	Cả đời	Cả đời

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

b. Áp dụng các Quy định 40 – Điều 5c và Điều 5d cho lần vi phạm thứ hai.

Trong trường hợp VĐV hoặc một cá nhân khác vi phạm quy tắc chống Doping lần thứ hai chứng minh được quyền đình chỉ hoặc giảm nhẹ một phần thời gian bị cấm thi đấu theo Quy định 40 – Điều 5c và Điều 5d, Ban điều trần trước tiên sẽ phải xác định thời gian bị cấm thi đấu được áp dụng trong khoảng được đưa ra trong bảng trên, và sau đó áp dụng việc đình chỉ hoặc giảm thời gian bị cấm thi đấu kiện thích hợp. Thời gian còn lại của án phạt cấm thi đấu, sau khi áp dụng bất kỳ hình thức treo, hay giảm án theo Quy định 40 – Điều 5c và Điều 5d, phải là ít nhất một phần tư thời gian bị phạt cấm thi đấu đang được áp dụng.

c. Vi phạm với lỗi sử dụng Doping lần thứ ba.

Vi phạm quy tắc chống Doping thứ ba sẽ luôn dẫn đến hình phạt cấm thi đấu đến hết đời, ngoại trừ lần vi phạm thứ ba đáp ứng được các điều kiện để xóa bỏ hoặc giảm thời gian cấm thi đấu theo Quy định 40 – Điều 4 hoặc có liên quan đến một hành vi vi phạm do lỗi nộp hồ sơ thất bại và/ hoặc bỏ lỡ buổi kiểm tra Doping. Trong những trường hợp đặc biệt nay, thời gian bị cấm thi đấu sẽ trong khoảng từ 8 năm cho đến hết đời.

d. Vi phạm nhiều quy tắc chống Doping nhiều lần trong 8 năm

Căn cứ vào Điều 7, trong khoảng thời gian 8 năm VĐV hoặc cá nhân mới chỉ có một hành vi vi phạm quy tắc chống Doping, nếu không sẽ được coi là vi phạm nhiều lần.

Điều 8: Không công nhận kết quả thi đấu trong những sự kiện xảy ra sau khi thu thập mẫu máu hoặc sau khi vi phạm một quy định chống Doping

Ngoài việc tự động không công nhận kết quả thi đấu với những mẫu máu có kết luận dương tính, tất cả các kết quả thi đấu khác dành được tính từ ngày mẫu máu dương tính đó được thu thập (cho dù là trong khi thi đấu hoặc ngoài lúc thi đấu). Hoặc hành vi vi phạm quy tắc chống Doping khác đã xảy ra, thông qua việc bắt đầu bất kỳ án Đình chỉ tạm thời hoặc cấm thi đấu nào, trừ khi sự công bằng đòi hỏi nếu không bất kỳ huy chương, điểm thưởng và giải thưởng sẽ bị tước hết.

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

Điều 9: Phân bố lại Giải thưởng sau khi phát hiện ra có trường hợp dương tính với Doping

a. Trong trường hợp tiền thưởng chưa được trao cho VĐV có phép thử dương tính với Doping, thì khoản thưởng này sẽ được trao cho VĐV có thành tích đứng ngay sau VĐV vướng vào Doping kia ở cùng nội dung hoặc môn thi đấu. Trong trường hợp tiền thưởng đã được trao cho VĐV có phép thử dương tính với Doping, thì VĐV này cần phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền cho BTC. Sau đấy, số tiền sẽ được sử dụng theo nguyên tắc tương tự như trên;

b. Đối với các cá nhân đã lấy lại được quyền tham gia thi đấu sau khoảng thời gian bị cấm, VĐV này vẫn phải nộp hoàn trả tổng số tiền thưởng đã được nhận theo Điều 8.

Quy định 41: Hình phạt cho đội có kết quả dương tính với Doping

Điều 1: Trong trường hợp 1 VĐV có xét nghiệm dương tính với Doping, và VĐV này là 1 thành viên của đội tuyển Điền kinh nội dung tiếp sức, thì đội đó sẽ không đủ điều kiện tham gia thi đấu hoặc không được công nhận kết quả thi đấu.

Điều 2: Trong trường hợp 1 VĐV có xét nghiệm dương tính với Doping, và kết quả của VĐV này được xét vào điểm tổng thành tích của cả đội, thì đội này sẽ không bị tước quyền tham gia thi đấu, tuy nhiên thành tích của VĐV có kết quả dương tính sẽ không được tính vào thành tích của toàn đội nữa.

Tuệ Minh tổng hợp

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA CÔNG TÁC CHỐNG DOPING CỦA LIÊN ĐOÀN BƠI QUỐC TẾ (FINA)

* * *

Quy định 4: Danh mục cấm.

4.1. Luật chống Doping kết hợp chặt chẽ với Danh mục cấm. Danh mục này đã được xuất bản và chỉnh lý bởi Ủy ban chống Doping Quốc tế như đã nói trong Điều 4.1 của Bộ luật. Liên đoàn thể thao dưới nước FINA sẽ phát Danh mục cấm này cho mỗi Liên đoàn thành viên. Và các Liên đoàn thành viên phải đảm bảo được là các cá nhân cũng như các đơn vị thành viên nhận được Danh mục.

4.2. Nếu không được cung cấp thêm một Danh mục cấm hay một bản chỉnh lý khác, Danh mục đó và những bản chỉnh lý đã có sẽ được áp dụng cùng với Luật chống Doping 3 tháng sau khi được xuất bản bởi Ủy ban chống Doping Quốc tế mà không cần có thêm bất cứ động thái nào từ phía FINA – Liên đoàn thể thao dưới nước. FINA có thể dựa vào những yêu cầu của Ủy ban Xem xét và Kiểm soát Doping (DCRB) để gợi ý bổ sung thêm vào Danh mục cấm của Ủy ban chống Doping Quốc tế, đặc biệt là với những môn thể thao dưới nước.

4.2.1. Ngoại trừ những chất thuộc nhóm có chứa tác nhân gây đồng hóa hay kích thích và những chất kích thích vận động cơ và chất điều chuyển đã được liệt kê trong Danh mục cấm, thì tất cả các chất bị cấm khác đều thuộc nhóm “Chất đặc biệt” vì những mục đích áp dụng của Luật cá nhân. Những phương pháp cấm sẽ không bao gồm những “Chất đặc biệt”.

4.2.2. Trong trường hợp Tổ chức chống Doping Quốc tế WADA mở rộng Danh mục cấm bằng cách thêm vào một dòng những chất bị cấm mới theo Điều 4.1 của Bộ luật, Ban chấp hành WADA sẽ quyết định xem liệu có chất nào hay tất cả các chất bị cấm thuộc dòng mới theo Điều 4.1 sẽ thuộc vào nhóm “Chất đặc biệt” theo DC 4.2.1.

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THỂ GIỚI

4.3. Quyết định của Ủy ban chống Doping Quốc tế về những chất bị cấm và những phương pháp cấm được ghi trong Danh mục cấm, và sự phân loại các chất theo các nhóm trong Danh mục cấm là cuối cùng và không thể bị nghi ngờ hay thắc mắc bởi một VĐV hay bất cứ người nào khác dựa trên một tranh cãi rằng một chất hay một phương pháp không phải là tác nhân biến đổi hay không có tiềm năng giúp tăng thành tích thi đấu, có những nguy cơ về sức khỏe hay vi phạm tinh thần thể thao.

4.4 Sử dụng điều trị.

4.4.1. Những VĐV được chứng nhận cần được chăm sóc y tế và cần phải sử dụng những chất và những phương pháp bị cấm đầu tiên sẽ phải có được Giấy phép Sử dụng điều trị miễn giảm (TUE). Khi kiểm tra, sự xuất hiện của một chất bị cấm hay những chất chuyển hóa hay các dấu hiệu của nó, việc dùng hoặc cố tình dùng một chất hoặc một phương pháp bị cấm, việc sở hữu những chất hay những phương pháp bị cấm hay việc quản lý một chất hoặc một phương pháp bị cấm phù hợp với những điều khoản của một Biệt lệ Sử dụng điều trị có tính áp dụng và được cho là tuân theo Tiêu chuẩn quốc tế về Những biệt lệ Sử dụng điều trị, thì sẽ không bị coi là vi phạm Luật chống Doping.

4.4.2. Những VĐV của FINA tham gia trong kì Kiểm tra có đăng ký và các VĐV khác trước khi tham gia trong bất kỳ cuộc thi quốc tế phải có được một Giấy phép Biệt lệ Sử dụng điều trị (TUE) từ FINA (bất kể việc vận động viên đó trước đây đã nhận được một Giấy phép ở cấp quốc gia). Giấy phép cấp bởi FINA sẽ được báo cáo cho Liên đoàn thành viên của VĐV và Ủy ban chống Doping quốc tế WADA. VĐV chịu sự kiểm tra phải có được một Giấy phép Sử dụng điều trị để chữa bệnh từ Tổ chức chống Doping quốc gia hoặc cơ quan khác được chỉ định bởi Liên đoàn thành viên của họ. Liên đoàn thành viên phải kịp thời trình Giấy phép được cấp cho FINA và WADA. Ngoại trừ trong các tình huống khẩn cấp, một VĐV nên đăng ký Giấy phép tối thiểu 21 ngày trước khi VĐV đó tham gia một cuộc thi.

4.4.3. Ban Điều hành FINA, với sự giới thiệu của DCRB, có thể cấp Giấy phép cho một VĐV. Trước khi một giấy phép như vậy có thể được cấp, VĐV phải thuyết phục DCRB và Ban điều hành rằng giấy phép đó hợp lý về y tế và sẽ không tạo ra một lợi thế cạnh tranh trong thi đấu. Các yêu cầu cho một Giấy phép sẽ được đánh giá theo tiêu chuẩn quốc tế cho Sử dụng điều trị miễn giảm. Ban chấp hành có thể cấp giấy phép theo

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

các điều kiện như vậy, nếu xét thấy thích hợp để đảm bảo rằng không có lợi thế cạnh tranh có thể đạt được.

4.4.4. Tổ chức chống Doping quốc tế WADA, theo yêu cầu của 1 VĐV hoặc ý kiến riêng của mình, có thể xem xét cấp hoặc từ chối bất kỳ một Giấy phép sử dụng điều trị miễn trừ đối với một VĐV cấp quốc tế, kể cả VĐV đó đã trải qua kì Bơi Kiểm tra có đăng kí. Nếu Ủy ban chống Doping quốc tế WADA quyết định cấp hoặc từ chối của một Giấy phép không phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế về Sử dụng điều trị miễn giảm đang có hiệu lực tại thời điểm đó thì sau đó WADA có thể đảo ngược quyết định. Những quyết định có liên quan đến Sử dụng điều trị miễn giảm có thể khiếu nại sau đó theo quy định DC 13.

4.5. FINA, theo sự đề nghị của DCRB, có thể đề nghị Tổ chức chống Doping quốc tế WADA đưa thêm vào Danh mục các chất trong chương trình giám sát được thành lập tại Điều 4.5 của Bộ luật.

Quy định 5. Kiểm tra Doping

Việc kiểm tra của FINA và các Liên đoàn thành viên cần được thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc tế về Thử nghiệm như những thông tin được đặc biệt cung cấp dưới đây.

5.1. Những đệ trình kiểm soát Doping

Tất cả các VĐV phải đăng kí vào chương trình Kiểm soát Doping Trong khi thi đấu và Ngoài lúc thi đấu theo quy định của Luật chống Doping này hoặc các quy định hiện hành khác đang được áp dụng cùng với Luật chống Doping hay những quy định áp dụng khác.

5.2. Trách nhiệm kiểm soát Doping

5.2.1 Tất cả các VĐV thuộc một Liên đoàn thành viên sẽ được/ phải chịu sự kiểm tra Trong khi thi đấu của FINA, của Liên đoàn thành viên mà VĐV đó trực thuộc, hay của bất kỳ Tổ chức chống Doping khác chịu trách nhiệm kiểm nghiệm tại một cuộc thi hay sự kiện mà họ tham gia. Tất cả các VĐV thuộc một Liên đoàn thành viên, bao gồm các VĐV phục vụ một thời gian không đủ điều kiện hoặc một VĐV bị đình chỉ tạm thời cũng sẽ có thể bị kiểm tra theo chương trình Ngoài lúc thi đấu tại bất

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

kỳ thời gian hoặc địa điểm nào bởi FINA, WADA, Liên đoàn thành viên mà VĐV đó trực thuộc, Tổ chức chống Doping quốc gia của bất kỳ quốc gia nào nơi mà VĐV đó đang có mặt, Ủy ban Olympic quốc tế trong thời gian diễn ra TVH Olympic, và Ủy ban Olympic quốc tế dành cho người khuyết tật IPC trong thời gian diễn ra Paralympic Games mà không có thông báo trước. Mục đích Kiểm tra sẽ được ưu tiên trước.

5.2.3 Trong Thế vận hội Olympic, Ban điều hành FINA, sẽ phối hợp với Ban y tế của Ủy ban Olympic quốc tế IOC có trách nhiệm xác định số lượng VĐV cần được kiểm tra mỗi ngày theo mỗi quy định, và những thủ tục tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy tắc chống Doping sau đó-hiện tại của IOC. Một thủ tục tương tự sẽ được thực hiện trong tất cả các cuộc thi khác không được tổ chức bởi FINA với sự hợp tác của các ủy ban y tế và ban tổ chức một cách phù hợp.

5.2.4 Tại tất cả các cuộc thi thuộc giới hạn của FINA, FINA có trách nhiệm tiến hành kiểm soát Doping. Tất cả các hành vi vi phạm Luật Chống Doping và các tranh chấp liên quan đến kiểm soát Doping tại cuộc thi sẽ được trình bày với Hội đồng Doping FINA.

5.3 Kiểm soát Doping trong các cuộc thi của FINA

5.3.1 Lựa chọn các VĐV cần được kiểm tra tại các cuộc thi của FINA được quyết định bởi Ban kiểm soát Doping tại cuộc thi. Tất cả các VĐV tham gia sẽ được xem xét. Sự lựa chọn được thực hiện trước khi bắt đầu mỗi cuộc thi. Đối với môn Bóng nước, việc lựa chọn những VĐV sẽ bị kiểm tra sẽ được thực hiện ngay sau khi hiệp cuối của trận đấu bắt đầu.

5.3.2 Bất kỳ VĐV Bơi thiết lập hoặc phá vỡ một kỷ lục thế giới sẽ phải chịu sự kiểm tra Doping sau cuộc thi. Khi một đội bơi tiếp sức phá hoặc đạt được một kỷ lục thế giới, tất cả các VĐV của đội tiếp sức đó sẽ được kiểm tra. Nếu không có việc kiểm tra Doping nào được thực hiện tại cuộc thi, các VĐV có trách nhiệm nộp một Giấy chứng nhận kiểm tra Doping không muộn hơn 24 giờ sau khi cuộc thi kết thúc. Không kỷ lục thế giới nào được công nhận mà không có một giấy chứng nhận kiểm tra Doping âm tính với tất cả các chất hoặc phương pháp bị cấm được xác định trong Danh sách cấm mà một

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

kỹ thuật phân tích hiện có có thể phát hiện ra. Các VĐV được dự đoán có thể giành được kỉ lục thế giới phải có trách nhiệm đảm bảo có thể tham gia kiểm tra Doping bất cứ lúc nào.

5.3.3 Nếu một VĐV lập một kỷ lục quốc gia trong một cuộc thi của FINA nhưng lại không được chỉ định để kiểm tra Doping, và Quy định của Liên đoàn thành viên của VĐV đó tương tự như 5.3.2, thì Liên đoàn thành viên đó có thể yêu cầu FINA tiến hành kiểm tra Doping đối với VĐV đó và thanh toán một khoản phí được FINA yêu cầu.

5.4.1 Theo quy định tại Điều 15 của Bộ luật, Kiểm tra Doping không báo trước có thể được thực hiện bởi FINA tại bất kỳ thời điểm nào, bao gồm cả thời gian và vị trí của bất kỳ cuộc thi nào ở tất cả các nước thành viên. Tốt hơn là nó được thực hiện mà không có bất kỳ thông báo trước cho các VĐV hoặc Liên đoàn thành viên của mình. Mỗi VĐV trực thuộc bất kỳ Liên đoàn thành viên có nghĩa vụ phải trải qua kiểm tra Doping không báo trước theo như quyết định của FINA.

5.4.3 FINA sẽ thành lập một Ban kiểm tra dành cho các VĐV. Các tiêu chí chọn lọc các VĐV phải tham gia vào kì Bơi kiểm tra có đăng kí sẽ được xem xét lại hàng năm bởi FINA và được thông báo cho tất cả các Liên đoàn thành viên. Tất cả các VĐV được đưa vào hoặc loại ra khỏi danh sách Kiểm tra có đăng ký và các Liên đoàn thành viên mà VĐV đó trực thuộc sẽ nhận được một thông báo bằng văn bản về việc thêm vào hoặc loại trừ một VĐV trong trong kì kiểm tra của FINA không muộn hơn ngày đầu tiên của các tháng Ba, Sáu, Chín và Mười Hai.

5.4.4 Các VĐV cũng như các Liên đoàn thành viên của các VĐV bắt buộc phải thông báo cho FINA về địa điểm mà VĐV đang có mặt để tiến hành việc kiểm tra không báo trước. Ban kiểm tra có trách nhiệm báo cáo các thông tin cần thiết cho văn phòng FINA không muộn hơn ngày thứ Hai đầu tiên của các tháng Giêng, tháng Tư, tháng Bảy và tháng Mười. Nếu thông tin cung cấp cho FINA không chính xác hoặc không đầy đủ, các Liên đoàn thành viên quản lý trực tiếp VĐV đó có nghĩa vụ thanh toán các khoản chi phí cho của kì kiểm tra.

5.4.5 Vì mục đích của việc áp dụng Điều 2.4, mỗi Liên đoàn thành viên có trách nhiệm báo cáo cho FINA tất cả các cuộc kiểm tra bị bỏ lỡ hoặc thất bại bởi một VĐV đưa vào

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

hồ sơ các thông tin có liên quan được yêu cầu trong vòng 14 ngày sau khi Liên đoàn thành viên biết được sự thất bại của cuộc kiểm tra.

5.5 Giải nghệ và Trở lại thi đấu

5.5.1 Một VĐV đã được FINA đưa vào danh sách kiểm tra sẽ tiếp tục phải tuân theo Luật chống Doping, bao gồm cả nghĩa vụ bắt buộc phải sẵn sàng cho việc kiểm tra không báo trước, trừ khi và cho đến khi VĐV đó có thông báo bằng văn bản cho FINA rằng anh ta hay cô ta đã giải nghệ. Một VĐV phải chịu trách nhiệm cho bất kỳ hành vi vi phạm các điều trong Luật chống Doping xảy ra trước khi có được công văn của FINA về việc anh ta hoặc cô ta thông báo giải nghệ.

5.5.2 Một VĐV đã có thông báo giải nghệ gửi cho FINA không thể tiếp tục thi đấu trừ khi họ thông báo với FINA bằng văn bản ít nhất chín (9) tháng trước khi anh ta hoặc cô hy vọng sẽ trở lại với các cuộc thi và phải sẵn sàng cho các cuộc kiểm tra Ngoài lúc thi đấu không được báo trước trước bất cứ lúc nào trong thời gian trước khi thực sự trở về thi đấu. Một VĐV đang trong quá trình phục hồi sẽ phải hoàn toàn tuân theo Luật chống Doping kể từ ngày quá trình phục hồi được thực hiện.

5.5.3 Nếu một VĐV hoặc người khác giải nghệ trong khi quá trình kiểm tra đang được tiến hành, Tổ chức chống Doping có trách nhiệm bảo lưu kết quả của họ. Nếu một VĐV giải nghệ khi quá trình kiểm tra bắt đầu, Tổ chức chống Doping có thẩm quyền bảo lưu kết quả đối với các VĐV vào thời điểm VĐV đó vi phạm quy tắc chống Doping.

Quy định 10. Xử phạt cá nhân

10.1 Không công nhận kết quả thi đấu nếu xảy ra sự vi phạm điều luật chống Doping.

Một hành vi vi phạm điều luật chống Doping xảy ra trong quá trình thi đấu hoặc có liên quan đến một cuộc thi, dựa theo quyết định của Ban tổ chức cuộc thi, có thể dẫn đến việc không công nhận kết quả thi đấu cá nhân của VĐV đó dành được trong cuộc thi cùng với tất cả những hình phạt đi kèm bao gồm cả Tước huy chương, điểm và giải thưởng, trừ những trường hợp được quy định tại DC 10.1.1.

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

10.1.1 Nếu VĐV chứng minh được rằng anh ta hoặc cô ta không có lỗi hoặc vi phạm do sơ suất, kết quả thi đấu cá nhân của VĐV đó trong các sự kiện khác sẽ được công nhận nếu kết quả thi đấu trong các sự kiện khác (không phải là sự kiện có xảy ra vi phạm luật chống Doping) không bị ảnh hưởng bởi hành vi vi phạm luật chống Doping của anh ta hoặc cô ta.

10.2 Không đủ tư cách do có dấu hiệu, sử dụng hoặc cố gắng sử dụng, hoặc sở hữu các chất và các phương pháp bị cấm

10.3 Các vi phạm Quy tắc chống Doping khác

Với các hành vi vi phạm quy tắc chống Doping như trong quy định 10.2 sẽ như sau:

10.3.1 Đối với vi phạm theo điều 2.3 (Tù chổi hoặc Gian lận trong việc nộp mẫu) hoặc theo điều 2.5 (Giả mạo với kiểm soát Doping), sẽ là hai (2) năm trừ khi các điều kiện quy định tại điều 10.5, hoặc các điều kiện quy định tại điều 10.6, được đáp ứng.

10.3.2 Đối với hành vi vi phạm theo điều 2.7 (Buôn bán hoặc Cố tình buôn bán) hoặc theo điều 2.8 (Tàng trữ hoặc Cố tình Tàng trữ chất hoặc Phương pháp bị cấm), thời gian không đủ điều kiện được áp dụng tối thiểu là bốn (4) năm cho đến hết đời trừ khi các điều kiện quy định tại 10.5 được đáp ứng. Vi phạm quy tắc chống Doping đối với một VĐV nhỏ tuổi được coi là một vi phạm đặc biệt nghiêm trọng, và, nếu hành vi vi phạm được gây ra bởi trợ lý của VĐV với các chất được liệt kê trong điều 4.2.1 thì trợ lý của VĐV sẽ phải nhận mức phạt đến hết đời. Ngoài ra, các hành vi vi phạm đáng kể theo các điều 2.7 hay 2.8 cũng có thể coi là vi phạm pháp luật và các quy định phi thể thao, được báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền.

10.3.3 Đối với hành vi vi phạm theo điều 2.4 (Tù chổi nộp hồ sơ và/ hoặc bỏ kiểm tra), sẽ là một (1) năm và tối đa là hai (2) năm dựa trên mức độ lỗi của VĐV.

10.4 Xóa bỏ hoặc Giảm Thời gian chịu án phạt của VĐV đối với việc sử dụng những chất xác định theo hoàn cảnh cụ thể

Trong trường hợp một VĐV hoặc người khác có thể chứng minh được làm thế nào mà một chất đặc biệt nào đó được đưa vào cơ thể mình hoặc làm thế nào mà anh ta hay cô ta

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

lại sở hữu chất đặc biệt đó, hoặc chất đặc biệt đó không được dùng nhằm mục đích nâng cao thành tích thi đấu của VĐV hay giả vờ sử dụng chất giúp nâng cao thành tích, thời gian chịu phạt cấm thi đấu theo điều 10.2 sẽ được thay thế như sau:

Lần vi phạm đầu tiên: Ở mức tối thiểu, VĐV sẽ bị khiển trách và không bị cấm thi đấu tại các cuộc thi trong thời gian sau đó và ở mức tối đa sẽ là hai năm cấm thi đấu.

Để dành được bất kỳ sự loại trừ hay giảm án nào, VĐV hoặc người khác phải có bằng chứng chứng minh, thêm vào đó là trình bày với ban điều trần về việc VĐV đó không có ý định nâng cao thành tích thi đấu thể thao hoặc chỉ giả vờ sử dụng chất đặc biệt giúp nâng cao thành tích thi đấu. Mức phạm lỗi của VĐV sẽ là tiêu chí để xem xét, đánh giá việc giảm thời gian không đủ điều kiện.

10.5 Xóa bỏ hoặc Giảm Thời gian cấm thi đấu căn cứ vào những tình huống không mong muốn.

10.5.1 Không có lỗi hoặc do sơ suất.

Nếu một VĐV chứng minh được là anh ta/ cô ta không phạm lỗi hoặc vi phạm do sơ suất, án phạt cấm thi đấu sẽ được gỡ bỏ. Khi một Chất bị cấm hoặc chất chuyển hóa hoặc dấu hiệu của nó bị phát hiện trong mẫu máu của VĐV dựa theo những vi phạm của điều 2.1 (Có Chất bị cấm), VĐV đó cũng phải chứng minh được làm thế nào mà chất đó có trong máu của anh ta/ cô ta; có như thế anh ta/ cô ta mới không bị phạt cấm thi đấu. Trong trường hợp Điều này được áp dụng và thời gian bị cấm thi đấu khác đang áp dụng được xóa bỏ, việc vi phạm quy tắc chống Doping sẽ không được xem là vi phạm với mục đích giới hạn là quyết định thời gian cấm thi đấu cho lỗi vi phạm nhiều lần theo điều 10.7.

10.5.2 Không có lỗi đáng kể hoặc do sơ suất.

Nếu một VĐV hoặc người khác chứng minh được trong một trường hợp cá nhân, anh ta/ cô ta không mắc lỗi đáng kể hoặc chỉ do sơ suất, sau đó án phạt cấm thi đấu có thể giảm xuống, nhưng thời gian bị phạt sau khi được giảm xuống không thể ít hơn một nửa thời gian của án phạt đang được thi hành. Nếu án phạt đang được áp dụng là bị cấm thi đấu đến hết đời, án phạt sau khi được giảm xuống không thể ít hơn tám

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

(8) năm. Khi một Chất bị cấm hoặc dấu hiệu hoặc chất chuyển hóa của nó là phát hiện trong mẫu máu của VĐV dựa theo những vi phạm được ghi trong điều 2.1 (Có mặt một Chất bị cấm hoặc chất chuyển hóa hoặc các dấu hiệu của nó), VĐV cũng phải chứng minh được làm thế nào mà chất đó lại có trong máu của mình để thời gian bị cấm thi đấu có thể được giảm xuống.

10.5.3 Đóng góp quan trọng trong việc phát hiện và chứng minh các hành vi vi phạm Luật chống Doping.

Trước khi đưa ra quyết định phúc thẩm cuối cùng dựa theo điều DC 13 hoặc trước khi hết thời gian kháng cáo, Ban điều hành của Liên đoàn thể thao dưới nước FINA hoặc Ban điều trần có thể tạm hoãn một phần án phạt cấm thi đấu cho một cá nhân nếu VĐV đó hay một người khác cung cấp cho hoặc Liên đoàn thể thao dưới nước FINA, hoặc một cơ quan hình sự, hoặc một cơ quan kỉ luật thể thao chuyên nghiệp một bằng chứng quan trọng trong việc phát hiện và chứng minh được sự vi phạm Luật chống Doping của một người khác.

Sau khi đưa ra quyết định phúc thẩm cuối cùng theo điều DC 13 hoặc hết thời gian kháng cáo, Liên đoàn thể thao dưới nước FINA chỉ có thể đình chỉ một phần án phạt cấm thi đấu đang được áp dụng với sự chấp thuận của WADA. Mức độ mà án phạt cấm thi đấu kia được áp dụng dựa trên mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm Luật chống Doping được gây ra bởi VĐV đó hoặc một người khác và tầm quan trọng của sự giúp đỡ mà VĐV đó hay một người khác có thể đưa ra nhằm mục đích xóa bỏ tình trạng Doping trong thể thao. Chỉ có thể đình chỉ không quá ba phần tư thời gian bị cấm thi đấu đối với án phạt đang được tiến hành.

Nếu thời gian bị phạt cấm thi đấu đang được thi hành là đến hết đời thì thời gian không thể bị đình chỉ thực hiện án phạt theo khoản này sẽ không thể ít hơn tám (8) năm. Nếu FINA đình chỉ bất cứ phần nào của thời gian nếu thực hiện án phạt theo Điều này, tổ chức này sẽ phải kịp thời gửi một thông báo bằng văn bản về quyết định của mình đến mỗi tổ chức chống Doping có quyền kháng cáo quyết định. Nếu sau đó FINA phục hồi bất kỳ phần nào của thời gian cấm thi đấu đã bị đình chỉ bởi vì VĐV hoặc người khác đã không cung cấp sự hỗ trợ đáng kể như đã được dự đoán, VĐV hoặc người khác có thể kháng cáo quyết định phục hồi án phạt theo điều DC 13.2.

10.5.4 Thừa nhận vi phạm Luật chống Doping khi không thể đưa ra bằng chứng khác

Trong trường hợp một VĐV hoặc một người khác tự nguyện thừa nhận đã vi phạm một quy tắc chống Doping (hoặc, trong trường hợp của một hành vi vi phạm quy tắc chống Doping khác không được liệt kê trong điều DC 2.1, trước khi nhận được thông báo đầu tiên của hành vi vi phạm thừa nhận theo DC 7) và trong trường hợp việc thừa nhận đó là bằng chứng duy nhất đáng tin cậy của việc vi phạm quy tắc chống Doping tại đúng thời điểm mà VĐV đó thừa nhận, thì thời gian phạt cấm thi đấu có thể sẽ được giảm – nhưng không dưới một nửa án phạt đã được đưa ra.

10.5.5 Khi một VĐV hay một người khác có thể chứng minh được quyền giảm nhẹ án phạt theo hơn một Khoản của Điều này

Trước khi áp dụng bất kỳ án giảm hoặc đình chỉ nào theo các điều 10.5.2, 10.5.3 hoặc 10.5.4, thời gian bị cấm thi đấu sẽ được xác định theo các điều 10.2, 10.3, 10.4 và 10.6. Nếu VĐV nào hay người nào có thể chứng minh được quyền giảm hoặc hoãn thời gian bị cấm thi đấu theo hai hay nhiều hơn các điều 10.5.2, 10.5.3 hoặc 10.5.4, thì sau đó thời gian bị cấm thi đấu cũng có thể được giảm xuống hoặc tạm hoãn, nhưng không dưới một phần tư thời gian thực hiện án phạt đang được thi hành.

10.6 Tình tiết tăng nặng có thể dẫn tới việc tăng thời gian phạt cấm thi đấu.

Nếu Liên đoàn thể thao dưới nước FINA hoặc Liên đoàn thành viên chứng minh được rằng một cá nhân có hành vi vi phạm Luật chống Doping khác với những điều được ghi trong Điều DC 2.7 (Buôn bán hoặc Cố tình buôn bán) và DC 2.8 (Tàng trữ hoặc Cố tình tàng trữ), có tình tiết tăng nặng có thể bị áp dụng một án phạt cấm thi đấu lớn hơn so với hình thức xử phạt tiêu chuẩn, do đó thời gian phạt cấm thi đấu có thể được áp dụng được tăng lên tối đa là bốn năm, trừ khi VĐV đó hoặc người đó có thể chứng minh một cách hợp lý trước Ban điều trần rằng anh ta hoặc cô ấy không cố ý vi phạm các quy tắc chống Doping.

Một VĐV hoặc người nào đó có thể tránh việc áp dụng Điều này bằng cách thừa nhận hành vi vi phạm quy tắc chống Doping như được khẳng định ngay sau khi được đối chiếu

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

với hệ thống hành vi vi phạm quy tắc chống Doping được Liên đoàn thể thao dưới nước FINA hoặc Liên đoàn thành viên đưa ra.

10.7 Nhiều vi phạm

10.7.1 Vi phạm Luật chống Doping lần 2

Đối với một VĐV hoặc người nào đó lần đầu tiên có hành vi vi phạm quy tắc chống Doping, thời gian nhận án phạt cấm thi đấu được trình bày trong các Điều DC 10.2 và 10.3 (bao gồm cả xóa bỏ, giảm hoặc đình chỉ theo các Điều DC 10.4 hoặc 10.5, hoặc tăng theo Điều DC 10.6). Đối với một hành vi vi phạm quy tắc chống Doping lần thứ hai, thời gian nhận án phạt cấm thi đấu được đưa ra theo bảng dưới đây:

Vi phạm lần 2 / Vi phạm lần 1	RS	FFMT	NSF	St	AS	TRA
RS	1-4	2-4	2-4	4-6	8-10	10-hết đời
FFMT	1-4	4-8	4-8	6-8	10-hết đời	Hết đời
NSF	1-4	4-8	4-8	6-8	10-hết đời	Hết đời
St	2-4	6-8	6-8	8-hết đời	Hết đời	Hết đời
AS	4-5	10-hết đời	10-hết đời	Hết đời	Hết đời	Hết đời
TRA	8-hết đời	Hết đời	Hết đời	Hết đời	Hết đời	Hết đời

Định nghĩa cho các mục đích của bảng vi phạm quy tắc chống Doping lần thứ hai:

RS (Giảm hình phạt đối với Chất xác định theo 10.4): Các hành vi vi phạm quy tắc chống Doping bị hoặc nên bị xử phạt bởi một án phạt giảm theo Điều DC 10.4 bởi vì nó liên quan đến một chất xác định và các điều kiện khác có thể đáp ứng theo Điều DC 10.4.

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

FFMT (Thất bại trong việc Nộp hồ sơ và/ hoặc bỏ lỡ buổi kiểm tra): Các hành vi vi phạm quy tắc chống Doping bị hoặc phải bị xử phạt theo DC 10.3.3 (Thất bại Nộp hồ sơ và/ hoặc bỏ lỡ buổi kiểm tra).

NSF (Giảm nhẹ hình phạt do không có lỗi đáng kể hoặc do sơ suất): Các hành vi vi phạm quy tắc chống Doping bị hoặc bị xử phạt bởi một hình phạt được giảm nhẹ theo DC 10.5.2 vì Không có lỗi đáng kể hoặc do sơ suất, đã được chứng minh bởi VĐV theo Điều DC 10.5.2.

St (Hình phạt tiêu chuẩn theo các Điều DC 10.2 hoặc 10.3.1): Các hành vi vi phạm quy tắc chống Doping bị hoặc cần phải được xử phạt bằng hình thức xử phạt tiêu chuẩn của hai năm theo các điều DC 10.2 hoặc 10.3.1.

AS (Tăng án phạt): Các hành vi vi phạm quy tắc chống Doping bị hoặc nên bị xử phạt theo hình thức tăng án phạt theo Điều DC 10.6 bởi vì Tổ chức chống Doping đã thành lập các điều kiện quy định như trong DC 10.6.

TRA (Buôn bán hoặc Cố tình buôn bán và Tàng trữ hoặc Cố tình Tàng trữ): Các hành vi vi phạm quy tắc chống Doping bị hoặc nên bị xử phạt theo khung hình phạt đưa ra tại Điều 10.3.2.

10.7.2 Áp dụng các Điều 10.5.3 và 10.5.4 cho lần vi phạm thứ hai.

Trong trường hợp một VĐV hoặc một người nào đó vi phạm quy tắc chống Doping lần thứ hai chứng minh được quyền đình chỉ hoặc giảm nhẹ một phần thời gian bị cấm thi đấu theo Điều DC 10.5.3 hoặc DC 10.5.4, Ban điều trần trước tiên sẽ phải xác định thời gian bị cấm thi đấu được áp dụng trong khoảng được đưa ra trong bảng theo Điều DC 10.7.1, và sau đó áp dụng việc đình chỉ hoặc giảm thời gian bị cấm thi đấu thích hợp. Thời gian còn lại của án phạt cấm thi đấu, sau khi áp dụng bất kỳ hình thức treo, hay giảm án theo DC 10.5.3 và 10.5.4, phải là ít nhất một phần tư thời gian bị phạt cấm thi đấu đang được áp dụng.

10.7.3 Vi phạm Quy tắc chống Doping lần thứ ba.

Vi phạm quy tắc chống Doping lần thứ ba sẽ luôn luôn dẫn đến hình phạt cấm thi đấu đến hết đời, ngoại trừ lần vi phạm thứ ba đáp ứng được các điều kiện để xóa bỏ hoặc giảm thời gian cấm thi đấu theo Điều 10.4 hoặc có liên quan đến một hành vi vi phạm theo Điều 2.4 (Nộp hồ sơ thất bại và/ hoặc bỏ lỡ buổi kiểm tra). Trong những trường hợp đặc biệt này, thời gian bị cấm thi đấu sẽ trong khoảng từ tám năm cho đến hết đời.

10.7.4 Các quy định bổ sung cho việc có khả năng vi phạm nhiều lỗi

Đối với mục đích áp đặt lệnh án phạt theo Điều DC 10.7, một vi phạm quy tắc chống Doping sẽ chỉ được xem là vi phạm lần thứ hai nếu FINA hoặc một Liên đoàn thành viên có thể chứng minh được là VĐV đó hoặc người đó VĐV đó hoặc người đó nhận được thông báo theo như Điều 7 (Kết quả Quản lý), hoặc sau khi FINA hoặc một Liên đoàn Thành viên cố gắng hết sức để thông báo về hành vi vi phạm quy tắc chống-Doping lần đầu tiên; hoặc nếu FINA hoặc một Liên đoàn một thành viên không thể chứng minh được điều này, hành vi vi phạm sẽ được xem xét như là hành vi vi phạm lần đầu tiên, và án phạt được áp dụng sẽ dựa trên hành vi vi phạm phải chịu án phạt nặng hơn; tuy nhiên, việc gây ra nhiều hành vi vi phạm có thể được coi là một yếu tố trong việc xác định các tình tiết tăng nặng (10.6).

Nếu, sau khi có quyết định về hành vi vi phạm quy tắc chống Doping lần đầu tiên, FINA hoặc một Liên đoàn một thành viên phát hiện ra một sự vi phạm quy tắc chống Doping của một VĐV hoặc một người nào đó xảy ra trước khi có thông báo về việc vi phạm lần đầu tiên, FINA hoặc một Liên đoàn Thành viên có trách nhiệm áp dụng xử phạt bổ sung dựa trên hình thức xử phạt có thể được áp dụng cho hai hành vi vi phạm được xét xử cùng một lúc. Kết quả trong tất cả các sự kiện thi đấu tính từ thời điểm đó ngược trở lại đến trước khi có hành vi vi phạm quy tắc chống Doping sẽ không được công nhận theo quy định tại Điều 10.8. Để tránh khả năng của một phát hiện tình tiết tăng nặng (10.6) theo kiểu đã vi phạm trước đó nhưng sau đó mới phát hiện, VĐV đó hoặc người nào đó phải tự nguyện thừa nhận hành vi vi phạm quy tắc chống Doping trước đây đồng thời thông báo vi phạm mà anh ta/ cô ta phải chịu trách nhiệm. Quy tắc tương tự cũng được áp dụng khi FINA hoặc một Liên đoàn thành viên phát hiện ra sự thật có liên quan đến một

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

hành vi vi phạm khác sau khi có quyết định về hành vi vi phạm quy tắc chống Doping lần thứ hai.

10.7.5 Vi phạm nhiều quy tắc chống Doping nhiều lần trong 8 năm

Theo Điều 10.7, cứ trong khoảng thời gian tám năm mới được có một hành vi vi phạm quy tắc chống Doping, nếu không sẽ được coi là vi phạm nhiều lần.

10.8 Không công nhận kết quả thi đấu trong những sự kiện xảy ra sau khi thu thập mẫu máu hoặc sau khi vi phạm một quy định chống Doping

Ngoài việc tự động không công nhận kết quả thi đấu với những mẫu máu có kết luận dương tính theo Điều 9 (Tự động hủy các kết quả thi đấu cá nhân), tất cả các kết quả thi đấu khác giành được tính từ ngày mẫu máu dương tính đó được thu thập (cho dù là trong khi thi đấu hoặc ngoài lúc thi đấu). Hoặc hành vi vi phạm quy tắc chống Doping khác đã xảy ra, thông qua việc bắt đầu bất kỳ án Đình chỉ tạm thời hoặc cấm thi đấu nào.

Quy định 11: Hình phạt cho đội

11.1. Khi việc vi phạm Luật chống Doping bị gây ra bởi một thành viên của một đội tiếp sức hoặc một cặp bơi hoặc một đội bơi biểu diễn hoặc đội lặn biểu diễn, thì cặp đó hoặc đội đó sẽ bị loại khỏi nội dung thi đấu hoặc không được công nhận kết quả thi đấu.

11.2. Một đội Bóng nước có hơn một VĐV vi phạm Luật chống Doping trong thời gian có liên quan đến một cuộc thi (một hành vi vi phạm liên quan đến một chất xác định theo Điều 10.4), sẽ bị cấm thi đấu trận đấu/ những trận đấu trong cuộc thi mà những VĐV đó tham gia, và các nhóm khác sẽ được tuyên bố chiến thắng với tỷ số 5 - 0, trừ khi tỉ số thực tế cao hơn. Hình phạt tiếp theo với đội bóng sẽ được quyết định bởi FINA hoặc BTC của cuộc thi đang được nói đến. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên trong đội được thông báo là có thể có hành vi vi phạm quy tắc chống Doping theo Điều 7 trong thời gian có liên quan đến cuộc thi, đội bóng đó sẽ được cho là phải tham gia kiểm tra có mục đích trong cuộc thi, và chi phí của cuộc kiểm tra đó sẽ được Liên đoàn thành viên trực tiếp quản lý đội bóng đó trả.

Quy định 12. Hình phạt và chi phí dành cho các Liên đoàn thành viên và những người khác.

12.1. Nếu các VĐV cùng trực thuộc một Liên đoàn thành viên vi phạm bốn hoặc nhiều hơn quy tắc chống Doping trong thời gian mười hai (12) tháng kể từ lần vi phạm đầu tiên và đã bị xử phạt theo Điều DC 10.2 (ngoại trừ hành vi vi phạm quy tắc chống Doping liên quan đến chất xác định) hoặc theo Điều 10.3.2, Liên đoàn thành viên sẽ bị đình chỉ trong vòng hai mươi tư (24) tháng. Một hành vi phạm tội sử dụng Doping thuộc thẩm quyền của một Liên đoàn thành viên hoặc một Tổ chức chống Doping quốc gia và được báo cáo cho FINA thì sẽ không phải tuân theo quy định này.

12.2. Liên đoàn thành viên phải có nghĩa vụ hoàn trả cho FINA tất cả các chi phí (bao gồm cả phí phòng thí nghiệm và đi lại) liên quan đến hành vi vi phạm quy tắc chống Doping được gây ra bởi một người trực tiếp chịu sự quản lý của Liên đoàn thành viên đó.

12.3. Liên đoàn thành viên phải hoàn trả cho FINA chi phí cho thông dịch viên mà FINA được yêu cầu thanh toán theo Điều DC 8.

12.4. Nếu Liên đoàn thành viên không thực hiện những nỗ lực liên tục trong việc cung cấp thông tin cho FINA nơi có thể gặp VĐV để thực hiện cuộc kiểm tra Ngoài lúc thi đấu mà không có thông báo trước thì Liên đoàn đó sẽ bị Liên đoàn thể thao dưới nước phạt tiền với mức phạt lên tới 1.000 đô-la Mỹ cho mỗi VĐV.

12.5. Trừ những chi phí và phí luật sư có thể được trả bởi CAS, FINA và các đại diện họ sẽ không phải chịu trách nhiệm chi cho một VĐV hay một Liên đoàn thành viên bất cứ một khoản phí, một thiệt hại hay những mất mát khác được gây ra từ những hành động của FINA theo Luật chống Doping.

12.6. Ban điều hành FINA có trách nhiệm khấu trừ một phần hoặc tất cả các nguồn tài trợ cho một Liên đoàn thành viên khi xác định rằng Liên đoàn thành viên đó không thật sự tuân theo các điều trong Luật chống Doping.

12.7. Ban điều hành FINA có thể phạt hoặc xử phạt một Liên đoàn thành viên không thường xuyên thực hiện theo các yêu cầu báo cáo theo điều 14.

Quỳnh Nga biên dịch

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA CÔNG TÁC CHỐNG DOPING CỦA LIÊN ĐOÀN BẮN SÚNG QUỐC TẾ (ISSF)

* * *

Tất cả các sự kiện thi đấu Bắn súng quốc tế, khu vực và quốc gia được quy định tại Điều 3.1.0 của Quy định chung ISSF (sau đây gọi chung là "Các sự kiện" ISSF) sẽ được quản lý theo các nguyên tắc của Bộ luật như đã hướng dẫn nếu không có những quy định cụ thể khác ngoài những quy tắc này. Các Liên đoàn thành viên, các VĐV Bắn súng và những cá nhân có liên quan đến môn thể thao Bắn súng sẽ phải tuân thủ các quy tắc này như một điều kiện tham gia và sẽ bị ràng buộc bởi chúng.

Danh mục cấm

5.5.1 Tổng hợp Danh mục cấm.

5.5.1.1 Những quy định chống Doping được tổng hợp trong hầu hết Danh mục cấm gần đây được công bố và được sửa đổi bởi Tổ chức chống Doping thế giới (WADA) như được mô tả trong Điều 4.1 của Bộ luật.

5.5.1.2 Bản sửa đổi mới nhất của Danh mục có thể được tải từ trang web của WADA www.wada-ama.org.

5.5.1.3 Danh sách bị cấm sẽ có hiệu lực trong ba (3) tháng sau khi được công bố bởi WADA.

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

5.5.1.4 ISSF sẽ có nhiệm vụ phát Danh mục cấm hiện hành cho mỗi Liên đoàn thành viên và mỗi Liên đoàn thành viên phải đảm bảo rằng Danh mục cấm hiện hành sẽ được cung cấp đầy đủ cho các thành viên và các đơn vị bộ phận của nó.

Các chất và các phương pháp bị cấm được liệt kê trong Danh mục cấm

5.5.2.1 Tất cả các chất bị cấm, ngoại trừ các chất thuộc nhóm có tác nhân đồng hóa, các chất kích thích hooc-môn, các chất đối kháng nội tiết kích thích và các chất điều biến (cũng được liệt kê trong Danh mục cấm) sẽ được coi là “những chất quy định” nhằm mục đích áp dụng Điều 5.11. Các phương pháp bị cấm sẽ không có trong phần các chất quy định.

5.5.2.2 Thuốc Beta-Blockers bị cấm trong thời gian diễn ra giải Bắn súng. Đây là điều bắt buộc cho tất cả các mẫu máu được phân tích lấy Beta-Blockers. Giấy phép Miễn giảm sử dụng điều trị cho Beta-Blockers sẽ được cấp bởi ISSF chỉ khi có những hướng dẫn nghiêm ngặt và vì một hoàn cảnh y tế cực kỳ đặc biệt.

5.5.2.3 Rượu không có trong Danh mục cấm đối với môn Bắn súng và sẽ không kiểm tra trong các cuộc kiểm tra Doping, nhưng rượu nguy hiểm cho sức khỏe khi sử dụng sai mục đích, và có thể gây ra một nguy cơ an ninh trong khu vực thi đấu Bắn súng. Nhân viên an ninh trong khu vực trường bắn có quyền ngay lập tức đuổi một VĐV Bắn súng ra khỏi trường bắn nếu anh ta/ cô ta có các dấu hiệu say rượu hoặc các loại thuốc khác. Một máy phân tích hơi thở và/ hoặc những bài kiểm tra tâm thần có thể được sử dụng cho các quyết định trong vấn đề này.

5.5.2.4 Trong trường hợp WADA mở rộng Danh mục cấm bằng cách thêm một loại chất bị cấm mới, Ban Chấp hành của WADA có trách nhiệm xác định bất kỳ hoặc tất cả các chất bị cấm mới.

5.5.2.5 Việc xác định của WADA về các chất và các phương pháp bị cấm sẽ được đưa vào Danh mục cấm và việc phân loại các chất thành những nhóm trong Danh mục cấm được coi là quyết định cuối cùng và không thể bị thách thức bởi một VĐV Bắn súng hay một người khác dựa trên một lập luận rằng chất đó hay phương pháp đó là chất giả

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

hoặc không có khả năng nâng cao thành tích thi đấu, đem đến nguy cơ về sức khỏe hoặc vi phạm tinh thần thể thao.

5.5.3 Sử dụng điều trị miễn giảm (TUE)

5.5.3.1 VĐV Bắn súng với một chứng nhân y tế yêu cầu sử dụng một chất hoặc một phương pháp bị cấm phải có Giấy phép Sử dụng điều trị miễn giảm TUE. Các VĐV được khuyến cáo rằng thông qua ADAMS, họ phải đăng kí giấy phép đồng thời cung cấp thông tin về nơi ở của họ. Quá trình xin Giấy phép và quá trình chấp nhận hoặc từ chối cấp giấy phép sẽ được quản lý bởi Các cơ quan được ủy quyền của Ban Sử dụng điều trị miễn giảm theo chuẩn quốc tế.

Tất cả các VĐV Bắn súng tham gia vào các sự kiện của ISSF, cho dù họ có tham gia vào các cuộc kiểm tra của ISSF hay không, đều phải đăng kí giấy phép không muộn hơn ba mươi (30) ngày trước khi VĐV đó tham gia vào một sự kiện thi đấu Bắn súng.

Tuy nhiên, khi áp dụng, các VĐV có thể đăng kí một giấy phép hồi tố theo những quy định của Ban Sử dụng điều trị miễn giảm theo chuẩn quốc tế. Sự hiện diện của một chất bị cấm hoặc chất chuyển hóa của nó hoặc dấu hiệu của nó; việc sử dụng hay cố tình sử dụng một chất hoặc một phương pháp bị cấm; sở hữu các chất hay các phương pháp cấm; và tàng trữ những chất hoặc những phương pháp cấm nhưng phù hợp với những điều khoản của một Giấy phép sử dụng miễn giảm TUE và tuân theo những giấy phép sử dụng điều trị miễn giảm theo chuẩn quốc tế sẽ không bị coi là một hành vi vi phạm quy tắc chống Doping.

5.5.3.3 VĐV Bắn súng cấp quốc tế có ý định tham gia vào bất kỳ sự kiện nào của ISSF phải có được một giấy phép từ ISSF (bất kể việc VĐV Bắn súng trước đây đã nhận được một giấy phép ở cấp quốc gia hay chưa).

Những giấy phép sử dụng điều trị miễn giảm được cấp bởi ISSF sẽ phải thông báo cho Liên đoàn Bắn súng trực tiếp quản lý VĐV đó và WADA.

5.5.3.4 Tất cả các VĐV cấp quốc gia có chứng nhân y tế yêu cầu sử dụng một chất hoặc một phương pháp bị cấm có thể có được giấy phép sử dụng điều trị miễn giảm từ Liên đoàn thành viên của họ hoặc từ một Tổ chức chống Doping cấp quốc gia. Giấy phép sử

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

dùng điều trị miễn giảm ở cấp độ quốc gia sẽ phải được thông báo cho ISSF và WADA. ISSF và WADA có thể có hoặc không thừa nhận giấy phép sử dụng điều trị miễn giảm ở cấp quốc gia trong một cuộc thi đấu quốc tế và có thể chọn việc chấp nhận hoặc không chấp nhận giấy phép đó với VĐV cấp quốc gia theo những điều được ghi trong Luật.

5.5.3.5 Ban chấp hành của ISSF sẽ chỉ định một nhóm các bác sĩ trị liệu để xem xét các yêu cầu cho giấy phép sử dụng điều trị miễn giảm (còn gọi là “Ban xét duyệt cấp giấy phép điều trị miễn giảm”). Trong Ban xét duyệt này phải có các thành viên của Ủy ban y tế của ISSF. Ngay khi ISSF có công văn về việc nhận được một yêu cầu cấp giấy phép sử dụng điều trị miễn giảm, Trưởng Ban xét duyệt phải cử ra 3 thành viên của Ban đó (có thể bao gồm Trưởng Ban) để xem xét yêu cầu đó. Các thành viên Ban xét duyệt cấp giấy phép điều trị miễn giảm được chỉ định phải kịp thời đánh giá yêu cầu đó dựa theo những chuẩn quốc tế và đưa ra một quyết định, thường là quyết định cuối cùng của ISSF.

5.5.3.6 Bất kỳ quyết định nào có liên quan đến việc cấp hoặc từ chối giấy phép sử dụng điều trị miễn giảm có thể bị kháng cáo theo quy định tại Điều 5.14.

Kiểm tra

5.6.1 Cơ quan kiểm tra

5.6.1.1 Tất cả các VĐV trực thuộc một Liên đoàn thành viên ISSF phải tham gia các kì kiểm tra trong khi thi đấu được tổ chức bởi ISSF, các Liên đoàn thành viên, và bất kỳ Tổ chức chống Doping khác chịu trách nhiệm kiểm nghiệm tại một cuộc thi hay sự kiện mà họ tham gia.

5.6.1.2 Tất cả các VĐV trực thuộc một Liên đoàn thành viên ISSF, bao gồm cả các VĐV đang trong thời kì bị cấm thi đấu hoặc đang tạm thời bị đình chỉ được cho là phải sẵn sàng tham gia vào các kì kiểm tra ngoài-lúc-thi-đấu tại bất kì thời gian và địa điểm nào, có hoặc không có thông báo trước của ISSF, WADA hoặc Liên đoàn thành viên của VĐV đó, Tổ chức chống Doping quốc gia của bất kỳ quốc gia nào mà VĐV đó đang xuất hiện và bởi Ủy ban Olympic quốc tế IOC trong thời gian diễn ra Thế vận hội Olympic. Mục đích kiểm tra sẽ được ưu tiên trước.

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

Các tiêu chuẩn kiểm tra

Thử nghiệm được thực hiện bởi ISSF và các Liên đoàn thành viên phải phù hợp đáng kể với tiêu chuẩn quốc tế về Thử nghiệm có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra.

5.6.3.1 Máu (hay các mẫu không phải nước tiểu) có thể được sử dụng để phát hiện chất hay phương pháp bị cấm hoặc để nhằm mục đích sàng lọc. Nếu mẫu được thu thập chỉ để kiểm tra, sẽ không có một hình phạt nào dành cho VĐV ngoài mục đích xác định anh ta/ cô ta có một cuộc kiểm tra nước tiểu theo Luật chống Doping. Trong những trường hợp này, Chủ tịch Ủy ban Y tế ISSF và/ hoặc Tổng thư ký ISSF có thể đưa ra quyết định của riêng mình về các thông số máu được đo trong mẫu kiểm tra và mức độ của những tham số sẽ được sử dụng để chỉ ra rằng một VĐV nên được chọn cho một xét nghiệm nước tiểu.

5.6.3.2 Các ISSF và Liên đoàn thành viên phải kịp thời báo cáo những cuộc kiểm tra đã hoàn thành thông qua các kênh điều phối của WADA để tránh những trùng lặp không cần thiết trong kiểm thử.

5.6.4 Những yêu cầu có liên quan đến VĐV.

5.6.4.1 Kì kiểm tra có đăng kí cấp quốc tế

Kì kiểm tra có đăng kí cấp quốc tế dành cho các VĐV Bản súng hàng đầu của ISSF. Danh sách chính thức VĐV Bản súng xếp hạng thế giới được công bố trên trang web của ISSF và được cập nhật hàng tháng cho mỗi sự kiện quốc tế. Ngày 1 tháng 1 hàng năm, Kì kiểm tra có đăng kí cấp quốc tế dành cho 5 VĐV Bản súng xếp hạng cao nhất trong danh sách xếp hạng thế giới tại thời điểm đó. Khi một VĐV khác có tên trong danh sách 5 VĐV hàng đầu thế giới trong năm hiện tại, anh/cô ấy sẽ tự động được đưa vào danh sách của Kì kiểm tra có đăng kí cấp quốc tế trong năm đó.

Những yêu cầu của Kì kiểm tra có đăng kí cấp quốc tế

Mặc dù người đó có thể chỉ định một đại diện để hỗ trợ cung cấp thông tin liên quan của bản thân, trách nhiệm cuối cùng cho việc cung cấp thông tin của VĐV là của chính những VĐV đó. Mỗi VĐV phải tham gia vào Kì kiểm tra có đăng kí cấp quốc tế phải ghi

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

lại và gửi những thông tin liên quan của anh/ cô ta cho Trụ sở ISSF thông qua ADAMS hoặc bằng bất kỳ phương tiện khác có sẵn và đã được phê duyệt. Thông tin liên quan cần được phải được cập nhật bởi các VĐV hoặc đại diện của anh ta/ cô ta hàng quý để ISSF có thể theo dõi. Những thông tin phải bao gồm tất cả các buổi đào tạo dự kiến, các địa điểm tập huấn và các hoạt động thi đấu Bản súng chính thức khác. Ngoài những thông tin này, mỗi VĐV có trách nhiệm chỉ định cho mỗi ngày trong quý tiếp theo một vị trí cụ thể và một khoảng thời gian 60 phút nhất định trong ngày mà anh ta/ cô ta sẵn sàng cho buổi kiểm tra tại địa điểm đó. Điều này không có nghĩa là ngoài 60 phút đó VĐV đó không thể bị kiểm tra nữa.

5.6.4.1.2 Mỗi Liên đoàn thành viên thuộc ISSF sẽ cố gắng tốt nhất để giúp ISSF trong việc có được thông tin liên quan theo yêu cầu của ISSF. Các cách thức hoàn thành thông tin luôn có sẵn tại Trụ sở chính ISSF hoặc thông qua ADAMS.

5.6.4.2 Kì kiểm tra có đăng kí cấp quốc gia

Mỗi Liên đoàn thành viên của ISSF có trách nhiệm tích cực giúp Tổ chức chống Doping quốc gia của họ trong việc thiết lập một Kì kiểm tra có đăng kí cấp quốc gia dành cho những VĐV Bản súng được xếp hạng cao nhất tại quốc gia đó. VĐV Bản súng cấp cao nhất quốc gia. Liên đoàn thành viên ISSF và Tổ chức chống Doping Quốc gia có thể thiết lập các yêu cầu báo cáo có liên quan và tiêu chuẩn áp dụng đối với tất cả các VĐV đối với hành vi vi phạm Điều 5.3.4.

5.6.4.2.1 Tất cả các yêu cầu cho Kì kiểm tra có đăng kí cấp quốc gia tại các Điều 5.6.4.1.1 và 5.6.4.1.2 áp dụng đối với các VĐV cấp quốc tế và cấp quốc gia.

5.6.4.2.2 Trong trường hợp các VĐV phải tham gia Kì kiểm tra có đăng kí của ISSF, ISSF và Tổ chức chống Doping quốc gia với sự hỗ trợ của WADA (nếu có yêu cầu) sẽ thống nhất với nhau xem ai sẽ chịu trách nhiệm tiếp nhận nộp hồ sơ liên quan từ các VĐV và chia sẻ nó với các những cơ quan còn lại (và với các tổ chức chống Doping). Thông tin liên quan sẽ được chia sẻ với WADA và các tổ chức chống Doping khác có thẩm quyền để kiểm tra một VĐV phù hợp với Điều 11.7.1 (d) và 11.7.3 (d) về Những tiêu chuẩn kiểm nghiệm quốc tế, trong điều kiện nghiêm ngặt là chỉ được sử dụng cho mục đích kiểm soát Doping.

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

Bất kỳ VĐV phải tham gia Kì kiểm tra có đăng kí của ISSF mà không sẵn sàng cho kì kiểm tra sau khi được gọi 3 lần trong 18 tháng liên tiếp sẽ được coi là đã có hành vi vi phạm Luật chống Doping theo Điều 5.3.4.

Mỗi khi các kì kiểm tra được tiến hành, Cán bộ kiểm tra Doping sẽ phải hoặc đến địa điểm cụ thể như quy định trong thời gian sáu mươi (60) phút và làm những việc cần thiết để tìm được vị trí của VĐV hoặc đến một trong các địa điểm khác trong ngày đó và sẽ ở lại hai (2) giờ tại mỗi địa điểm, trừ khi nhân viên kiểm soát Doping xác định rằng VĐV đó sẽ không có mặt tại đó trong vòng hai giờ. Thông báo sẽ được gửi đến cho VĐV giữa các cuộc kiểm tra mà VĐV đó không sẵn sàng tham gia.

5.6.4.3.1 Sau khi nhận hai (2) văn bản cảnh báo chính thức từ ISSF hoặc từ một Liên đoàn thành viên của ISSF, bất kỳ VĐV nào phải tham gia Kì kiểm tra có đăng kí của ISSF không chịu cung cấp thông tin kịp thời như đã được yêu cầu trong vòng 18 tháng tính từ thời điểm đó đổ về trước sẽ được coi như đã vi phạm Luật chống Doping theo Điều 5.3.4.

5.6.4.4 Tạm nghỉ và trở lại thi đấu

5.6.4.4.1 Một VĐV phải tham gia Kì kiểm tra có đăng kí của ISSF sẽ tiếp tục phải tuân theo Luật chống Doping, bao gồm cả nghĩa vụ phải sẵn sàng cho những cuộc kiểm tra không được báo trước diễn ra Ngoài lúc thi đấu, trừ khi và cho đến khi VĐV đó có thông báo bằng văn bản cho ISSF rằng người đó đã giải nghệ hoặc cho đến khi người đó không còn đáp ứng các tiêu chí được đưa vào diện kiểm tra có đăng kí của ISSF và đã thông báo như vậy tới ISSF.

5.6.4.4.2 Một VĐV đã có thông báo giải nghệ cho ISSF không thể tiếp tục thi đấu trừ khi họ thông báo với ISSF bằng văn bản ít nhất sáu (6) tháng trước khi anh ta hoặc cô ta hy vọng sẽ trở lại với các cuộc thi và phải sẵn sàng cho cuộc kiểm tra Ngoài lúc thi đấu không được báo trước trước bất cứ lúc nào cùng với những thông tin liên quan theo Những tiêu chuẩn kiểm tra quốc tế trong thời gian trước khi thực sự trở về thi đấu.

5.6.5 Lựa chọn các VĐV phải tham gia kiểm tra

5.6.5.1 Các VĐV sau đây sẽ được kiểm tra trong tất cả các sự kiện của ISSF:

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

5.6.5.1.1 Những VĐV dành huy chương

5.6.5.1.2 Những VĐV lập được, phá được hay đạt được kỉ lục thế giới

5.6.5.1.3 Những VĐV đạt được định mức đã đưa ra trước đó.

5.6.5.1.4 Thành viên được lựa chọn ngẫu nhiên trong một đội đã lập được, phá được và đạt được một kỉ lục thế giới; Kiểm tra có mục đích hoặc kiểm tra ngẫu nhiên theo quyết định của Ủy ban chống Doping ISSF hoặc người đại diện của họ tại một sự kiện thể thao, miễn là mục tiêu thử nghiệm như vậy không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích kiểm soát hợp pháp Doping.

5.6.5.2 Tại những sự kiện cấp quốc gia, mỗi Liên đoàn thành viên sẽ xác định số lượng VĐV Bắn súng được lựa chọn để thử nghiệm trong mỗi cuộc thi và các thủ tục lựa chọn các VĐV được tham gia Kiểm nghiệm.

5.6.5.3 VĐV được tuyên chọn để tham gia kì kiểm tra Ngoài-lúc-thi-đấu bởi ISSF và bởi các Liên đoàn thành viên thông qua một quá trình phù hợp với Tiêu chuẩn kiểm tra quốc tế có hiệu lực tại thời điểm lựa chọn.

Hình phạt cho các cá nhân

5.11.1 Áp dụng lệnh cấm thi đấu đối với những trường hợp có chất và phương pháp bị cấm

5.11.2 Thời gian bị cấm thi đấu đối với hành vi vi phạm theo Điều 5.3.1 (Sự hiện diện của Chất bị cấm hoặc các chất chuyển hóa hoặc các dấu hiệu của nó), theo Điều 5.3.2 (sử dụng hoặc cố tình sử dụng chất bị cấm hoặc Phương pháp bị cấm) và Điều 5.3.6 (Sở hữu Chất và phương pháp bị nghiêm cấm) sẽ như sau, (trừ khi các điều kiện để xóa bỏ hoặc giảm thời gian bị cấm thi đấu theo quy định tại Điều 5.11.4 và 5.11.5, hoặc các điều kiện để tăng thời gian cấm thi đấu theo quy định tại Điều 5.11.6 được đáp ứng):

5.11.2.1 Vi phạm lần đầu: Hai (2) năm;

5.11.3 Cấm thi đấu đối với các hành vi vi phạm quy tắc chống Doping khác

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

Thời gian bị cấm thi đấu vì những hành vi vi phạm quy tắc chống Doping khác được quy định như sau tại Điều 5.3.1:

5.11.3.1 Đối với hành vi vi phạm Điều 5.3.3 (Tự chối hoặc không nộp vào bộ sưu tập mẫu) Điều 5.3.5 (Giả mạo với kiểm tra Doping), thời gian bị cấm thi đấu sẽ là hai (2) năm trừ khi các điều kiện quy định tại Điều 5.11.5, hoặc các điều kiện quy định tại Điều 5.11.6, được đáp ứng.

5.11.3.2 Đối với hành vi vi phạm Điều 5.3.7 (buôn bán) hoặc 5.3.8 (Tàng trữ Chất bị cấm hoặc phương pháp bị cấm), thời gian bị cấm thi đấu được áp dụng tối thiểu là bốn (4) năm đến hết đời, trừ khi các điều kiện quy định tại Điều 5.11.5 được đáp ứng. Vi phạm một quy tắc chống Doping liên quan đến trẻ vị thành niên được xem là vi phạm đặc biệt nghiêm trọng, và, nếu hành vi vi phạm đó được thực hiện bởi trợ lý VĐV với các chất xác định thì trợ lý VĐV đó sẽ bị cấm đến hết đời. Ngoài ra, các hành vi vi phạm đó cũng đồng thời vi phạm pháp luật và các quy định phi thể thao phải được báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền hành chính, chuyên nghiệp hoặc tư pháp.

5.11.3.3 Đối với hành vi vi phạm Điều 5.3.4 (Không nộp những hồ sơ liên quan hoặc bỏ qua các kì kiểm tra), thời gian bị cấm thi đấu tối thiểu sẽ là một (1) năm và tối đa là hai (2) năm dựa trên mức độ của lỗi của các VĐV.

5.11.4 Xóa bỏ hoặc Giảm thời gian bị cấm tham gia vào các hoạt động thể thao vì những chất cụ thể trong những tình huống cụ thể.

Trong trường hợp một VĐV hoặc người khác có thể chứng minh được làm thế nào mà một chất đặc biệt nào đó được đưa vào cơ thể mình hoặc làm thế nào mà anh ta hay cô ta lại sở hữu chất đặc biệt đó, hoặc chất đặc biệt đó không được dùng nhằm mục đích nâng cao thành tích thi đấu của VĐV hay giả vờ sử dụng chất giúp nâng cao thành tích, thời gian chịu phạt cấm thi đấu theo điều 5.11.2.1 sẽ được thay thế như sau:

Lần vi phạm đầu tiên: Ở mức tối thiểu, VĐV sẽ bị khiển trách và không bị cấm thi đấu tại các cuộc thi trong thời gian sau đó và ở mức tối đa sẽ là hai năm cấm thi đấu.

Để dành được bất kỳ sự loại trừ hay miễn giảm nào, VĐV hoặc người khác phải có bằng chứng chứng minh, thêm vào đó là trình bày với ban điều trần nhằm đạt được sự chấp

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

thuận của Ban điều trần về việc VĐV đó không có ý định nâng cao thành tích thi đấu thể thao hoặc chỉ giả vờ sử dụng chất đặc biệt giúp nâng cao thành tích thi đấu. Mức phạm lỗi của VĐV hoặc của một người khác sẽ là tiêu chí để xem xét, đánh giá việc giảm thời gian phạt.

5.11.5 Xóa bỏ hoặc Giảm Thời gian cấm thi đấu căn cứ vào những tình huống không mong muốn.

5.11.5.1 Không có lỗi hoặc do sơ suất.

Nếu một VĐV chứng minh được là anh ta/ cô ta không phạm lỗi hoặc vi phạm do sơ suất, án phạt cấm thi đấu sẽ được gỡ bỏ. Khi một Chất bị cấm hoặc chất chuyển hóa hoặc dấu hiệu của nó bị phát hiện trong mẫu máu của VĐV dựa theo những vi phạm của điều 5.3.1 (Có Chất bị cấm), VĐV đó cũng phải chứng minh được làm thế nào mà chất đó có trong máu của anh ta/ cô ta; có như thế anh ta/ cô ta mới không bị phạt cấm thi đấu. Trong trường hợp Điều này được áp dụng và thời gian bị cấm thi đấu khác đang áp dụng được xóa bỏ, việc vi phạm quy tắc chống Doping sẽ không được xem là vi phạm với mục đích giới hạn là quyết định thời gian cấm thi đấu cho lỗi vi phạm nhiều lần theo điều 5.11.7.

5.11.5.2 Không có lỗi đáng kể hoặc do sơ suất.

Nếu một VĐV hoặc người khác chứng minh được trong một trường hợp cá nhân, anh ta/ cô ta không mắc lỗi đáng kể hoặc chỉ do sơ suất, sau đó án phạt cấm thi đấu có thể giảm xuống, nhưng thời gian bị phạt sau khi được giảm xuống không thể ít hơn một nửa thời gian của án phạt đang được thi hành. Nếu án phạt đang được áp dụng là bị cấm thi đấu đến hết đời, án phạt sau khi được giảm xuống không thể ít hơn tám (8) năm. Khi một Chất bị cấm hoặc dấu hiệu hoặc chất chuyển hóa của nó bị phát hiện trong mẫu máu của VĐV dựa theo những vi phạm được ghi trong điều 5.3.1 (Có mặt một Chất bị cấm hoặc chất chuyển hóa hoặc các dấu hiệu của nó), VĐV cũng phải chứng minh được làm thế nào mà chất đó lại có trong máu của mình để thời gian bị cấm thi đấu có thể được giảm xuống.

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

5.11.5.3 Đóng góp quan trọng trong việc phát hiện và chứng minh các hành vi vi phạm Luật chống Doping.

Trước khi đưa ra quyết định phúc thẩm cuối cùng dựa theo điều 5.14 hoặc trước khi hết thời gian kháng cáo, Ban điều hành của ISSF hoặc Ban điều trần có thể tạm hoãn một phần án phạt cấm thi đấu cho một cá nhân nếu VĐV đó hay một người khác cung cấp cho hoặc ISSF, hoặc một cơ quan hình sự, hoặc một cơ quan kỉ luật thể thao chuyên nghiệp đưa ra một chứng cứ quan trọng trong việc phát hiện và chứng minh được sự vi phạm Luật chống Doping của một người khác, hoặc dẫn đến việc một cơ quan hình sự hoặc một cơ quan kỉ luật thể thao chuyên nghiệp phát hiện và chứng minh được một hành vi phạm tội hình sự hoặc vi phạm các quy tắc nghề nghiệp của người khác.

Sau khi đưa ra quyết định phúc thẩm cuối cùng theo điều 5.14 hoặc hết thời gian kháng cáo, ISSF chỉ có thể đình chỉ một phần án phạt cấm thi đấu đang được áp dụng với sự chấp thuận của WADA. Mức độ mà án phạt cấm thi đấu kia được áp dụng dựa trên mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm Luật chống Doping được gây ra bởi VĐV đó hoặc một người khác và tầm quan trọng của sự hợp tác mà VĐV đó hay một người khác có thể đưa ra nhằm mục đích xóa bỏ tình trạng Doping trong thể thao. Chỉ có thể đình chỉ không quá ba phần tư thời gian bị cấm thi đấu đối với án phạt đang được tiến hành.

Nếu thời gian bị phạt cấm thi đấu đang được thi hành là đến hết đời thì thời gian không thể bị đình chỉ thực hiện án phạt theo khoản này sẽ không thể ít hơn tám (8) năm. Nếu ISSF đình chỉ bất cứ phần nào của thời gian nếu thực hiện án phạt theo Điều này, tổ chức này sẽ phải kịp thời gửi một thông báo bằng văn bản cho quyết định của mình đến mỗi tổ chức chống Doping có quyền kháng cáo quyết định. Nếu sau đó ISSF phục hồi bất kỳ phần nào của thời gian cấm thi đấu đã bị đình chỉ bởi vì VĐV hoặc người khác đã không cung cấp sự hỗ trợ đáng kể như đã được dự đoán, VĐV hoặc người khác có thể kháng cáo quyết định phục hồi án phạt theo điều 5.14.3.

5.11.5.4 Thừa nhận vi phạm Luật chống Doping khi không thể đưa ra bằng chứng khác

Trong trường hợp một VĐV hoặc một người khác tự nguyện thừa nhận đã vi phạm một quy tắc chống Doping (hoặc, trong trường hợp của một hành vi vi phạm quy tắc chống Doping khác không được liệt kê trong điều 5.3.1, trước khi nhận được thông báo đầu tiên

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

của hành vi vi phạm theo bộ luật của ISSF) và trong trường hợp việc thừa nhận đó là bằng chứng duy nhất đáng tin cậy của việc vi phạm quy tắc chống Doping tại đúng thời điểm mà VĐV đó thừa nhận, thì thời gian phạt cấm thi đấu có thể sẽ được giảm – nhưng không dưới một nửa án phạt đã được đưa ra.

Khi một VĐV hay một người khác có thể chứng minh được quyền giảm nhẹ án phạt theo hơn một Khoản của Điều này

Trước khi áp dụng bất kỳ án giảm hoặc đình chỉ nào theo điều 5.11.5, thời gian bị cấm thi đấu sẽ được xác định theo các điều 5.11.2, 5.11.3, 5.11.4 và 5.11.6. Nếu VĐV nào hay người nào có thể chứng minh được quyền giảm hoặc hoãn thời gian bị cấm thi đấu theo hai hay nhiều hơn các điều 5.11.5.2, 5.11.5.3 hay 5.11.5.4, thì sau đó thời gian bị cấm thi đấu cũng có thể được giảm xuống hoặc tạm hoãn, nhưng không dưới một phần tư thời gian thực hiện án phạt đang được thi hành.

5.11.6 Tình tiết tăng nặng có thể dẫn tới việc tăng thời gian phạt cấm thi đấu.

Nếu ISSF hoặc Liên đoàn thành viên chứng minh được rằng một cá nhân có hành vi vi phạm Luật chống Doping khác với những điều được ghi trong Điều 5.3.7 (Buôn bán hoặc Cố tình buôn bán) và 5.3.8 (Tàng trữ hoặc Cố tình tàng trữ), có tình tiết tăng nặng có thể bị áp dụng một án phạt cấm thi đấu lớn hơn so với hình thức xử phạt tiêu chuẩn, do đó thời gian phạt cấm thi đấu có thể được áp dụng được tăng lên tối đa là bốn năm, trừ khi VĐV đó hoặc người đó có thể chứng minh một cách hợp lý trước Ban điều trần rằng anh ta hoặc cô ấy không cố ý phạm vi phạm các quy tắc chống Doping.

Một VĐV hoặc người nào đó có thể tránh việc áp dụng Điều này bằng cách thừa nhận hành vi vi phạm quy tắc chống Doping như được khẳng định ngay sau khi được đối chiếu với hệ thống hành vi vi phạm quy tắc chống Doping của ISSF.

5.11.7 Nhiều vi phạm

5.11.7.1 Vi phạm Luật chống Doping lần 2

Đối với một VĐV hoặc người nào đó lần đầu tiên có hành vi vi phạm quy tắc chống Doping, thời gian nhận án phạt cấm thi đấu được trình bày trong các Điều 5.11.2 và

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

5.11.3 (bao gồm cả xóa bỏ, giảm hoặc đình chỉ theo các Điều 5.11.4 và 5.11.5, hoặc tăng theo Điều DC 5.11.6). Đối với một hành vi vi phạm quy tắc chống Doping lần thứ hai, thời gian nhận án phạt cấm thi đấu được đưa ra theo bảng dưới đây:

Vi phạm lần 2 \ Vi phạm lần 1	RS	FFMT	NSF	St	AS	TRA
RS	1-4	2-4	2-4	4-6	8-10	10-hết đời
FFMT	1-4	4-8	4-8	6-8	10-hết đời	Hết đời
NSF	1-4	4-8	4-8	6-8	10-hết đời	Hết đời
St	2-4	6-8	6-8	8-hết đời	Hết đời	Hết đời
AS	4-5	10-hết đời	10-hết đời	Hết đời	Hết đời	Hết đời
TRA	8-hết đời	Hết đời	Hết đời	Hết đời	Hết đời	Hết đời

Định nghĩa cho các mục đích của bảng vi phạm quy tắc chống Doping lần thứ hai:

RS (Giảm hình phạt đối với Chất xác định theo 5.11.4): Các hành vi vi phạm quy tắc chống Doping bị hoặc nên bị xử phạt bởi một án phạt giảm theo Điều 5.11.4 bởi vì nó liên quan đến một chất xác định và các điều kiện khác có thể đáp ứng theo Điều 5.11.4.

FFMT (Thất bại trong việc Nộp hồ sơ và/ hoặc bỏ lỡ buổi kiểm tra): Các hành vi vi phạm quy tắc chống Doping bị hoặc phải bị xử phạt theo 5.11.3.3 (Thất bại Nộp hồ sơ và/ hoặc bỏ lỡ buổi kiểm tra).

NSF (Giảm nhẹ hình phạt do không có lỗi đáng kể hoặc do sơ suất): Các hành vi vi phạm quy tắc chống Doping bị hoặc bị xử phạt bởi một hình phạt được giảm nhẹ theo 5.11.5.2 vì Không có lỗi đáng kể hoặc do sơ suất, đã được chứng minh bởi VĐV theo Điều 5.11.5.2.

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

St (Hình phạt tiêu chuẩn theo các Điều 5.11.2 hoặc 5.11.3.1): Các hành vi vi phạm quy tắc chống Doping bị hoặc cần phải được xử phạt bằng hình thức xử phạt tiêu chuẩn hai năm theo các điều 5.11.2 hoặc 5.11.3.1.

AS (Tăng án phạt): Các hành vi vi phạm quy tắc chống Doping bị hoặc nên bị xử phạt theo hình thức tăng án phạt theo Điều 5.11.6 bởi vì Tổ chức chống Doping đã thành lập các điều kiện quy định như trong Điều 5.11.6.

TRA (Buôn bán hoặc Cố tình buôn bán và Tàng trữ hoặc Cố tình Tàng trữ): Các hành vi vi phạm quy tắc chống Doping bị hoặc nên bị xử phạt theo khung hình phạt đưa ra tại Điều 5.11.3.2.

5.11.7.2 Áp dụng các Điều 5.11.5.3 và 5.11.5.4 cho lần vi phạm thứ hai.

Trong trường hợp một VĐV hoặc một người nào đó vi phạm quy tắc chống Doping lần thứ hai chứng minh được quyền đình chỉ hoặc giảm nhẹ một phần thời gian bị cấm thi đấu theo Điều 5.11.5.3 hoặc 5.11.5.4, Ban điều trần trước tiên sẽ phải xác định thời gian bị cấm thi đấu được áp dụng trong khoảng được đưa ra trong bảng theo Điều 5.11.7.1, và sau đó áp dụng việc đình chỉ hoặc giảm thời gian bị cấm thi đấu theo điều kiện thích hợp. Thời gian còn lại của án phạt cấm thi đấu, sau khi áp dụng bất kỳ hình thức treo, hay giảm án theo 5.11.5.3 và 5.11.5.4, phải là ít nhất một phần tư thời gian bị phạt cấm thi đấu đang được áp dụng.

5.11.7.3 Vi phạm Quy tắc chống Doping lần thứ ba.

Vi phạm quy tắc chống Doping thứ ba sẽ luôn luôn dẫn đến hình phạt cấm thi đấu đến hết đời, ngoại trừ lần vi phạm thứ ba đáp ứng được các điều kiện để xóa bỏ hoặc giảm thời gian cấm thi đấu theo Điều 5.11.5.4 hoặc có liên quan đến một hành vi vi phạm theo Điều 5.3.4 (Nộp hồ sơ thất bại và/ hoặc bỏ lỡ buổi kiểm tra). Trong những trường hợp đặc biệt này, thời gian bị cấm thi đấu sẽ trong khoảng từ tám năm cho đến hết đời.

5.11.7.4 Các quy định bổ sung cho việc có khả năng vi phạm nhiều lỗi

5.11.7.4.1 Đối với mục đích áp đặt lệnh án phạt theo Điều DC 5.11.7, một vi phạm quy tắc chống Doping sẽ chỉ được xem là vi phạm lần thứ hai nếu ISSF hoặc một Liên đoàn

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

thành viên có thể chứng minh được là VĐV đó hoặc người đó nhận được thông báo theo như Điều 5.8 theo bộ luật của ISSF (Kết quả Quản lý), hoặc sau khi ISSF hoặc một Liên đoàn Thành viên cố gắng hết sức để thông báo về hành vi vi phạm quy tắc chống-Doping lần đầu tiên; hoặc nếu ISSF hoặc một Liên đoàn một thành viên không thể chứng minh được điều này, hành vi vi phạm sẽ được xem xét như là hành vi vi phạm lần đầu tiên, và án phạt được áp dụng sẽ dựa trên hành vi vi phạm phải chịu án phạt nặng hơn; tuy nhiên, việc gây ra nhiều hành vi vi phạm có thể được coi là một yếu tố trong việc xác định các tình tiết tăng nặng (5.11.6).

5.11.7.4.2 Nếu, sau khi có quyết định về hành vi vi phạm quy tắc chống Doping lần đầu tiên, ISSF hoặc một Liên đoàn một thành viên phát hiện ra một sự vi phạm quy tắc chống Doping của một VĐV hoặc một người nào đó xảy ra trước khi có thông báo về việc vi phạm lần đầu tiên, ISSF hoặc một Liên đoàn Thành viên có trách nhiệm áp dụng xử phạt bổ sung dựa trên hình thức xử phạt có thể được áp dụng cho hai hành vi vi phạm được xét xử cùng một lúc. Kết quả trong tất cả các sự kiện thi đấu tính từ thời điểm đó ngược trở lại đến trước khi có hành vi vi phạm quy tắc chống Doping sẽ không được công nhận theo quy định tại Điều 5.11.8. Để tránh khả năng của một phát hiện tình tiết tăng nặng (5.11.8) theo kiểu đã vi phạm trước đó nhưng sau đó mới phát hiện, VĐV đó hoặc người nào đó phải tự nguyện thừa nhận hành vi vi phạm quy tắc chống Doping trước đây đồng thời thông báo vi phạm mà anh ta/ cô ta phải chịu trách nhiệm. Quy tắc tương tự cũng được áp dụng khi ISSF hoặc một Liên đoàn thành viên phát hiện ra sự thật có liên quan đến một hành vi vi phạm khác sau khi có quyết định về hành vi vi phạm quy tắc chống Doping lần thứ hai.

5.11.7.4.3 Vi phạm nhiều quy tắc chống Doping nhiều lần trong 8 năm

Theo Điều 5.11.7, trong khoảng thời gian tám năm có hơn một hành vi vi phạm quy tắc chống Doping, nếu không sẽ được coi là vi phạm nhiều lần.

5.11.7.5 Không công nhận kết quả thi đấu trong những sự kiện xảy ra sau khi thu thập mẫu máu hoặc sau khi vi phạm một quy định chống Doping

Ngoài việc tự động không công nhận kết quả thi đấu với những mẫu máu có kết luận dương tính theo Điều 9 (Tự động hủy các kết quả thi đấu cá nhân), tất cả các kết quả thi

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

đấu khác dành được tính từ ngày mẫu máu dương tính đó được thu thập (cho dù là trong khi thi đấu hoặc ngoài lúc thi đấu). Hoặc hành vi vi phạm quy tắc chống Doping khác đã xảy ra, thông qua việc bắt đầu bất kỳ án Đình chỉ tạm thời hoặc cấm thi đấu nào, trừ khi sự công bằng đòi hỏi nếu không bất kỳ huy chương, điểm thưởng và giải thưởng sẽ bị tước hết.

5.11.7.5.1 Được coi là một điều kiện để có thể quay trở lại thi đấu sau khi đã có hành vi vi phạm các quy tắc chống Doping, VĐV phải trả lại tất cả các khoản tiền thưởng theo quy định tại Điều này.

5.11.7.5.2 Tiền thưởng được thu hồi đầu tiên sẽ dùng để hoàn trả những chi phí trong quá trình thu thập mà ISSF hay bất cứ Tổ chức chống Doping nào đã phải chi ra để tiến hành các bước cần thiết trong quá trình thu hồi tiền thưởng, sau đó sẽ được dùng cho những chi phí phát sinh mà ISSF hay một tổ chức chống Doping có trách nhiệm thực hiện quá trình quản lý kết quả phải thực hiện, và để cho công bằng, sẽ được chia cho các VĐV khác.

5.11.7.6 Thời điểm bắt đầu thực hiện án phạt cấm thi đấu

Trừ trường hợp được nêu ra dưới đây, thời gian bị cấm thi đấu sẽ bắt đầu vào ngày công bố quyết định cấm thi đấu đối với VĐV đó, hoặc nếu ngày công bố quyết định được miễn, ngày bị cấm thi đấu sẽ được chấp nhận hoặc áp đặt. Nếu có bất cứ sự đình chỉ tạm thời nào (cho dù là áp đặt hoặc tự nguyện chấp nhận) thì sẽ được trừ vào tổng thời gian bị cấm thi đấu.

5.11.7.6.1 Những trì hoãn không được gây ra bởi VĐV hay người vi phạm.

Trong trường hợp có sự chậm trễ đáng kể trong quá trình điều trần hoặc các khía cạnh khác của việc kiểm soát Doping mà lại không do VĐV hoặc người vi phạm gây ra, Ủy ban kỷ luật có thể bắt đầu giai đoạn cấm thi đấu sớm hơn một ngày so với ngày bắt đầu sưu tập mẫu máu hoặc là ngày cuối cùng xảy ra hành vi vi phạm quy tắc chống Doping.

5.11.7.6.2 Kịp thời thừa nhận hành vi vi phạm

Trường hợp VĐV kịp thời (có nghĩa là trước khi VĐV thi đấu giải đấu/ trận đấu tiếp theo) thừa nhận hành vi vi phạm quy tắc chống Doping sau khi phải đối mặt với những ki

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

kiểm tra hành vi vi phạm quy tắc chống Doping của ISSF, thời gian bị cấm thi đấu có thể bắt đầu chính vào ngày mẫu máu được thu thập hoặc ngày mà sự kiện vi phạm quy tắc chống Doping xảy ra gần nhất. Tuy nhiên trong mỗi trường hợp Điều này được áp dụng, thì VĐV sẽ phải nhận ít nhất một nửa thời gian bị phạt cấm thi đấu tính về sau, kể từ ngày VĐV chấp nhận việc áp dụng xử phạt hay kể từ ngày quyết định điều trần áp dụng hình thức xử phạt hoặc ngày xử phạt khác được áp dụng.

5.11.7.6.3 Nếu có một án phạt đình chỉ tạm thời được áp dụng và được tôn trọng bởi VĐV thì sau đó VĐV được trừ vào tổng thời gian bị cấm thi đấu được áp dụng cuối cùng.

5.11.7.6.4 Nếu một VĐV tự nguyện chấp nhận án đình chỉ tạm thời bằng văn bản từ ISSF và sau đó còn hạn chế tham gia thi đấu, VĐV đó sẽ được trừ vào tổng thời gian bị cấm thi đấu với lý do chấp nhận đình chỉ một cách tự nguyện. Một bản sao của việc VĐV tự nguyện chấp nhận một án đình chỉ tạm thời sẽ được cung cấp kịp thời cho mỗi bên có quyền nhận được thông báo của một hành vi vi phạm quy tắc chống Doping tiềm ẩn dựa theo các điều trong bộ luật của ISSF.

5.11.7.6.5 Sẽ không có một sự giảm trừ thời gian cấm thi đấu nào được thực hiện trong bất cứ giai đoạn nào trước ngày có hiệu lực của việc đình chỉ tạm thời hoặc đình chỉ tạm thời tự nguyện, không phân biệt liệu VĐV đó được chọn để không được thi đấu hay bị bắt buộc không được thi đấu bởi Liên đoàn quản lý của anh ta/ cô ta.

5.11.7.7 Tình trạng trong thời gian bị cấm thi đấu

5.11.7.7.1 Không một VĐV hay người vi phạm nào đã được tuyên bố là không đủ điều kiện thi đấu lại có thể tham gia vào bất cứ cuộc thi hay hoạt động nào được quản lý hoặc tổ chức bởi ISSF hoặc bất cứ Liên đoàn thành viên nào hay các câu lạc bộ trong thời gian vẫn phải chịu án phạt (ngoại trừ hoạt động giáo dục chống Doping hay những hoạt động nằm trong chương trình phục hồi chức năng). VĐV đó cũng không được tham gia vào bất cứ giải đấu chuyên nghiệp nào, ở cả cấp quốc gia và quốc tế.

5.11.7.7.2 Một VĐV hoặc một người vi phạm phải chịu án phạt lâu hơn 4 năm có thể (sau khi hoàn thành án phạt 4 năm) tham gia vào các giải đấu địa phương trong những

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

môn thể thao không thuộc thẩm quyền xem xét của ISSF hoặc các Liên đoàn thành viên; nhưng chỉ trong trường hợp sự kiện thể thao địa phương đó không thuộc mức độ cho phép VĐV đó hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào một sự kiện thể thao cấp quốc gia hoặc quốc tế.

5.11.7.7.3 Một VĐV hoặc một người vi phạm đang trong thời gian nhận án phạt vẫn phải tham gia các kì kiểm tra Doping.

5.11.7.7.4 Khi một VĐV đã bị tuyên bố là bị cấm thi đấu nhưng lại vi phạm lệnh cấm thi đấu đó trong thời gian đang thực hiện án phạt như đã nói ở trên thì kết quả của lần tham gia thi đấu đó sẽ không được công nhận và thời gian bị cấm thi đấu sẽ được bắt đầu tính lại tính từ thời điểm vi phạm. Thời gian phải thực hiện án phạt có thể sẽ được giảm xuống theo điều 5.11.5.2 nếu VĐV hoặc người vi phạm đó chứng minh được rằng anh ta/ cô ta không vi phạm một lỗi đáng kể hoặc phạm lỗi do sơ suất đối với lệnh cấm thi đấu. Việc xác định liệu một VĐV đã vi phạm lệnh cấm tham gia thi đấu và liệu một án giảm theo quy định tại Điều 5.11.5.2 có thích hợp hay không sẽ thuộc thẩm quyền của ISSF.

5.11.7.7.5 Ngoài ra, đối với bất kì hành vi vi phạm quy tắc chống Doping không bao gồm việc giảm án phạt do những chất quy định, một số hoặc tất cả các hỗ trợ tài chính có liên quan đến môn Bắn súng hoặc những lợi ích có liên quan đến môn Bắn súng mà VĐV đã được nhận sẽ bị khấu trừ bởi ISSF và / hoặc Liên đoàn thành viên.

5.11.8 Kiểm tra phục hồi

Được coi như điều kiện phục hồi quyền thi đấu sau khi kết thúc một giai đoạn bị cấm thi đấu, một VĐV trong suốt giai đoạn bị cấm thi đấu hoặc bị đình chỉ tạm thời sẽ luôn phải ở trong trạng thái sẵn sàng cho những cuộc kiểm tra Ngoài-lúc-thi-đấu được tổ chức bởi Tổ chức chống Doping có thẩm quyền kiểm tra và VĐV đó cũng phải (nếu được yêu cầu) cung cấp những thông tin hiện tại và chính xác về bản thân như trong điều 5.3.4 quy định.

Nếu một VĐV đang trong giai đoạn phải chịu án phạt mà lại tuyên bố giải nghệ và không tham gia các kì kiểm tra Doping Ngoài-lúc-thi-đấu rồi sau đó lại quay lại thi đấu thì VĐV đó vẫn không được thi đấu cho đến khi anh ta/ cô ta thông báo cho ISSF và Liên đoàn

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

thành viên mà anh ta/ cô ta thuộc về và lại phải chịu những kì kiểm tra Doping Ngoài-lúc-thi-đấu trong một thời gian dài bằng thời gian bị cấm thi đấu mà anh ta/ cô ta đáng ra phải thực hiện trước khi giải nghệ.

5.11.8.1 Trong thời gian còn lại của lệnh cấm thi đấu, tối thiểu là hai (2) kì kiểm tra phải được tiến hành với VĐV với ít nhất ba (3) tháng giữa mỗi bài kiểm tra. Liên đoàn thành viên phải chịu trách nhiệm tiến hành các xét nghiệm cần thiết, nhưng những kì kiểm tra được tổ chức bởi bất kỳ Tổ chức chống Doping nào có thể được sử dụng để đáp ứng yêu cầu. Các kết quả xét nghiệm như vậy phải được báo cáo ISSF. Một khi án phạt bị cấm thi đấu kết thúc và VĐV đã hoàn thành các điều kiện phục hồi thì anh ta/ cô ta sẽ được coi như là tự động được phép thi đấu trở lại mà không cần tuyên bố áp dụng của VĐV đó hay Liên đoàn thành viên.

5.12. Hình phạt cho đội

Nếu một thành viên của một nhóm bị phát hiện là đã có một hành vi vi phạm Luật chống Doping trong một cuộc thi thì đội đó sẽ không được công nhận kết quả thi đấu trong cuộc thi hoặc sự kiện đó và tất cả các thứ tự xếp hạng các đội sẽ phải được điều chỉnh theo quyết định không công nhận này.

5.13 Hình phạt và chi phí dành cho các Liên đoàn thành viên và những người khác.

5.13.1 ISSF có thẩm quyền để chấm dứt một số hoặc tất cả các nguồn tài trợ hoặc những hỗ trợ phi tài chính khác đối với các Liên đoàn thành viên không đáp ứng được Luật chống Doping được đưa ra bởi ISSF.

5.13.2 Các Liên đoàn thành viên sẽ có nghĩa vụ hoàn trả cho ISSF tất cả các chi phí (bao gồm nhưng không giới hạn lệ phí phòng thí nghiệm, chi phí điều trần và đi lại) liên quan đến một hành vi vi phạm Luật chống Doping bị gây ra bởi một Liên đoàn thành viên, một VĐV hay một người nào đó trực thuộc quyền quản lý của Liên đoàn thành viên đó.

5.13.3 Bất cứ thất bại của các Liên đoàn thành viên trong hợp tác với ISSF trong các vấn đề liên quan đến việc kiểm tra, quản lý kết quả, và tất cả các thủ tục cần thiết khác theo yêu cầu của các Quy tắc, Luật, và tất cả các tiêu chuẩn quốc tế có thể, theo quy định của Điều 1.3.15 của bộ luật của ISSF, dẫn đến việc đình chỉ tư cách thành viên

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

của Liên đoàn thành viên bởi sự đình chỉ này là do sự thiếu khả năng của Liên đoàn thành viên khi tham gia vào các sự kiện thi đấu quốc tế.

Quỳnh Nga biên dịch

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA CÔNG TÁC CHỐNG DOPING CỦA LIÊN ĐOÀN CỬ TẠ QUỐC TẾ (IPF)

* * *

Bộ luật chống Doping được áp dụng đối với IPF, các liên đoàn quốc gia của IPF và những người tham dự các hoạt động của IPF hoặc bất cứ liên đoàn quốc gia nào tham gia IPF hoặc các sự kiện.

Để có tư cách tham gia vào các sự kiện IPF, mỗi vận động viên phải có một giấy phép IPF do liên đoàn quốc gia của họ phát hành. Mỗi giấy phép IPF chỉ được phát hành cho vận động viên đã đăng ký thông tin cá nhân theo thể thức ở phụ lục 2, do Ban Điều hành IPF phê chuẩn. Các trường hợp đăng ký của vị thành niên sẽ bị cơ quan có thẩm quyền trả lại.

Liên đoàn quốc gia đảm bảo tất cả VĐV được cấp giấy phép IPF phải tuân thủ luật IPF trong đó có luật chống Doping. Trách nhiệm của các liên đoàn quốc gia là bảo đảm tất cả vận động viên cấp quốc gia phải tuân thủ luật chống Doping. ở một vài đất nước, liên đoàn quốc gia kiểm soát Doping theo luật chống Doping này. một số nước khác, việc giao phó hoặc phân công trách nhiệm kiểm soát Doping của liên đoàn quốc gia tuân theo thỏa thuận hoặc quy chế của tổ chức chống Doping quốc gia. Tại đó, việc vi phạm luật chống Doping của liên đoàn quốc gia cũng sẽ áp dụng đối với tổ chức chống Doping quốc gia.

Luật chống Doping này sẽ áp dụng quyền kiểm soát Doping đối với IPF và Liên đoàn quốc gia trực thuộc

DANH MỤC CÁC CHẤT BỊ CẤM

4.1 Sự kết hợp với Danh mục các chất cấm: Luật chống Doping cùng với danh mục các chất cấm được WADA phát hành và xét duyệt theo điều 4.1. IPF sẽ lập ra danh mục cho các liên đoàn quốc gia và các liên đoàn này đảm bảo thi hành đối với các thành viên.

(Điều 4.1: Danh mục các chất cấm sẽ được xét duyệt và phát hành hàng năm. Danh mục có hiệu lực được đăng trên trang web WADA: www.wada-ama.org. Danh mục này là một phần không thể thiếu của hiệp định chống Doping quốc tế.)

4.2 Các chất và biện pháp bị cấm trong danh mục

4.2.1 Các chất và biện pháp bị cấm

Trừ khi có các ngoại lệ danh mục chất cấm, danh mục các chất cấm (danh mục sửa đổi) sẽ có hiệu lực thi hành theo luật chống Doping 3 tháng sau khi WADA ban hành mà không cần thông qua IPF. Theo mô tả tại điều 4.2, IPF có thể thông qua ủy ban phòng chống Doping yêu cầu WADA mở rộng danh mục chất cấm cũng như quy định thêm các chất và biện pháp có khả năng bị lạm dụng trong các môn thể thao cơ bắp, với chương trình kiểm tra theo điều 4.5. Theo quy định của bộ luật, WADA sẽ ra quyết định cuối cùng dựa vào yêu cầu của IPF.

(theo điều 4.2.1: sẽ có 1 danh mục chất bị cấm mọi thời điểm kể cả các chất khó nhận biết và các chất đồng hóa được sử dụng trong khi tập luyện có tác dụng nâng cao thành tích thi đấu trong thời kỳ dài. Tất cả các chất và biện pháp trong danh mục đều bị cấm trong quá trình thi đấu. Việc sử dụng chất cấm bên ngoài cuộc thi (điều 2.2) không bị coi là vi phạm luật chống Doping trừ khi có sự hiện diện của chất hoặc biện pháp bị cấm trong mẫu thử thu thập trong quá trình thi đấu (2.1)

Sẽ chỉ có một danh mục chất cấm. WADA có thể đưa thêm các chất hoặc biện pháp vào danh mục đối với những môn thể thao đặc biệt, (như beta-blocker đối với bắn súng) và sẽ được quy định trong danh mục riêng. Tuy nhiên môn thể thao đó vẫn phải tuân thủ đầy đủ danh sách cơ bản. (chất đồng hóa trong danh sách chất cấm của các môn thể thao trí tuệ).

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

4.2.2 Các chất đặc biệt: Để áp dụng điều 10 (án phạt cá nhân), tất cả các chất bị cấm sẽ là “chất đặc biệt” trừ các chất (a) thuộc loại chất đồng hóa và hooc-mon; và chất kích thích và hoocmon tăng trưởng có mặt trong danh mục. Các biện pháp bị cấm không phải là các chất đặc biệt.

4.2.3 Các chất bị cấm mới

Khi WADA mở rộng danh mục chất cấm bằng cách thêm các chất mới theo điều 4.1, Ban Điều hành WADA sẽ xem xét có chất nào trong số các chất mới là chất đặc biệt theo điểm 4.2.2 không.

4.4 Sử dụng chất bị cấm trong điều trị

4.4.1 Vận động viên muốn sử dụng các chất hoặc biện pháp bị cấm để điều trị trước tiên phải có một Giấy điều trị miễn giảm (TUE). Sự hiện diện của các chất bị cấm hoặc chất chuyển hóa hoặc người sử dụng, sử dụng hoặc cố gắng sử dụng các chất hoặc biện pháp bị cấm, sở hữu các chất hoặc biện pháp bị cấm hoặc quản lý chúng phù hợp với các điều khoản của TUE đã phát hành theo tiêu chuẩn quốc tế về quyền miễn trừ khi chữa bệnh sẽ không bị coi là vi phạm luật chống Doping.

4.4.2 VĐV tham gia vào một sự kiện quốc tế do IPF chỉ định phải có 1 TUE của IPF hoặc tổ chức chống Doping quốc gia. IPF sẽ không công nhận TUE từ bộ phận TUE của liên đoàn quốc gia hoặc tổ chức liên đoàn quốc gia tương đương. IPF chỉ công nhận TUE NADO (Giấy chứng nhận miễn giảm cấp quốc gia) cho các VĐV đẳng cấp quốc tế, trừ khi VĐV được IPF đưa vào diện kiểm tra (RTP) phải có 1 TUE của IPF (không phụ thuộc vào việc VĐV thuộc RTP IPF đã nhận được TUE ở cấp độ quốc gia hay chưa). Đăng ký nhận TUE phải được thực hiện sớm nhất có thể và trong bất cứ sự kiện nào (để an toàn các tình huống khẩn cấp) không muộn hơn 30 ngày trước khi VĐV được phê chuẩn (ví dụ như là 1 sự kiện). Tổ chức chống Doping quốc gia sẽ thông báo TUE nào cho IPF và WADA. TUE được công nhận bởi IPF sẽ được báo cáo ngay cho Tổ chức chống Doping quốc gia và WADA

Tất cả VĐV thuộc 1 liên đoàn quốc gia sẽ là đối tượng được IPF, liên đoàn quốc gia và bất cứ tổ chức chống Doping nào kiểm tra trong một cuộc thi hay sự kiện mà họ tham

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

gia. Tất cả VĐV thuộc liên đoàn quốc gia kể cả VĐV không chính thức hoặc đang tạm thời nghỉ thi đấu cũng sẽ là đối tượng bị kiểm tra vào bất cứ lúc nào hoặc nơi nào, có hoặc không có thông báo trước của WADA, IPF, liên đoàn quốc gia, tổ chức chống Doping quốc gia của đất nước nơi mà VĐV có mặt (IOC và IPC).

4.4.2.1 tất cả glucocorticosteroids bị cấm khi sử dụng qua đường miệng, tĩnh mạch, cơ hay đường ruột.

4.4.3 Ban Điều hành IPF sẽ chỉ định 1 nhóm bác sỹ để xem xét yêu cầu của TUE (“Ban TUE). Chủ tịch hội đồng y khoa IPF cũng sẽ là Trưởng ban TUE. Khi nhận được yêu cầu TUE, Trưởng ban TUE sẽ chỉ định từ 1 thành viên TUE trở lên (kể cả chủ tịch) để xem xét yêu cầu này. Thành viên TUE được chỉ định sẽ đánh giá ngay các yêu cầu theo tiêu chuẩn quốc tế về mục đích chữa bệnh và đưa ra quyết định, và đây sẽ là quyết định cuối cùng của IPF trong trường hợp ban TUE xem xét yêu cầu TUE.

4.4.4 WADA, yêu cầu của vận động viên hay do chính họ đề xướng, có thể xem xét công nhận hay phủ nhận bất cứ TUE nào bởi IPF hay NADO. Nếu WADA quyết định công nhận hay phủ nhận 1 TUE không tuân theo tiêu chuẩn quốc tế về sử dụng thuốc chữa bệnh thì WADA có thể thay đổi quyết định.

4.4.5 thành viên của ban TUE và quản lý của tổ chức chống Doping liên quan sẽ quản lý tất cả các hoạt động của họ 1 cách bí mật. Tất cả thành viên của ban TUE và tất cả nhân viên liên quan sẽ ký các thỏa thuận đáng tin cậy. Đặc biệt họ sẽ giữ bí mật những thông tin sau:

- a. tất cả các thông tin và dữ liệu y khoa do vận động viên và bác sỹ cung cấp liên quan đến việc chăm sóc vận động viên.
- b. Toàn bộ đơn chi tiết gồm tên bác sỹ liên quan đến quá trình khám chữa bệnh.

Một VĐV đã nghỉ thi đấu sẽ không được thi đấu trở lại trừ khi họ thông báo cho IPF ít nhất 6 tháng trước khi trở lại thi đấu và đã kiểm tra ngoài thi đấu, kể cả (nếu được yêu cầu) đáp ứng tiêu chuẩn kiểm tra quốc tế, bất cứ lúc nào trước khi thực sự trở lại thi đấu.

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

IPF sẽ chỉ gửi mẫu thử Doping đi phân tích ở các phòng thí nghiệm chính thức của WADA hoặc các cơ sở được WADA chấp thuận. IPF sẽ quyết định lựa chọn nơi phân tích mẫu. Mọi chi phí phát sinh cho việc thử Doping, cả trong và ngoài cuộc thi, sẽ do IPF chịu nếu IPF đề xướng. Các chi phí này sẽ gồm cả chi phí cho nhân viên kiểm soát Doping (DCO) và các trợ lý do cơ quan kiểm tra độc lập cung cấp để giúp đỡ DCO thu thập mẫu thử, chi phí trang thiết bị, vận chuyển mẫu đến phòng thí nghiệm WADA và chi phí mẫu phân tích nếu phù hợp với xét nghiệm

Hình thức xử phạt cá nhân khi vi phạm luật chống Doping

10.1 1 vi phạm xảy ra trong hoặc liên quan tới 1 sự kiện thì VĐV đó sẽ bị truất quyền thi đấu, tước huy chương, danh hiệu và giải thưởng trừ khi có những điều kiện tại điểm 10.1.1

(theo điểm 10.1.1: Cấm thi đấu trong 1 trận đấu nếu kết quả phân tích dương tính, điều này sẽ dẫn tới là VĐV đó có thể bị cấm thi đấu tất cả các cuộc thi của sự kiện đó. Các yếu tố để xem xét trách nhiệm là mức độ nghiêm trọng của vi phạm và kết quả âm tính trong cuộc thi khác.)

Không đủ tư cách tham gia, sử dụng hoặc thử sử dụng, sở hữu các chất và biện pháp bị cấm

10.2 Mức phạt cho việc vi phạm các vấn đề sau: có sự hiện diện các chất bị cấm và các chất chuyển hóa; sử dụng hoặc thử sử dụng các chất và phương pháp bị cấm; tàng trữ các chất và biện pháp bị cấm, trừ các trường hợp được miễn hoặc giảm thời gian cấm thi đấu, được quy định tại điểm 10.4 và 10.5, hay bị tăng thời gian cấm thi đấu theo điều 10.6, là 2 năm cho lần vi phạm đầu tiên.

Mức phạt khi vi phạm các vấn đề như: từ chối hoặc không cung cấp mẫu thử; can thiệp vào kiểm soát Doping sẽ cấm thi đấu 2 năm trừ trường hợp quy định tại điểm 10.5 hoặc 10.6.

Vi phạm việc: Mua bán và tàng trữ chất và biện pháp bị cấm, thời gian cấm thi đấu ít nhất là 4 năm đến vĩnh viễn trừ các trường hợp quy định tại điểm 10.5. Vi phạm của trẻ vị thành niên sẽ được coi là vi phạm đặc biệt nghiêm trọng và nếu người quản lý vận động

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

viên cam kết vi phạm ngoài các chất đặc biệt thì án phạt là cấm hoạt động vĩnh viễn đối với người quản lý vận động viên. Hơn nữa, những vi phạm nghiêm trọng không thuộc luật và lĩnh vực thể thao sẽ được thông báo cho các cơ quan pháp luật có thẩm quyền.

10.3.3. Đối với vi phạm từ chối hay không chấp hành kiểm tra, thời gian cấm thi đấu ít nhất là 1 năm và nhiều nhất là 2 năm tùy theo mức độ lỗi.

10.4. Sự miễn trừ hoặc giảm thời gian cấm thi đấu đối với việc sử dụng các chất đặc biệt trong các trường hợp đặc biệt.

Khi một vận động viên hoặc cá nhân khác đã đưa một chất đặc biệt vào cơ thể hoặc sở hữu chúng mà không nhằm để nâng cao thành tích thể thao hoặc che giấu việc sử dụng các chất nâng cao thành tích, thời gian cấm thi đấu theo điểm 10.2 sẽ được thay thế như sau:

Vi phạm lần đầu: nhẹ nhất là khiển trách và không bị cấm thi đấu và tối đa là 2 năm.

10.5. Để được miễn hoặc giảm thời hạn, vận động viên phải đưa ra những lý lẽ để thuyết phục ban xét xử rằng họ không cố ý che giấu việc sử dụng hay không nhằm mục đích nâng cao thành tích. Mức độ lỗi của vận động viên là căn cứ xem xét để quyết định có miễn giảm thời gian cấm thi đấu hay không.

10.6. Các trường hợp nghiêm trọng bị tăng thời gian cấm thi đấu

Nếu IPF đưa ra 1 trường hợp vi phạm luật chống Doping khác với vi phạm cung cấp và tàng trữ mà có tình tiết tăng nặng thì thời gian cấm thi đấu sẽ lâu hơn bình thường, mức cao nhất lên tới 4 năm trừ khi vận động viên chứng minh được là họ không cố ý vi phạm.

Một VĐV có thể không bị áp dụng điều này nếu thú nhận ngay sau khi IPF phát hiện vi phạm.

Hình thức xử phạt khi vi phạm luật chống Doping lần 2

Thời gian cấm thi đấu được quy định tại điểm 10.2 và 10.3 đối với vận động viên hoặc cá nhân khác vi phạm lần đầu, (việc miễn, giảm hay đình chỉ theo điểm 10.4 hoặc 10.5 hoặc

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

tăng nặng theo điểm 10.6). Đối với vi phạm lần 2, thời gian cấm thi đấu được quy định theo bảng dưới đây:

Vi phạm lần 2 / Vi phạm lần đầu	RS	FFMT	NSF	St	AS	TRA
RS	1-4	2-4	2-4	4-6	8-10	10-năm
FFMT	1-4	4-8	4-8	6-8	10-năm	Cả đời
NSF	1-4	4-8	4-8	6-8	10-năm	Cả đời
St	2-4	6-8	6-8	8 năm	Cả đời	Cả đời
AS	4-5	10-năm	10-năm	Cả đời	Cả đời	Cả đời
TRA	8 năm	Cả đời	Cả đời	Cả đời	Cả đời	Cả đời

Giải thích:

RS (Giảm nhẹ án phạt đối với các chất đặc biệt theo điều 10.4): án phạt vi phạm luật chống Doping sẽ được giảm nhẹ nếu sử dụng 1 chất đặc biệt và có các điều kiện khác theo điểm 10.4.

FFMT (từ chối hoặc không đi kiểm tra): vi phạm luật chống Doping sẽ bị trừng phạt theo điểm 10.3.3

NSF (giảm nhẹ đối với lỗi không nghiêm trọng hoặc không cố ý): án phạt vi phạm luật chống Doping được giảm nhẹ nếu vận động viên chứng minh được lỗi của họ không nghiêm trọng hoặc không cố ý.

St (án phạt tiêu chuẩn theo điểm 10.2 hoặc 10.3.1): án phạt tiêu chuẩn vi phạm luật chống Doping là 2 năm theo điểm 10.2 hoặc 10.3.1

AS (tăng nặng): án phạt vi phạm luật chống Doping bị tăng nặng theo điểm 10.6 nếu tổ chức chống Doping đã đưa ra các tình tiết áp dụng theo điểm 10.6

TRA (Mua bán và tàng trữ chất cấm và biện pháp cấm): vi phạm luật chống Doping sẽ bị trừng phạt theo điểm 10.3.2

Vi phạm lần 3:

Người vi phạm lần 3 sẽ luôn luôn bị cấm thi đấu vĩnh viễn, trừ khi có các điều kiện miễn hoặc giảm thời hạn theo điểm 10.4. Riêng đối với trường hợp từ chối hoặc không đi kiểm tra, thời hạn cấm thi đấu là từ 8 năm đến suốt đời.

Án phạt đối với huấn luyện viên hoặc phụ tá của vận động viên hoặc cá nhân khác bị án treo

huấn luyện viên hoặc phụ tá có vận động viên bị cấm thi đấu do vi phạm luật chống Doping sẽ không được huấn luyện bất kỳ vận động viên nào tham gia thi đấu. Án phạt đối với huấn luyện viên hay phụ tá có vận động viên bị cấm thi đấu: cấm huấn luyện 6 tháng kể từ ngày vi phạm

Hình thức xử phạt đồng đội khi vi phạm Luật chống Doping

11.1 Nếu một thành viên của đội tuyển bị phát hiện đã vi phạm luật chống Doping trong quá trình diễn ra sự kiện, thì thành viên đó sẽ phải chịu hình thức xử phạt theo hình thức xử phạt cá nhân vi phạm.

11.1.1 Nếu hai thành viên trở lên của một đội tuyển quốc gia vi phạm luật chống Doping tại 1 sự kiện thể thao, đội tuyển đó sẽ loại ra khỏi cuộc thi.

Một liên đoàn quốc gia sẽ bắt buộc phải hoàn trả cho IPF mọi chi phí (trừ phí xét nghiệm, xét xử và di chuyển) liên quan tới vụ vi phạm của vận động viên thuộc liên đoàn đó.

IPF có thể áp dụng thêm các biện pháp kỷ luật đối với liên đoàn quốc gia cũng như đối với các quan chức và vận động viên tham dự các sự kiện quốc tế như sau:

12.3.1 Nếu có từ 4 vi phạm luật chống Doping (Có vi phạm Mua bán, tàng trữ chất và biện pháp cấm) trở lên của VĐV hoặc cá nhân khác thuộc liên đoàn quốc gia trong vòng 12 tháng do IPF hoặc tổ chức chống Doping khác ngoài liên đoàn quốc gia và tổ chức chống Doping quốc gia kiểm tra và phát hiện, IPF sẽ quyết định:

a) cấm tất cả nhân viên của liên đoàn quốc gia tham dự bất kỳ hoạt động nào của IPF trong vòng 2 năm.

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

b) tiền phạt liên đoàn quốc gia lên tới 5.000 Euro

12.3.1.1 nếu có từ 4 vi phạm trở lên (Không có vi phạm Mua bán, tàng trữ chất và biện pháp cấm) ngoài các vi phạm được mô tả ở điểm 12.3.1 của VĐV hoặc cá nhân khác của 1 liên đoàn quốc gia trong vòng 12 tháng do IPF hoặc các tổ chức chống Doping ngoài liên đoàn quốc gia hoặc tổ chức chống Doping quốc gia kiểm tra và phát hiện, thì IPF sẽ đình chỉ công tác của các thành viên liên đoàn quốc gia trong vòng 4 năm.

12.3.2 nếu có từ một VĐV hoặc cá nhân khác trở lên của 1 liên đoàn quốc gia vi phạm luật chống Doping tại 1 sự kiện quốc tế thì IPF sẽ phạt liên đoàn quốc gia đó 1 khoản tiền lên tới 1500 EUR cho mỗi vi phạm.

12.3.3 1 liên đoàn quốc gia không thông báo cho IPF về nơi ở của VĐV sau khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin của IPF, sẽ bị phạt 1000 EUR cho mỗi VĐV không kê toàn bộ chi phí cho việc xét nghiệm.

Hồng Hạnh biên dịch

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA CÔNG TÁC CHỐNG DOPING CỦA LIÊN ĐOÀN THỂ HÌNH QUỐC TẾ (IFBB)

*** * ***

Bất cứ cá nhân không phải là thành viên của Liên đoàn quốc gia nhưng đủ điều kiện tham gia vào test thử nghiệm doping của Liên đoàn thể dục thể hình quốc tế (IFBB), phải thực hiện đầy đủ bài test ít nhất là 6 tháng trước khi tham dự Giải quốc gia hoặc quốc tế.

Đề đủ tư cách tham gia vào các sự kiện của IFBB, VĐV phải có chứng chỉ của IFBB, được cấp bởi Liên đoàn quốc gia. Chứng chỉ của IFBB chỉ được cấp cho những VĐV ký vào mẫu đơn do Tổ chức hành pháp của IFBB đưa ra. Đối với những VĐV ở độ tuổi vị thành niên thì phải được người bảo hộ hợp pháp ký. Liên đoàn quốc gia phải đảm bảo

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

rằng tất cả các VĐV đã đăng ký cấp chứng chỉ của IFBB phải chấp thuận những điều luật của IFBB, bao gồm cả luật chống doping của IFBB. Trách nhiệm của các Liên đoàn quốc gia là đảm bảo chắc rằng tất cả các bài test mà các VĐV của liên đoàn mình hoàn thành phải tuân theo đúng Luật chống doping. Ở một số quốc gia, Liên đoàn sẽ tự mình quản lý việc kiểm soát doping theo Luật chống doping. Còn Ở một số quốc gia khác, trách nhiệm về việc kiểm soát doping của Liên đoàn quốc gia sẽ được phân công và uỷ quyền từ tổ chức chống doping quốc gia. Tại những quốc gia này, những danh mục của Luật chống doping được liên đoàn phổ biến cho tổ chức kiểm soát doping quốc gia và được áp dụng một cách thích hợp. Luật chống doping được áp dụng với tất cả các việc kiểm soát doping mà IFBB và liên đoàn quốc gia này có quyền.

IFBB công khai những Quy định và bảng danh sách cấm trong Luật chống doping, được công bố và sửa đổi bởi Tổ chức chống Doping thế giới (WADA). IFBB và các Liên đoàn hội viên đảm bảo rằng danh sách cấm được công bố trên trang web của WADA (www.wada-ama.org), và được cung cấp đầy đủ cho các VĐV và các thành viên khác. Trừ những quy định và những sửa đổi mới trong danh sách cấm, và danh sách này sẽ có hiệu lực sau 3 tính từ khi công bố trong danh mục cấm bởi WADA mà không có bất cứ phản ứng trái chiều nào từ IFBB hoặc Liên đoàn hội viên.

Chất và phương pháp cấm trong danh sách sẽ xác định được các chất và phương pháp bị cấm ở tất cả những lần tham gia thi đấu và không tham gia thi đấu. Có thể IFBB đưa ra kiến nghị với Ủy ban Y tế yêu cầu WADA mở rộng danh sách cấm đối với môn Thể hình, thể hình cơ bản và thể dục thẩm mỹ. Cũng có yêu cầu WADA bổ sung thêm các chất và phương pháp có khả năng lạm dụng cao trong môn Thể hình, thể hình cơ bản và thể dục thẩm mỹ. Theo quy định của Luật, WADA có trách nhiệm đưa ra quyết định cuối cùng về những yêu cầu của IFBB.

Tất cả các chất cấm được gọi là “các chất quy định” trừ các chất trong tác nhân đồng hoá và hóc môn đồng hoá; các chất kích thích và hooc-môn đối kháng nội tiết tố và bộ điều biến để xác định hạng mục danh sách cấm. Các phương pháp cấm không sử dụng các chất quy định.

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

WADA mở rộng danh sách cấm bằng việc thêm các chất bị cấm mới theo quy định của Bộ luật, Ban chấp hành WADA có trách nhiệm xác định xem bất kỳ hoặc tất cả các chất bị cấm trong loạt chất cấm mới có đúng theo quy định của Luật hay không.

Trong luật đã nêu, việc xác định của WADA về các chất và phương pháp cấm sẽ có trong danh sách và việc phân loại các chất thành từng loại trong danh sách cấm.

Sự có mặt của chất cấm hoặc những chất chuyển hoá của nó, việc sử dụng hoặc thử sử dụng các chất hoặc phương pháp cấm, sở hữu các chất và phương pháp cấm, hoặc tàng trữ chất và phương pháp cấm, mà phù hợp với quy định về việc áp dụng giấy điều trị miễn giảm (TUE) theo tiêu chuẩn quốc tế thì không coi là một hành vi vi phạm quy tắc chống doping.

VĐV trong test thử doping của IFBB cũng như VĐV tham gia ở bất cứ giải quốc tế nào phải có TUE của IFBB cấp (không lưu tâm đến VĐV đã có TUE của quốc gia cấp). Việc ứng dụng TUE phải được làm càng sớm càng tốt (Trong trường hợp VĐV lần đầu tiên có mặt trong test thử doping) và ở bất cứ giải đấu nào trong trường hợp khẩn cấp thì không nộp chậm hơn 21 ngày trước khi VĐV tham dự giải.

Sự ngoại lệ duy nhất có trong tiêu chuẩn quốc tế về TUE đó là những VĐV không có trong test thử doping của IFBB hít phải các chất Glucocorticosteroids, formoterol, salbutamol, salmeterol và terbutaline để điều trị bệnh hen suyễn hoặc các biến thể lâm sàng của nó thì không cần TUE trước khi tham gia một giải quốc tế, trừ khi IFBB có quy định. Thay vào đó, nếu cần thiết thì bất cứ một VĐV nào có thể áp dụng TUE ngay sau giải đấu theo quy định của Luật chống doping.

Để có TUE thì IFBB sẽ chỉ dẫn cho các VĐV thuộc liên đoàn quốc gia. Những VĐV thuộc diện test, người cần phải sử dụng chất và phương pháp cấm vì lý do điều trị thì phải có TUE từ tổ chức chống doping của nước đó hoặc được chỉ định từ liên đoàn quốc gia đó dưới yêu cầu của các quy tắc của tổ chức chống doping quốc gia đó. Liên đoàn quốc gia phải kịp thời báo cáo tất cả TUE đến IFBB và WADA.

Ban điều hành IFBB sẽ chỉ định một nhóm bác sỹ để xem xét các yêu cầu về TUE. Khi IFBB nhận được yêu cầu về TUE thì chủ tịch hội đồng sẽ chỉ định một hoặc vài thành

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

viên (có thể bao gồm cả chủ tịch) xem xét, đánh giá theo yêu cầu tiêu chuẩn quốc tế về TUE và đưa ra các quyết định cho từng yêu cầu cụ thể, đó chính là quyết định cuối cùng của IFBB.

Theo yêu cầu của VĐV hoặc của chính IFBB thì WADA có thể xem xét cấp hoặc từ chối cấp bất cứ TUE nào của IFBB. WADA chấp nhận cấp hoặc từ chối cấp TUE nếu không thực hiện theo đúng tiêu chuẩn quốc tế đối với TUE, WADA có thể đảo ngược quyết định về TUE. Không thoả mãn với quyết định về TUE có thể khiếu nại theo quy định.

Tất cả VĐV thuộc liên đoàn quốc gia phải tham gia test của IFBB, các liên đoàn quốc gia và bất kể tổ chức chống doping nào khác có trách nhiệm thực hiện bài test tại các giải mà có VĐV của mình tham dự. Tất cả VĐV thuộc liên đoàn quốc gia bao gồm cả VĐV bị cấm thi đấu hoặc đình chỉ tạm thời cũng sẽ được tham gia bài test ngoài giải đấu tại bất cứ thời điểm nào do IFBB và WADA thực hiện, và điều này có thể được báo trước hoặc không được báo trước. Mục tiêu của bài test được ưu tiên thực hiện.

Tại giải vô địch thế giới, Ủy ban y tế IFBB sẽ quyết định số lượng và vị trí bài test từ đầu đến cuối và đó là một bài test ngẫu nhiên nên mục tiêu của bài test sẽ được thực hiện. Ủy ban y tế IFBB đưa ra mục tiêu và số lượng VĐV nhất định mà không nhất thiết phải liên quan đến vị trí cuối cùng để tối đa hoá sự đa dạng các test thử cho VĐV.

Tại các giải vô địch quốc gia, giải vô địch khu vực và châu lục, Ủy ban y tế của từng quốc gia, khu vực và châu lục sẽ xác định số lượng VĐV được chọn tham gia bài test và tiến hành làm thủ tục lựa chọn các VĐV tham gia bài test.

Ngoài các thủ tục lựa chọn được quy định, Ủy ban y tế của IFBB tại giải vô địch thế giới và Ủy ban y tế từng quốc gia, khu vực và Châu lục tại các giải vô địch cũng có thể lựa chọn VĐV cho mục tiêu bài test với điều kiện mục tiêu bài test không dùng cho bất cứ mục đích nào khác ngoài việc dùng để kiểm soát doping một cách hợp pháp.

Các VĐV tham gia vào bài test doping của IFBB sẽ được Ủy ban y tế của IFBB chọn, hoặc các VĐV tham gia bài test doping của liên đoàn quốc gia, khu vực và châu lục sẽ được Ủy ban y tế tương ứng lựa chọn thông qua một quá trình căn bản tuân theo bài test tiêu chuẩn quốc tế.

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

IFBB và các liên đoàn thành viên và Ban tổ chức giải vô địch cấp quốc gia, khu vực, châu lục và thế giới sẽ đưa ra những điểm được áp dụng đến với người quan sát độc lập.

Nếu phát hiện có những hành vi vi phạm luật chống doping trong thời gian thi đấu thì kết quả của VĐV sẽ bị huỷ toàn bộ và kéo theo cả việc bị tước huy chương và phần thưởng. Trừ những trường hợp mà VĐV chứng minh được rằng họ không có lỗi hoặc do sơ xuất mà vi phạm thì kết quả của họ tại các giải đấu khác sẽ không bị huỷ trừ khi kết quả đó khác so với kết quả tại lần vi phạm.

Sử dụng, thử sử dụng và sở hữu những chất cấm và phương pháp cấm, thời gian cấm thi đấu tùy thuộc vào sự có mặt các chất cấm và đồng hoá của nó, và sự sở hữu các chất và phương pháp cấm, trừ điều kiện bỏ hoặc giảm thời gian cấm thi đấu hoặc điều kiện tăng thêm thời gian cấm thi đấu mức vi phạm đầu tiên là cấm thi đấu 2 năm.

Cấm thi đấu đối với những vi phạm luật chống doping khác thì thời gian cấm thi đấu đối với những vi phạm này như sau:

+ Với những vi phạm từ chối hoặc không nộp vật mẫu hoặc không tham gia bài test thì thời gian cấm sẽ là 2 năm.

+ Với những vi phạm Buôn bán, Phân phát các chất và phương pháp cấm, thời gian cấm thi đấu được đưa ra ít nhất là 4 năm cho đến vĩnh viễn. Những vi phạm xảy ra đối với trẻ vị thành niên được xem là những vi phạm nghiêm trọng. Nếu được cam kết từ VĐV hỗ trợ cho những vi phạm khác với các chất quy định thì kết quả là VĐV hỗ trợ sẽ bị cấm thi đấu suốt đời. Thêm vào đó, những vi phạm đáng chú ý, những vi phạm phi thể thao và những điều lệ sẽ được báo cáo các cấp có thẩm quyền, chuyên gia, và cơ quan luật pháp.

+ Với những vi phạm tại không nộp hồ sơ hoặc không tham gia bài test, thì thời gian cấm thi đấu ít nhất là 1 năm và nhiều nhất là 2 năm dựa trên lỗi vi phạm của VĐV.

Bỏ hoặc giảm thời gian cấm thi đấu đối với các chất quy định trong hoàn cảnh đặc biệt khi VĐV hoặc người khác chứng minh được rằng các chất quy định tồn tại trong cơ thể VĐV không nhằm mục đích nâng cao thành tích cho VĐV hoặc nhằm mục đích che giấu việc sử dụng chất kích thích để nâng cao thành tích VĐV thì thời gian cấm thi đấu sẽ được đưa ra như sau: vi phạm lần đầu thì thấp nhất là khiển trách và không cấm thi đấu

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

tại các giải kế tiếp và nặng nhất là cấm thi đấu 2 năm. Để chứng minh việc bỏ hoặc giảm thời gian cấm thi đấu thì VĐV hoặc những người khác phải đưa ra được bằng chứng rõ ràng và thêm vào đó bằng chứng của VĐV phải chứng minh một cách đầy đủ việc không có ý định nâng cao thành tích hoặc che giấu việc sử dụng chất kích thích nhằm nâng cao thành tích của mình với ban điều trần. VĐV hoặc những người khác chấp nhận lỗi sẽ được xem xét, đánh giá về việc giảm thời gian cấm thi đấu.

Bỏ hoặc giảm thời gian cấm thi đấu dựa vào các trường hợp đặc biệt như sau:

+ Nếu VĐV chứng minh được rằng cá nhân mình không có lỗi hoặc do sơ xuất vi phạm thì thời gian cấm thi đấu sẽ được huỷ bỏ. Khi các chất cấm và chất chuyển hoá của nó được phát hiện trong mẫu thử của VĐV thì VĐV phải chứng minh được các chất cấm đi vào trong cơ thể của mình bằng con đường nào, có như thế thì thời gian cấm thi đấu sẽ được huỷ bỏ. Trong trường hợp điều này được áp dụng và thời gian cấm thi đấu được huỷ bỏ, thì những vi phạm về luật chống doping sẽ không được xem xét đến với mục đích xác định giới hạn thời gian cấm thi đấu.

+ Nếu VĐV hoặc người khác chứng minh được trong trường hợp mình không có lỗi nghiêm trọng hoặc sơ xuất vi phạm thì thời gian cấm thi đấu có thể được giảm, nhưng thời gian cấm thi đấu giảm có thể sẽ không quá một nửa thời gian được đưa ra. Nếu thời gian cấm thi đấu là vĩnh viễn thì thời gian giảm sẽ không ít hơn 8 năm. Khi các chất cấm hoặc các chất chuyển hoá của nó tìm được trong mẫu thử của VĐV thì VĐV cũng sẽ phải chứng minh được con đường mà các chất này đi vào cơ thể mình thì thời gian cấm thi đấu sẽ được giảm.

+ Ủy ban chống doping của IFBB có quyết định kháng án cuối cùng hoặc kết thúc thời gian kháng án, đình chỉ một phần thời gian cấm thi đấu với những trường hợp VĐV hoặc những người khác cung cấp những vật chứng xác đáng cho tổ chức chống Doping, cơ quan luật pháp hoặc ban kỷ luật, những kết quả mà tổ chức chống doping tìm ra hoặc chứng minh được về hành vi vi phạm luật chống doping từ những người khác hoặc kết quả mà tổ chức quan luật pháp hoặc Ban kỷ luật tìm ra hoặc chứng minh những hành vi vi phạm hoặc những vi phạm về luật chuyên nghiệp từ một người khác. Quyết định cuối cùng hoặc kết thúc thời gian kháng án, IFBB có thể chỉ hoãn một phần thời gian cấm thi đấu với sự đồng thuận của WADA. Phạm vi áp dụng thời gian cấm thi đấu có thể được

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

hoãn dựa trên việc xem xét tính chất nghiêm trọng của hành vi vi phạm luật của VĐV và điều quan trọng là vật chứng xác đáng của VĐV trong việc cố gắng loại trừ doping trong thi đấu thể thao. Thời gian cấm thi đấu sẽ được hoãn không quá $\frac{3}{4}$ thời hạn. Nếu thời gian cấm thi đấu là vĩnh viễn thì thời gian hoãn không được quá 8 năm. Nếu IFBB hoãn bất cứ một phần thời gian cấm thi đấu nào theo quy định, điều đó thúc đẩy đưa ra văn bản chứng minh cho quyết định của mình tới từng tổ chức chống doping về quyết định kháng cáo. Nếu IFBB phục hồi lại một phần nào thời gian cấm thi đấu vì VĐV đã cung cấp những vật chứng sai sự thật mà đã được biết trước, VĐV có thể kháng án theo luật.

+ Trong trường hợp VĐV hoặc người khác tự thừa nhận những hành vi vi phạm trước khi hàng loạt kết quả mẫu thử được thông báo, thì việc thừa nhận sẽ chỉ là bằng chứng đáng tin cậy tại thời điểm thừa nhận, sau đó thời gian cấm thi đấu sẽ được giảm nhưng không quá một nửa so với thời gian quy định.

+ Khi VĐV hoặc người khác chứng minh được mình thuộc những trường hợp được giảm hoặc hoãn hình phạt cấm thi đấu thì thời gian cấm thi đấu sẽ được giảm hoặc hoãn nhưng không quá $\frac{1}{4}$ thời gian quy định.

Những tình tiết tăng nặng có thể sẽ làm tăng thời gian cấm thi đấu. Nếu IFBB chứng minh một trường hợp nào có liên quan đến những hành vi vi phạm luật khác với những hành vi như Buôn bán hoặc tàng trữ các chất và phương pháp cấm thi những tình tiết tăng nặng có thể được áp dụng để tăng thời gian cấm thi đấu lên so với mức quy định, như vậy thời gian cấm thi đấu sẽ được tăng lên mức tối đa là 4 năm trừ khi VĐV có thể đưa ra những minh chứng về sự thiếu hiểu biết về luật. VĐV có thể tránh việc áp dụng điều này bằng cách thừa nhận hành vi vi phạm luật một cách kịp thời sau khi đối mặt với những vi phạm của IFBB.

Đối với VĐV vi phạm lần 1 thì thời gian cấm thi đấu đã đưa ra như trên (huỷ bỏ, hoãn, giảm hoặc tăng thời gian cấm thi đấu). Đối với VĐV vi phạm lần 2 thì thời gian cấm thi đấu được đưa ra tại bảng dưới đây:

Vi phạm lần 2 \ Vi phạm lần 1	RS	FFMT	NSF	St	AS	TRA
RS	1-4 năm	2-4 năm	2-4 năm	4-6 năm	8-10 năm	10-vĩnh viễn

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

FFMT	1-4 năm	4-8 năm	4-8 năm	6-8 năm	10-vĩnh viễn	vĩnh viễn
NSF	1-4 năm	4-8 năm	4-8 năm	6-8 năm	10-vĩnh viễn	vĩnh viễn
St	2-4 năm	6-8 năm	6-8 năm	8-vĩnh viễn	vĩnh viễn	vĩnh viễn
AS	4-5 năm	10-vĩnh viễn	10-vĩnh viễn	vĩnh viễn	vĩnh viễn	vĩnh viễn
TRA	8-vĩnh viễn	vĩnh viễn	vĩnh viễn	vĩnh viễn	vĩnh viễn	vĩnh viễn

RS: Giảm hình phạt đối với chất quy định.

FFMT: Không gửi hồ sơ và không tham gia bài tesst.

NSF: Giảm hình phạt đối với trường hợp do sơ xuất vi phạm hoặc không có lỗi nghiêm trọng.

ST: Mức phạt.

AS: Buôn bán và tàng trữ.

Khi VĐV hoặc người mắc sai lầm vi phạm lần 2 về luật chống doping chứng minh việc được phép hoãn hoặc giảm thời gian cấm thi đấu, thì ban điều trần có trách nhiệm đầu tiên trong việc xác định thời gian cấm thi đấu được áp dụng, và sau đó áp dụng việc hoãn hoặc giảm thời gian cấm thi đấu. Thời gian cấm thi đấu còn lại sau khi đã áp dụng việc hoãn hoặc giảm thì phải ít nhất bằng $\frac{1}{4}$ thời gian cấm thi đấu.

Vi phạm luật chống doping lần 3 sẽ có hệ quả là cấm thi đấu vĩnh viễn, nếu vi phạm lần 3 có đủ điều kiện cho việc huỷ bỏ hay giảm thời gian cấm thi đấu hoặc liên quan đến vi phạm không nộp hồ sơ và không tham gia bài test. Trong những trường hợp đặc biệt thì thời gian cấm thi đấu có thể là từ 8 năm đến vĩnh viễn.

Đối với mục đích áp đặt lệnh trừng phạt theo quy định thì hành vi vi phạm sẽ chỉ được xem là vi phạm lần 2 nếu IFBB (hoặc liên đoàn quốc gia) có thể chứng minh rằng VĐV

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

vi phạm lần 2 sau khi VĐV nhận được thông báo về kết quả kiểm tra, hoặc IFBB (hoặc liên đoàn quốc gia) đã nỗ lực đưa ra thông báo về hành vi vi phạm lần 1, nếu IFBB (hoặc liên đoàn quốc gia) không thể chứng minh được điều này thì những vi phạm được xem là những vi phạm lần 1, và hình thức xử phạt sẽ dựa vào những vi phạm mà có hình thức xử phạt nặng, tuy nhiên sự xuất hiện của các vi phạm có tần suất tăng lên thì có thể được coi là một yếu tố tăng nặng.

Nếu sau khi phân tích hành vi vi phạm lần 1, IFBB phát hiện ra những hành vi của VĐV liên quan đến những vi phạm luật chống doping xảy ra trước khi thông báo về việc vi phạm lần 1, thì ngay sau đó IFBB sẽ áp dụng hình thức xử phạt bổ sung dựa trên việc xử phạt có thể được áp dụng nếu hai hành vi vi phạm xảy ra cùng lúc. Kết quả trong tất cả các giải từ trước lúc vi phạm sẽ bị huỷ bỏ theo quy định. Để tránh khả năng có thể làm tình tiết tăng nặng thì phải có báo cáo trong thời gian sớm nhất nhưng khi phát hiện hành vi vi phạm sau thì VĐV hoặc người khác phải tự nguyện thừa nhận hành vi vi phạm quy tắc chống doping của mình trước đây trên cơ sở phải kịp thời thông báo vi phạm mà người đó là lần đầu tiên. Các quy tắc tương tự cũng được áp dụng khi IFBB phát hiện ra các hành vi vi phạm liên quan đến hành vi vi phạm trước.

Huỷ bỏ kết quả thi đấu tại các giải sau đối với những mẫu thử dương tính với doping hoặc những vi phạm về luật chống doping. Thêm vào đó, sẽ tự động huỷ tất cả kết quả tại giải đấu khi mẫu thử dương tính với doping, tất cả kết quả thi đấu đạt được trong ngày phát hiện dương tính với doping hoặc những hành vi vi phạm xảy ra cũng sẽ bị huỷ. Đồng thời sẽ bắt đầu giai đoạn tạm đình chỉ hoặc cấm thi đấu bằng việc huỷ toàn bộ kết quả và tịch thu huy chương, điểm và giải thưởng.

Điều kiện mà IFBB đưa ra để thu hồi tiền thưởng đó là sau khi đã tìm ra những vi phạm về doping thì VĐV phải trả lại toàn bộ tiền thưởng và chịu tiền phạt. Số tiền này sẽ được IFBB phân chia cho các VĐV khác theo tiêu chí của IFBB.

Thời gian cấm thi đấu sẽ bắt đầu vào ngày mà IFBB đưa ra quyết định cho những hành vi vi phạm của VĐV, hoặc nếu điều tra bị huỷ bỏ thì ngày cấm thi đấu không được công nhận và áp dụng.

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

Trong trường hợp có sự chậm trễ trong điều tra hoặc một số vấn đề khác trong việc kiểm soát doping mà lỗi không phải của VĐV thì IFBB hoặc tổ chức chống doping có thể áp dụng thời gian cấm thi đấu đối với VĐV sớm nhất vào ngày mà mẫu thử cho kết quả dương tính với doping hoặc ngày mà những hành vi vi phạm luật chống doping mới nhất xảy ra.

Khi VĐV kịp thời thừa nhận những hành vi vi phạm sau khi phải đối mặt với những hành vi vi phạm luật của IFBB, thì thời gian cấm thi đấu có thể bắt đầu sớm nhất vào ngày mà mẫu thử cho kết quả dương tính với doping hoặc ngày mà những hành vi vi phạm luật chống doping mới nhất xảy ra. Tuy nhiên, trong mỗi trường hợp áp dụng luật thì VĐV có trách nhiệm thực hiện ít nhất một nửa thời gian cấm thi đấu kể từ ngày VĐV nhận quyết định xử phạt.

Nếu hình thức tạm thời đình chỉ được thực hiện và được VĐV tôn trọng thì VĐV sẽ tạo được ảnh hưởng cho thời gian tạm đình chỉ, điều này giúp chống lại bất kỳ thời gian cấm thi đấu nào mà có thể được áp dụng cuối cùng.

Nếu VĐV tự nguyện chấp nhận văn bản tạm đình chỉ của IFBB và hạn chế thi đấu, thì VĐV đó sẽ tạo được ảnh hưởng cho thời gian tạm đình chỉ tự nguyện, điều này giúp chống lại bất kỳ thời gian cấm thi đấu nào mà có thể được áp dụng cuối cùng. Bản sao văn bản tạm đình chỉ của VĐV sẽ được cung cấp kịp thời cho mỗi bên liên quan.

Không có ảnh hưởng chống lại thời gian cấm thi đấu sẽ được đưa ra cho bất kỳ khoảng thời gian trước ngày văn bản tạm đình chỉ có hiệu lực hoặc văn bản tạm đình chỉ tự nguyện bất kể cho dù các vận động viên được bầu không thi đấu hoặc bị đình chỉ do đội của mình.

Không một VĐV hay người nào trong suốt thời gian cấm thi đấu được tham gia vào bất cứ giải đấu chuyên nghiệp hoặc cấp quốc gia, quốc tế nào hay một hoạt động nào khác ngoài chương trình giáo dục chống doping do IFBB tổ chức hoặc do bất cứ liên đoàn quốc gia nào hoặc câu lạc bộ hoặc các tổ chức thành viên khác của IFBB. Một VĐV có thời gian cấm thi đấu hơn 4 năm thì sau khi hoàn thành 4 năm sẽ được tham gia vào các giải địa phương nhưng với môn thể thao khác với môn đang bị IFBB và liên đoàn quốc gia xét xử. Tuy nhiên chỉ là giải địa phương không phải giải có mức độ để tích điểm trực

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

tiếp hoặc gián tiếp cho một giải vô địch quốc gia hoặc quốc tế. VĐV vẫn phải chịu sự giám sát một khoảng thời gian sau đó.

Khi VĐV đang trong thời gian cấm thi đấu mà lại vi phạm thì hậu quả là thời gian cấm thi đấu trước bị loại bỏ và thời gian cấm thi đấu này sẽ được bắt đầu áp dụng lại kể từ ngày phát hiện có hành vi vi phạm. Giai đoạn cấm thi đấu mới này cũng có thể được giảm nếu VĐV chứng minh được mình không có lỗi hoặc do sơ xuất vi phạm. Và việc xác định thời gian giảm theo quy định sẽ được IFBB xem xét và thực hiện.

Thêm vào đó, đối với bất cứ hành vi vi phạm nào không liên quan đến việc giảm hình thức xử phạt ở một số môn hoặc tất cả các môn liên quan đến hỗ trợ tài chính sẽ được IFBB và liên đoàn quốc gia khấu trừ hỗ trợ tài chính .

Điều kiện để lấy lại tư cách thi đấu của VĐV đó là thời gian kết thúc hình phạt cấm thi đấu, VĐV phải sẵn sàng tham gia vào bài test thử nghiệm ngoài thi đấu của IFBB hoặc liên đoàn quốc gia hoặc bất cứ tổ chức chống doping có thẩm quyền nào thực hiện và các bài test này phải đạt tiêu chuẩn quốc tế. Nếu VĐV trong thời gian cấm thi đấu mà giải nghệ và rút hồ sơ ra khỏi test thử nghiệm ngoài thi đấu và sau đó muốn phục hồi lại thì VĐV đó không đủ tư cách phục hồi cho đến khi VĐV đó khai báo với IFBB và liên đoàn quốc gia về việc thực hiện test thử nghiệm ngoài thi đấu với thời gian bằng thời gian cấm thi đấu kể từ ngày VĐV giải nghệ. Trong thời gian cấm thi đấu còn lại VĐV phải tiến hành tối thiểu 2 test và thời gian giữa mỗi test ít nhất là 3 tháng. Liên đoàn quốc gia có trách nhiệm tiến hành các test cần thiết, nhưng những test do tổ chức chống doping bất kỳ nào sử dụng đúng yêu cầu. Các kết quả của các test phải được báo cáo với IFBB. Thêm vào đó, ngay trước khi kết thúc thời gian cấm thi đấu VĐV phải trải qua test thử nghiệm về các chất cấm và phương pháp cấm của IFBB. Một thời gian sau khi thời gian cấm thi đấu hết hạn VĐV phải thực hiện đầy đủ các điều kiện để lấy lại tư cách thi đấu, thì sau đó VĐV sẽ tự đủ tư cách thi đấu.

Tổ chức chống doping có thể đưa ra hình thức xử phạt tài chính cho những hành vi vi phạm. Mặc dù vậy không hình thức xử phạt tài chính nào có thể là cơ sở cho việc giảm hình phạt hoặc các hình thức xử phạt khác không áp dụng trong luật.

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

IFBB cũng đã đưa ra mức kỷ luật cho cả đội nếu có thành viên vi phạm luật chống doping như sau:

+ Nếu một thành viên trong đội bị phát hiện có vi phạm trong giải đấu mà thứ hạng của đội được tính dựa trên kết quả của từng cá nhân, thì kết quả của VĐV vi phạm sẽ được trừ từ kết quả của toàn đội.

+ Nếu hơn một thành viên của đội bị phát hiện có vi phạm trong giải đấu mà thứ hạng của đội được tính dựa trên kết quả của từng cá nhân, thì kết quả của cả đội sẽ bị huỷ bỏ.

Về tài chính, Ban điều hành IFBB có quyền giữ lại một phần hoặc toàn bộ nguồn tài trợ hoặc những tài trợ phi tài chính khác để hỗ trợ các liên đoàn thành viên mà không cần tuân theo luật. Còn liên đoàn thành viên có nghĩa vụ hoàn trả lại IFBB toàn bộ các chi phí.

IFBB có thể lựa chọn để có thêm hành động kỷ luật đối với một Liên đoàn quốc gia, khu vực hoặc Châu lục được công nhận đủ điều kiện của cán bộ, công chức và vận động viên của mình tham gia vào các sự kiện quốc tế, và tiền phạt dựa trên những điều sau đây:

+ Nếu có 4 lần hoặc nhiều hơn 4 lần vi phạm của VĐV mà có liên kết với liên đoàn quốc gia trong khoảng thời gian 12 tháng tiến hành test do IFBB hoặc tổ chức chống doping thực hiện khác hơn so với các liên đoàn quốc gia và tổ chức chống doping của mình thì IFBB có thể tùy ý lựa chọn hình phạt như: Cấm tất cả các quan chức của liên đoàn quốc gia đó tham gia hoạt động trong IFBB (bao gồm cả ở cấp quốc gia, khu vực và châu lục) trong thời gian lên đến 2 năm hoặc phạt liên đoàn quốc gia đó một khoản tiền xác định theo quyết định của Ban điều hành IFBB.

Ngoài các vi phạm kể trên, thì IFBB có thể đình chỉ các liên đoàn thành viên tham gia các vào các hoạt động trong IFBB trong thời gian lên đến 4 năm.

+ Nếu một VĐV của một liên đoàn quốc gia có hành vi vi phạm luật chống doping tại giải vô địch thế giới thì IFBB có thể phạt liên đoàn quốc gia đó một khoản tiền xác định theo quyết định của Ban điều hành IFBB.

QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG DOPING CỦA MỘT SỐ LIÊN ĐOÀN TRÊN THẾ GIỚI

+ Nếu liên đoàn quốc gia không lưu giữ những thông tin về nơi ở của VĐV sau khi nhận được yêu cầu từ IFBB thì IFBB có thể phạt liên đoàn quốc gia một số tiền xác định theo quyết định của Ban điều hành cho tất cả các chi phí phát sinh trong việc kiểm tra VĐV của Liên đoàn quốc gia đó.

Thu Hà biên dịch

Nguồn tham khảo:

<http://www.wada-ama.org/>; <http://www.ausport.gov.au>; www.ukad.org.uk;
www.sportscotland.org.uk; www.pch.gc.ca; <http://app.antidoping.org.sg>; www.cbc.ca;
www.sports.gov.cn; www.pentathlon.org.au; www.usaad.org/stats/;
<http://en.rian.ru/russia>;

Anti-Doping IAAF www.iaaf.org; Anti-Doping ISSF www.issf-sports.org; Anti-Doping
FINA www.fina.org; Anti-Doping IPF www.powerlifting-ipf.com; Anti-Doping IFBB
www.getbig.com/info/ifbb.htm.